

NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH

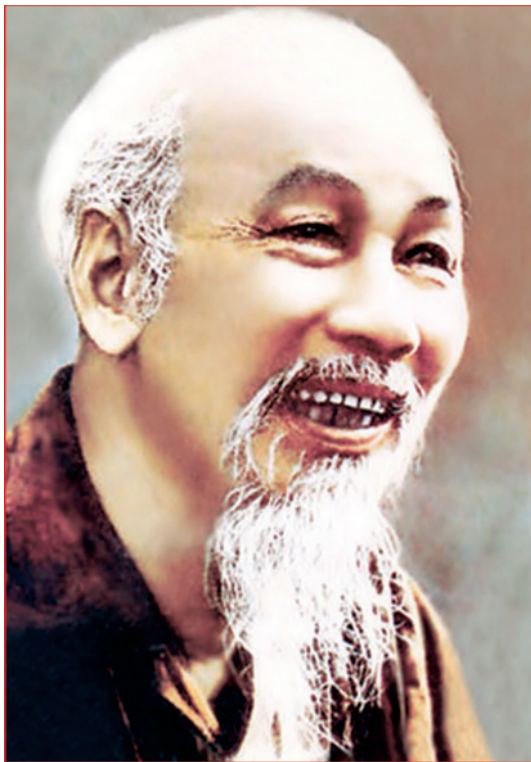
Tập 3

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO

**NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

Tập 3

Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ
TP. Hồ Chí Minh 2014



Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa, thì không thành trời.
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức, thì không thành người.

LỜI GIỚI THIỆU

Phần I

**TAM GÖÔNG ÑAO ÑÖC
HO CHÍ MINH**

DÙ TÁ HAY TƯỚNG ĐỀU PHẢI LO PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Vào khoảng tháng 7-1944, một máy bay Mỹ bị quân Nhật bắn rơi ở Hòa An, Cao Bằng. Phi công Mỹ nhảy dù rơi xuống cánh rừng đã bị du kích địa phương bắt.

Lúc này Mỹ ở trong phe Đồng minh chống phát xít. Phi công Mỹ được đưa đến chỗ chúng tôi. Bác gọi tôi đến, chỉ thị:

Tuy ta còn thiếu thốn, nhưng các chú cố gắng cho anh ta ăn uống tương đối, cư xử tử tế, nhân đạo để họ hiểu ta.

- Vâng lệnh Bác, chúng tôi đã làm như vậy. Phi công Mỹ được ăn với khẩu phần hơn chúng tôi.

Sau đó mấy ngày, Bác cho đưa anh ta đến gặp Bác. Bác hỏi chuyện bằng tiếng Anh. Người phi công vô cùng ngạc nhiên, trở mắt nhìn Bác đầy vẻ kính phục, không sao hiểu nổi ở chốn rừng núi này lại gặp được một ông già gầy guộc, mặc áo chàm với đôi mắt rục sáng lại nói tiếng Anh rất thành thạo, am hiểu phong tục nước Mỹ.

Sao (Shaw) – tên người phi công – tha thiết xin được

trả về Bộ Chỉ huy Mỹ đang đóng trên đất Trung Quốc, dù có phải tốn phí đến bao nhiêu khi về nước cũng xin Chính phủ Mỹ và gia đình lo chịu.

Bác mỉm cười và giải thích thêm:

- Các anh trong quân đội Đồng minh, cùng chung một mục đích chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. Chúng tôi cư xử với anh như thế này là thể hiện những cam kết thiện chí chứ không phải dùng anh vào mục đích kiếm lợi.

Sao đã hiểu và càng kính phục, tin tưởng Bác. Sau đó, chính anh ta đã được Bác cho theo sang Côn Minh, trao lại cho Bộ Tư lệnh Mỹ.

... Bác ở Trung Quốc về được một thời gian, Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ điện cho Bác, xin được cử người sang hợp tác bằng cách họ sẽ cho người nhảy dù xuống căn cứ Tân Trào.

Tôi lại được Bác giao nhiệm vụ đón 5 người Mỹ này. Chúng tôi đốt lửa lấy khói làm ám hiệu cho máy bay biết mục tiêu. Khi họ nhảy dù xuống, chúng tôi tập hợp bộ đội hoan hô họ. Họ rất cảm động trước việc làm đó của ta.

Sau khi tiếp 5 nhân viên tình báo quân sự Mỹ, họ đều được Bác giao nhiệm vụ.

Bác chỉ thị thành lập đại đội Việt - Mỹ và chỉ thị tôi làm đại đội trưởng.

Một người Mỹ mang hàm thiếu tá tên là Tômát (Thomas) làm tham mưu trưởng đại đội. Lúc đó, tôi còn

nhớ là tôi rất tự hào. Tôi thưa với Bác là nếu thiếu tá làm tham mưu trưởng, thì đại đội trưởng gọi là cấp gì, nào ngờ nét mặt Bác nghiêm lại. Bác bảo:

- Chú phải lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt, dù tá hay tướng, đã là một chiến sĩ cách mạng cũng đều phải lo phục vụ nhân dân.

Từ bấy đến nay tôi luôn luôn nhớ lời dạy ấy.

BÍCH HẠNH

*Ghi lời kể của Thượng tướng Đàm Quang Trung
(117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh)*

NÊU GƯƠNG

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, với bản Tuyên ngôn độc lập bất hủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhà nước non trẻ của chúng ta lúc bấy giờ gặp muôn vàn khó khăn: nằm giữa vòng vây của thù trong giặc ngoài, vận nước như “nghìn cân treo sợi tóc”, nạn đói hoành hành, nạn sốt phổ biến, ngân quỹ quốc gia trống rỗng... Ngày 3-9-1945, tức là chỉ một ngày sau Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì cuộc họp Hội đồng Chính phủ và trình bày với các bộ trưởng “Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, nêu lên một cách súc tích 6 vấn đề cấp bách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là những vấn đề cấp bách nhất, thiết thực nhất mà chính quyền cách mạng vừa mới ra đời phải giải quyết trong hoàn cảnh đất nước còn chồng chất khó khăn và thiếu thốn. Để góp phần giải quyết nạn đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài “Sẻ cơm nhường áo” đăng trên báo Cứu quốc, trong đó có đoạn “Từ tháng Giêng đến tháng Bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói. Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ. Lúc chúng ta nâng bát

cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng”. Trước tình cảnh đó, Người đề nghị “với đồng bào cả nước” và chính Người gương mẫu thực hành trước: “*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”. Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói”. Trước khi về Hà Nội, Bác Hồ trải qua trận ốm dài ngày “thập tử nhất sinh” tại Chiến khu Việt Bắc cho nên còn Người còn rất gầy yếu. Ấy vậy mà Người vẫn nêu gương nhịn đói để góp phần lấy gạo cứu dân nghèo. Chẳng những thế, đồng chí Lê Gia Định, chính trị viên đại đội 1, làm nhiệm vụ bảo vệ Bắc Bộ phủ những ngày tháng sau Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945 đã kể lại rằng:

“Tôi được điều động về làm chính trị viên đại đội một, làm nhiệm vụ bảo vệ Bắc Bộ phủ, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc. Nhà Bắc Bộ phủ gồm ba tầng, tầng trên cùng là nơi Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng - Phó Chủ tịch nước- làm việc. Tầng hai là nơi để Bác và cụ Huỳnh tiếp khách, đồng thời là phòng họp của Chính phủ. Tầng một thường gọi là tầng hầm, được bố trí làm nhà bếp, nấu cơm hàng ngày của Cụ Hồ và Cụ Huỳnh Thúc Kháng và là nơi trú quân của cán bộ chiến sĩ đại đội một chúng tôi. Tuy ở trên tầng ba nhưng hàng ngày Bác xuống tầng một để hỏi thăm sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ. Một hôm Bác xuống thăm đúng vào giờ ăn cơm trưa, thấy trong mâm cơm chỉ có đĩa rau muống luộc, vài miếng đậu phụ kho tương với bát nước luộc rau, Bác hỏi:

- Các chú ăn có được no không?

Tôi thay mặt cán bộ chiến sĩ thưa lại với Bác:

- “Dạ thưa Cụ ...”, (hồi ấy chúng tôi thường gọi Bác là Cụ, để biểu lộ lòng tôn kính vị Chủ tịch nước, sau này được phép mới gọi bằng Bác).

Giọng Bác bùi ngùi:

- Nước ta mới giành được chính quyền, lại vừa qua nạn đói khủng khiếp năm 1945, nên còn nghèo lắm. Nay đang phải đối phó với cả ba thứ giặc: Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm nên Chính phủ chưa thể tăng tiêu chuẩn ăn cho bộ đội. Các chú cố gắng tăng gia tự túc được rau, dồn tiền mua thêm ít thịt cá để cải thiện bữa ăn.

Bác hỏi tiếp:

- Mỗi tuần các chú vẫn nhịn ăn một bữa để cứu đói đấy chứ?

Tôi thưa lại với Bác:

- Dạ thưa Cụ! Hàng tuần vào chiều thứ sáu chúng cháu vẫn thực hiện nhịn ăn một bữa để góp gạo cứu đói ạ.

Nghe chúng tôi thưa lại, Người trầm ngâm suy nghĩ, nhìn anh em từ đầu đến chân rồi lặng lẽ bước lên cầu thang. Mấy ngày sau, tôi triệu tập cán bộ tiểu đội, trung đội lên phổ biến chỉ thị mới của Cụ:

- Từ nay các chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ ở Bắc Bộ phủ không phải nhịn ăn mỗi tuần một bữa nữa để bảo đảm sức khỏe thực hiện nhiệm vụ.

Nghe tôi phổ biến xong anh em ai nấy đều xúc động, muốn khóc, nghĩ rằng hàng tuần vào chiều thứ 6 bếp nấu ăn cho Cụ Hồ và Cụ Huỳnh đều không nhóm lửa vì hai cụ vẫn làm gương nhịn ăn một bữa trong tuần để cứu đói cho đồng bào. Bộ đội mình luyện tập và canh gác tuy có mệt nhưng làm sao mệt bằng các Cụ phải lo toan trăm công nghìn việc?

Vào một đêm, khi đã khuya, tôi vừa đi thay phiên gác về, chợt trông thấy một bóng người đi đến từng giường, giắt lại màn cho từng chiến sĩ. Một chiến sĩ ngủ say bỏ tay ra ngoài, Người đó nhẹ nhàng nhắc bàn tay đặt vào giường rồi giắt lại màn rất cẩn thận. Lúc đầu tôi cứ tưởng là đồng chí đại đội trưởng đi kiểm tra, khi đến gần, tôi giật mình nhận ra đó là Cụ Hồ- vị Chủ tịch nước của chúng ta. Tôi bước nhẹ nhàng đến gần Bác cất tiếng chào:

- Cháu chào Cụ ạ!

Bác quay lại hỏi:

- Chú là chỉ huy phải không?.

Tôi thưa lại:

- Dạ thưa Cụ vâng ạ.

Tôi nhớ đêm hôm ấy là vào tháng 7 âm lịch, trời rất nóng. Gian buồng của tiểu đội một chúng tôi lại ở gian giữa, không có quạt, không có cửa sổ cho nên càng nóng hơn, ban đêm muỗi lại nhiều. Bác nhìn tôi, lại nhìn các giường kê sát nhau và nói:

- Trời nóng thế này anh em ngủ sao được? Trên tầng

hai rộng rãi lại có quạt trần, từ nay đêm nào nóng quá lên đó mà ngủ, sáng ra dọn dẹp xong, lại xuống, còn bây giờ các chú có thể lên ngay.

Tôi thưa lại:

- Cháu cảm ơn Cụ, nhưng để cháu báo cáo lại với cấp trên của cháu cho đúng quy định, nếu không thì sáng mai cháu bị khiển trách.

Bác nói ngay:

- Đã khuya rồi, đừng báo cáo các chú chỉ huy nữa, chú cứ cho anh em lên tầng hai ngủ, sáng mai cấp trên của chú có hỏi, chú cứ báo cáo là Bác Hồ đã cho phép. Nếu chú bị khiển trách thì Bác sẽ chịu trách nhiệm cho.”

Tình thương yêu của lãnh tụ đối với những quân nhân như thế động viên khuyến khích những người con của đất nước bất cứ khi nào Tổ quốc gọi, họ sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của dân tộc không chút đắn đo.

Trong những ngày đầu mới giành được độc lập, mặc dù phải lo trăm công nghìn việc, giải quyết những vấn đề “nước sôi lửa bỏng” của đất nước, ấy vậy mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chủ động sắp xếp lịch để đích thân Người tiếp các đại biểu các ngành, các giới, các đoàn thể, tôn giáo đến báo cáo, phản ánh tình hình ở địa phương, cơ sở, kiến nghị những tâm tư nguyện vọng chính đáng của người dân. Vào ngày 3-9-1945, tức là cũng chỉ một ngày sau Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành quy định “Về việc tiếp chuyện đại biểu các đoàn thể”. Trong nội dung quy định,

Bác nêu rõ: “Từ năm nay, tôi sẽ rất vui lòng tiếp chuyện các đại biểu của các đoàn thể như: Các báo Việt và Tàu, Văn hóa giới, Công giáo, Công hội, Thương giới, Thanh niên, Hoa kiều, Công chức, Phật giáo, Nông hội, Phụ nữ, Nhi đồng, vãn vãn”. Trong quy định, Người còn chú ý một số nội dung:

- “1. Gửi thư nói trước, để tôi sắp thì giờ, rồi trả lời cho bà con, như vậy thì khỏi phải chờ đợi mất công.
2. Mỗi đoàn đại biểu, xin chớ quá 10 vị.
3. Mỗi lần tiếp chuyện, xin chớ quá 1 tiếng đồng hồ”.

Chính một phần nhờ thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với đại biểu, nhân dân cho nên Chủ tịch Hồ Chí Minh nắm rất chắc, biết rất rõ những tha hóa, những “căn bệnh” của không ít “quan cách mạng” ngay sau khi Đảng mới giành được chính quyền. Chẳng hạn, hiện tượng “dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật ngông nghênh cậy thế, cậy quyền (...) khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng, có được mấy khẩu súng lục trong túi lúc nào cũng lăm le muốn bắn, đeo chiếc kiếm bên mình lúc nào cũng chỉ chọc muốn chọt người ta. Người ta còn bĩu môi nói đến bà “phủ trưởng” nọ bận quần áo chèn, tóc cắt ngắn cuội ngựa đi rong khắp chỗ mà chẳng có việc gì, người ta còn thì thào chỉ chỗ ông tỉnh trưởng kia vác ô tô đưa bà “tỉnh trưởng” đi chơi mát mỗi buổi chiều”.

Nhiều bài viết của Bác ngay sau khi Đảng ta giành được chính quyền đã chỉ ra những “căn bệnh” của cán bộ, đảng viên đến nay còn nguyên giá trị thời sự và tính chiến đấu,

giáo dục rất cao như: “Cách tổ chức các ủy ban nhân dân”, “Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà”, “Chính phủ là công bộc của dân”, “Muốn thành cán bộ tốt, phải có tinh thần tự chỉ trích”, “Thiếu óc tổ chức - Một khuyết điểm lớn trong các ủy ban nhân dân”, “Sao cho được lòng dân”, “Bỏ cách làm tiền ấy đi”, “Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” v.v. Trong bài báo “Sao cho được lòng dân” với bút danh Chiến Thắng, Bác Hồ đã yêu cầu cán bộ chính quyền “phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ đến đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới”. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước Bác Hồ đã lưu ý đến tư tưởng tham quyền cố vị của cán bộ, đảng viên: chúng ta “Phải tỏ cho mọi người biết rằng công việc là công việc chung, thiếu người ra gánh vác thì mình ra, nếu có người thay, mình sẽ nghỉ để làm việc khác, sẵn sàng nhường lại cho ai muốn làm và làm được (...) Nói tóm lại, muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy...”.

Chúng ta đang tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Thiết nghĩ, cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ đứng đầu, cần nêu gương học tập và làm theo Bác Hồ từ những việc nhỏ bé nhưng thiết thực như nêu gương tiết kiệm, giản dị trong sinh hoạt, đi lại; đích thân người đứng đầu phải bố trí lịch tiếp dân, giải

quyết những nhu cầu bức xúc, chính đáng của người dân; phải thương yêu cán bộ cấp dưới và người dân, nhường cơm sẻ áo, chia sẻ khó khăn, thiếu thốn, khổ cực của người dân. Nói như Bác thì “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thầy...”

VŨ LÂN

(<http://www.xaydungdang.org.vn>)

BA CHIỀU TRÁCH NHIỆM

Báo Cứu quốc số 69, ngày 17 tháng 10 năm 1945 có đăng “Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng”. Mới 45 ngày sau khi nước Việt Nam được thành lập, với tư cách và trách nhiệm của người đứng đầu Nhà nước, Bác đã rất sáng suốt chỉ ra những cở đại đầu tiên trong vườn hoa của chính quyền mới giành được. 42 năm qua, những tính chất thời sự của những lời dạy ấy vẫn đầy sức sống, như Bác mới nói với cán bộ chúng ta ngày sáng hôm nay vậy. Bác viết:

“Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ, và rất được lòng dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

1. *Trái phép* (...) vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm cho dân oán thán.
2. *Cậy thế* - Cậy thế mình trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải

để cậy thế với dân.

3. *Hủ hóa* – Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng phí, thử hỏi tiền bạc ấy ở đâu ra? Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức. Ông ủy viên đi xe hơi, rồi bà ủy viên, cho đến các cô các cậu ủy viên, cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những hao phí đó ai phải chịu?
4. *Tư túng* – Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai.
5. *Chia rẽ* – Bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng lẫn nhau, hòa thuận với nhau...
6. *Kiêu ngạo* – Tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian (...), Cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng” lên. Không biết rằng, thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ.

Bác cho rằng “những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân, tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi của Việt gian, mật thám”. Mặt khác, Bác ân cần nhắc dạy chúng

ta rằng: “ Trước mặt quần chúng, không phải ta viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến....”

Đối với những cán bộ mắc sai lầm, trong sách *Sửa đổi lối làm việc*, Bác nêu “*một không sợ*” và “*hai sợ*”,

- Không sợ có sai lầm, khuyết điểm,

- Sợ thứ nhất “không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm....”

- Sợ thứ hai “những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm...”. “Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm, sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy, đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên nhìn nhận rằng họ muốn như thế... Sự sửa đổi khuyết điểm một phần cố nhiên là trách nhiệm của cán bộ đó. Nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo”.

Sửa chữa sai lầm, cố nhiên dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi, có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng...”.

Trong công tác xét xử, Bác nhắc nhở: “không vì công mà quên lỗi, không vì lỗi mà quên công”, thuyết phục giáo dục là hàng đầu, nhưng phải có kỷ luật rất nghiêm.... Phải phân tích rõ ràng cái có sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng”. “Người đời ai cũng

có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm”. “Đảng ta không phải trên trời rơi xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết thói xấu tự tư, tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa.... Những thói xấu đó từ lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ; những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng, cũng như những người hàng ngày lợi bùn mà trên mình họ có hơi bùn, có vết bùn. Như thế thì có gì là kỳ quái?”

“Cũng như một nhà có rể khờ, dẫu đại không thể cấm họ gặp gỡ bà con. Đảng ta dù muốn giấu những người và những việc không tốt kia, cũng không thể giấu. Quần chúng luôn luôn liên lạc với Đảng ta... Họ chẳng những trông thấy những người tốt, việc tốt mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng. Họ sẽ ngơ ngác mà hỏi Đảng này là tốt, đảng viên đều là người tốt, vì sao lại có những người vu vơ, những việc mờ tối như thế nhỉ?”

42 năm đã qua, ngày nay, đọc lại những lời dạy bảo chí tình, chí nghĩa, chí ân ấy của Bác mà chúng ta giật mình, thấy nhút nhối trong tim.

Với trách nhiệm của người lãnh đạo, Bác đã chỉ ra cho cán bộ, đảng viên biết những sai lầm, khuyết điểm.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nói: “Biết cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm, khuyết điểm”. Những người có sai lầm, khuyết điểm cũng phải nhận lấy trách nhiệm mà sửa chữa. Nhân dân ta, Đảng ta như Bác nói: *“không sợ sai lầm, khuyết điểm. Trách nhiệm của chúng ta là phải chỉ ra được “những người vu vơ, những việc mờ tối”.*

Không nên quên rằng pháp chế không phải chỉ là một hiện tượng thuần túy pháp lý, một hiện tượng Nhà nước-pháp luật mà còn là một hiện tượng chính trị - xã hội, *cũng không phải không có những việc pháp lý làm không xong, mà chỉ công luận xã hội mới giải quyết được.*

Tóm lại, đó là trách nhiệm ba chiều: *Trách nhiệm của người lãnh đạo, trách nhiệm của người có lỗi và trách nhiệm của công luận.*

Nguồn: *Bác Hồ dạy chúng ta Nói và Viết*
Nhà xuất bản Công an nhân dân (trang 8)

BÁC KHÔNG ĐỒNG Ý

Ngày 28 tháng 4 năm 1946, sau khi dự lễ khánh thành đê Hưng Nhân, Thái Bình xong, khi về Bác bảo không đi xe theo đường cũ tức là đường Nam Định – Phủ Lý – Hà Nội, mà đi qua đất Hưng Yên – Phố Nối – Hà Nội. Đoàn đi có ba xe. Tôi (Nguyễn Tiết) lái xe cho Bác đi đầu, cụ Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí cùng đi ngồi ở hai xe sau. Không hiểu ai đã tiết lộ đường về của Bác mà nhân dân ở các làng xã hai bên đường tổ chức mít tinh đón Bác với nghi lễ như đón vua vi hành qua địa phương mình. Làng nào cũng tổ chức rước kiệu bát cống (kiệu không có mui do 16 người khiêng bằng 8 chiếc đòn) ở trên để ảnh Bác, có hoa, quả. Dàn nhạc bát âm, có cầm cờ, lọng tán... Bác rất không hài lòng về việc làm rùm beng tốn thì giờ, tiền bạc của nhân dân. Nhưng trước sự nhiệt tình ấy, Bác vẫn vui vẻ đáp lại. Bác bảo tôi hạ cửa kính xe và cho chạy chậm chậm. Người tươi cười vẫy tay qua cửa xe bên nọ, lại bên kia. Hình thức của nhân dân xưa cũ vậy nhưng nhiệt tình và cử chỉ của họ thì hoàn toàn khác. Từ trẻ con đến các cụ, không có trật tự nào cả, xô cả ra lòng đường chỉ mong sờ được vào tay Bác, lực lượng tự vệ không ngăn nổi, có lúc xe đi không

được. Không hiểu do sáng kiến của ai, hai đồng chí tự vệ từ lúc nào đã nhảy lên ngồi hai bên tai xe, chĩa súng ra hai bên. Họ đề nghị Bác cho bắn chỉ thiên để dẹp đường. Bác không đồng ý. Cứ nhích dần, nhích dần giữa dòng người như vậy, chật vật lắm xe Bác mới về đến Hà Nội.

Nguồn: “*Chuyện kể về Bác Hồ*”,
Nxb. Công an nhân dân, năm 2009.

TRƯỚC HẾT LÀ CÁI NÀY

Ngày 19 tháng 5 năm 1946, các vị trong Ủy ban vận động đời sống mới đến chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người cảm ơn và người nói: Tôi chưa thấy mình già ở cái tuổi ngoài năm mươi này. Và lại chúng ta đang bận nhiều việc, chưa phải đến lúc cần đến hình thức lễ nghi chúc thọ.

Chủ tịch đề nghị trong Ủy ban cho biết công việc đã làm được.... Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, một ủy viên trong Ban thư:

- Thư Cụ, Ủy ban vận động đời sống mới đã họp liên mấy buổi, trước hết định rõ 3 nguyên tắc: Dân tộc, dân chủ, khoa học....

Chủ tịch nước thoáng như có vẻ ngơ ngác sau đó mỉm cười, nói:

- Nhân dân ta có mấy người hiểu “ dân chủ, khoa học”. tôi hỏi thật nhà văn, nếu đi vận động đời sống mới, nhà văn làm gì trước?

Nguyễn Huy Tưởng sau một phút bối rối, nói nào là

ban đầu phải tuyên truyền ý nghĩa, sau đó tổ chức đội ngũ tư vấn và vân vân...

Chủ tịch lắc đầu, nhìn mọi người rồi khẽ vỗ bụng mình nói:

Trước hết là cái này. Dân chúng cần cái này trước hết. Phải có ăn đã. Nếu không có ăn, cũng không đi tuyên truyền được. Vậy muốn ăn phải làm gì?

- Thưa Cụ, phải làm việc ạ.

- Đúng, phải làm việc, phải siêng năng thế là “cần”.

Muốn dùng tiếng gì rõ hơn cũng được, nhưng điều cốt yếu là phải thiết thực. Sau nữa, muốn cho vận động có kết quả thì cán bộ phải làm gì?

Các ủy viên đời sống mới, bàn thế này, luận thế kia chưa ngã ngũ.

Chủ tịch nghiêm trang nói:

Phải làm gương. Và như sợ các ủy viên, cán bộ nghe chưa ra, Cụ nhắc lại: Mình phải làm gương.

Đôi mắt sáng hiện mà nghiêm của Cụ lần lượt nhìn mọi người như căn dặn thêm điều vừa nói.

Nguồn: *Bác Hồ dạy chúng ta Nói và Viết*
Nhà xuất bản Công an nhân dân, trang 5.

“NGÓ MÍ CHẮC LỐ”

Cuối năm 1950, cuộc kháng chiến cứu nhân dân ta bước sang giai đoạn quyết liệt. Phủ Chủ tịch đặt tại một vùng rừng già thuộc huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tuy gọi là Phủ Chủ tịch, nhưng thật ra nhà cửa cũng chẳng khác gì nhà cửa của dân bản; một căn nhà sàn nhỏ là nơi Bác ở và làm việc. Vài ba mái nhà tranh xung quanh là nơi ở và làm việc của thư ký, cán bộ văn phòng và anh em bảo vệ; tất cả đều khuất trong lùm cây.

Đến địa điểm nào, Bác cũng chăm lo đời sống của anh em như chỗ ăn, ở, nhà tắm, nhà vệ sinh, nơi tăng gia và đặc biệt là giữ gìn bí mật. Bác bao giờ cũng gương mẫu thực hiện nghiêm túc.

Trong đội bảo vệ của chúng tôi, đa số là anh em người Tày. Một số quê ngay tại huyện Chiêm Hóa.

Một buổi sáng mùa đông, trời nắng đẹp, vào khoảng 10 giờ, Bác ngồi đọc báo ngay dưới bãi cỏ, cách nhà sàn khoảng 20 – 30m. Một bà già người Tày ngoài 50 tuổi, tay xách chiếc làn đan bằng nứa, đầu đội nón, bất ngờ xuất hiện trong khu vực Phủ Chủ tịch.

Thấy ông già gầy gò, mặc quần áo chàm đang ngồi đọc báo, bà đình ninh đó là ông Ké người Tày.

Bà đến tận nơi vỗ vai và cất giọng hỏi: “Ké mi, chắc cơ quan Phủ Chủ tịch hú đầu? (Ông Ké có biết cơ quan Phủ Chủ tịch ở đâu không?)”

Bác biết là bà già đến thăm con trai đang công tác trong đội bảo vệ Phủ Chủ tịch. Song Bác vẫn giữ nguyên nguyên tắc và thản nhiên trả lời:

- Ngó mí chắc lố! (Tôi không biết đâu nhé!)

Tôi đứng khuất gần đó cũng phải phì cười. Để bà già đi qua, Bác vẫy tay gọi tôi lại rồi dặn:

- Chú theo bà cụ, hỏi xem bà là mẹ chú nào, đưa bà cụ tới nhà khách, lo ăn ngủ chu đáo, rồi báo cho con trai bà cụ ra. Nhớ dặn chú ấy là giữ gìn bí mật.

Tôi vâng lời và làm theo. Sáng hôm sau, Bác lại hỏi tôi xem bà cụ đã gặp con trai chưa và chỗ ăn ở của bà cụ có chu đáo không?

Tôi báo cáo Bác là mọi việc anh em đã lo chu đáo. Bác nói như tâm sự: Đã là đồng bào, đồng chí thì một lòng một dạ, sống chết có nhau. Mẹ của bạn đến cũng như mẹ của mình đến, phải săn sóc ân cần. Có thể thì bạn mình mới yên tâm công tác.

Tôi cảm động và đinh ninh nhớ lời Bác trong suốt đoạn đường theo Bác đi kháng chiến.

HỒ VŨ

(Viết theo lời kể của Ma Văn Trường)

Nguồn: Điều mà Bác Hồ yêu nhất và ghét nhất

Nhà xuất bản Công an nhân dân, trang 138.

LÒNG TRÁCH NHIỆM VÀ CHÍ CẦU TIẾN

Lòng trách nhiệm và chí cầu tiến là thế nào? - Trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, bất kỳ việc to việc nhỏ đều trực tiếp hoặc gián tiếp phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Cho nên việc gì cũng quý, việc gì cũng cần. Công cuộc cách mạng là do nhiều việc nhỏ, nhiều bộ phận mà xây dựng nên. Nếu không có những việc nhỏ, những bộ phận nhỏ cộng lại, thì sẽ không thành việc lớn. Công việc xã hội cũng giống như cái đồng hồ, nếu thiếu 1 cái đinh nhỏ cũng sẽ ảnh hưởng đến cả cái đồng hồ.

Vì vậy, khi chúng ta phụ trách một công việc gì, bất kỳ to nhỏ, chúng ta cũng phải luôn luôn nhớ đến việc đó quan hệ với cách mạng, ảnh hưởng đến cách mạng. Chúng ta phải đưa toàn tâm toàn lực làm cho thành công, làm tròn nhiệm vụ. Chỉ làm cho xong chuyện, làm qua loa, tức là có hại cho cách mạng, có hại đến nhân dân.

Tư tưởng ta thông như vậy, thì gặp việc gì chúng ta cũng cẩn thận, cố gắng, quyết tâm làm cho vượt mức. Thế là *lòng trách nhiệm*.

Xã hội ngày càng tiến, công tác của ta cũng phải ngày càng tiến. Chúng ta phải kháng chiến thắng lợi, phải thực hiện dân chủ mới, phải tiến đến chủ nghĩa xã hội, rồi tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, năng lực của ta, sáng kiến của ta, cũng phải luôn luôn phát triển, tiến lên không ngừng. Không tiến, tức là thoái.

Chúng ta quyết tâm cầu tiến bộ, quyết tâm vượt khó khăn, thì dù công việc to lớn như cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên chúng ta cũng làm được. Người Liên Xô đã đổi rừng hoang làm thành phố, biến bãi cát thành ruộng vườn, cũng vì có chí cầu tiến không ngừng. Vì vậy, *mỗi người chúng ta đều phải có lòng trách nhiệm và chí cầu tiến.*

Nguồn: *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8, NXBCTQG-2011, tr.405-406.*

CHÍNH QUYỀN CỦA DÂN

Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, luật sư Nguyễn Thành Vĩnh cùng một số vị khác được tổ chức phân công ở lại Nam Bộ thi hành những chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- Thu hồi hết tiền Việt Nam còn ở trong dân do chính quyền cách mạng in và phát hành trước đây bằng cách đổi lại cho bà con tiền Đông Dương ngân hàng.

- Cung cấp phương tiện cho cán bộ và chiến sĩ ở lại hoạt động trong vùng đối phương.

- Tạo điều kiện trang bị cho cán bộ và chiến sĩ đi tập kết xứng đáng với tư thế của người chiến thắng.

Làm xong ba việc trên, đầu năm 1955, luật sư Nguyễn Thành Vĩnh ra Bắc, ngày 4-2-1955, luật sư được Bác Hồ cho gọi vào tiếp kiến tại phòng gương Phủ Chủ tịch.

Bác hỏi luật sư nhiều việc. Riêng việc đổi tiền, luật sư báo cáo với Bác: So với khoản tiền cách mạng phát hành ra thì thu về còn thiếu khoảng 600 ngàn đồng không đổi được. Nghe vậy, Bác nghiêm khắc nói:

- Vậy là chú đã “quýt” của bà con Nam Bộ 600 ngàn đồng. Chú đã phạm đến quyền lợi của nhân dân.

- Thừa Bác - luật sư vội thưa - Không phải vậy ạ. Mặt trận Liên Việt Nam Bộ đã thẩm tra kỹ việc này. Đồng bào Nam Bộ không chịu đổi lại vì trên giấy bạc Việt Nam có in ảnh Bác. Bà con giữ lại để biểu thị quyết tâm theo Bác đến cùng.

Nghe đến đây, Bác rất xúc động, ngồi im lặng. Lát sau, Bác mới ôn tồn nói, đại ý:

- Nhân dân ta ở miền Bắc rất anh hùng. Nhân dân ở miền Nam cũng rất tốt và rất anh hùng. Vì vậy, mỗi việc làm của các chú, bất cứ việc gì, đều phải quan tâm đến quyền lợi chính đáng của nhân dân, chú không được hứa suông. Bất luận việc gì đã hứa với dân là phải tìm cách làm cho được, Không làm được thì phải xin lỗi dân. Chính quyền ta của dân, vì dân thì phải như vậy.

Theo luật sư Nguyễn Thành Vĩnh

Báo Quảng Ninh ngày 18.5.1996

Nguồn: baotanghochiminh.vn

LỜI KHUYÊN CỦA MỘT “LÃO NÔNG”

Tháng 8-1958, với cương vị Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh Nam Định, tôi được cùng các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo Hội nghị phát động phong trào sản xuất đông xuân hợp tại xã Yên Tiến (Ý Yên).

Đúng ngày họp, Bác về thăm. Đồng chí Phan Diễn, Bí thư Tỉnh ủy ra tận đường đón Bác. Bác mặc áo bà ba nâu, hồng hào, mạnh khỏe, tươi cười bước vào hội trường, đi từ dưới lên bắt tay nhiều đại biểu xã, huyện rồi mới bước lên bục nói chuyện.

Bác rút từ túi áo một tờ giấy ghi chép số liệu và nói về tình hình sản xuất trong toàn tỉnh, sự sút kém trong thu hoạch vụ chiêm và mức cấy chưa đạt kế hoạch vụ mùa. Bác phê phán bệnh chủ quan của cán bộ lãnh đạo và khen ngợi ba huyện Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và một số bà con nông dân có nhiều cố gắng trong chăm bón lúa.

Bác dừng lại, nhìn xuống cuối hội trường và nhấn mạnh: Chúng ta làm ruộng, muốn lúa tốt, thu hoạch nhiều, phải hiểu thế nào là “nhất thì, nhì thục”, thế nào là “một nước, hai phân, ba cần, bốn cải tiến kỹ thuật?”. Phải có đủ

mạ tốt và cấy đúng thời vụ; phải chăm sóc cây lúa từ lúc còn là cây mạ đến lúc thu hoạch, bón đủ phân và có đủ nước, thường xuyên chống sâu, chuột. Lời nói của Bác như lời khuyên của một cụ “lão nông tri điền”, vừa gần gũi vừa thiết thực. Bác quay lại nhắc các đồng chí trong tỉnh ủy phải đi sát nông thôn, trực tiếp giúp đỡ và lãnh đạo sản xuất, đẩy mạnh phong trào thi đua trong toàn tỉnh.

Trước khi ra về, Bác vào thăm một số gia đình nông dân và ra thăm cánh đồng xã Yên Tiến. Bác ngồi xuống bờ một thửa ruộng, dùng gang tay mình đo khoảng cách giữa 2 khóm lúa. Bác tỏ ra rất vui khi thấy lúa tốt và khen “cấy dày vừa phải”.

Lần về thăm của Bác rất ngắn nhưng đã thôi thúc chúng tôi rất nhiều. Sau đó, cả Tỉnh ủy phân công nhau đi sâu xuống từng huyện, từng xã, dành thì giờ cùng nhân dân bàn việc làm phân xanh, dồn đốc việc cấy kịp thời vụ, chăm sóc lúa mùa và chuẩn bị vụ đông xuân.

Nguồn :<http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn>)

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH BẰNG VIỆC LÀM CỤ THỂ, THIẾT THỰC

Từ những năm tháng dấn thân vào gian khổ, ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi trở thành lãnh tụ tối cao, người đứng đầu Nhà nước cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn một lòng tâm nguyện, hướng mọi suy nghĩ và hành động vào một mục đích duy nhất là đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết. Chỉ một ít ngày sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập tại vườn hoa Ba Đình lịch sử, trong thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Bác viết “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh” ⁽¹⁾.

Trong hoàn cảnh đất nước phải đối phó với các cuộc chiến tranh xâm lược cũng như khi hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều giành thời gian đi thăm các địa phương, cơ sở và các đơn vị lực lượng vũ trang. Đi đến nơi nào Người cũng luôn luôn thể hiện phong cách giản dị, cần kiệm, thân tình,

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, trang 65. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2011.

không phô trương, hình thức, không muốn làm phiền cho địa phương và quần chúng nhân dân.

Nhiều chuyến đi, Bác không theo đúng kế hoạch đón tiếp rầm rộ của địa phương, đơn vị mà “lẳng lẳng”, “bất ngờ”, có nơi Bác đi cổng sau, có nơi Bác đi thăm đồng lúa, rừng cây, ao cá..., gặp các cụ phụ lão, các cháu thanh thiếu niên, nhi đồng, thăm khu ăn ở, vệ sinh của công nhân, bộ đội, sinh viên, học sinh trước khi gặp lãnh đạo địa phương, đơn vị. Các cuộc đi thăm thường là không được thông báo rộng rãi, nhưng nghe tin Bác đến, người dân bỏ cả công việc đang làm, chạy ủa ra vây quanh Bác, lắng nghe từng lời dạy của Bác, rồi tự giác và quyết tâm thực hiện bằng được lời dạy của Người.

Năm 1960, Bác về thăm quê ở Nghệ An. Tỉnh ủy chuẩn bị một chiếc xe ô tô mui trần, lấy vải trắng kết xung quanh xe, và lót vải trắng trong xe để đón Bác. Các đồng chí ở Tỉnh ủy ra đón Bác tại sân bay Nghệ An, mời Bác lên xe kết vải trắng. Bác nhìn chiếc xe, rồi nói: “Chiếc xe này mấy chú ngồi chứ Bác không ngồi đâu. Các chú làm hình thức, tốn kém quá. Bác về quê là thăm đồng bào, quê hương, chứ có là quan cách đâu”. Bác đi đến chiếc xe mui trần của bảo vệ đi đầu và lên ngồi cạnh lái xe. Anh em cảnh vệ đành phải ngồi trên chiếc xe bọc vải trắng. Dọc đường, nhân dân đi đón Bác đều chăm chú nhìn vào chiếc xe vải trắng nhưng chỉ thấy toàn cảnh vệ. Còn Bác, ít ai ngờ tới, lại ngồi ở chiếc xe bình thường của cảnh vệ đi đầu.

Những năm tháng cuối đời, biết mình tuổi cao mà

cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước còn gian khổ, lâu dài, Bác vẫn canh cánh bên lòng một nỗi niềm vì dân, với lời dặn lại tâm huyết trong Di chúc: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân...”, và “... Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”.

Học tập và noi gương Bác, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cũng luôn luôn ý thức giữ gìn phẩm chất, gương mẫu trong công việc và trong cuộc sống hằng ngày, khi xuống các địa phương, đơn vị, cơ sở không phô trương, rầm rộ, tránh những việc gây tốn kém, vất vả và phiền hà.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo bộ, ban, ngành của Trung ương về làm việc, kiểm tra công tác tại địa phương hoặc thăm cơ sở... trước hết thuộc về chức trách, nhiệm vụ của một cán bộ, công chức, đồng thời cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm, phong cách sâu sát thực tiễn của người lãnh đạo. Cán bộ, nhân dân nơi các đồng chí đến thăm và làm việc quý trọng cấp trên, coi đó là niềm vinh dự, nguồn động viên đối với địa phương, đơn vị và càng ấn tượng sâu sắc hơn khi các chuyến thăm và làm việc ấy đem lại hiệu quả đích thực.

Thiết nghĩ, mỗi địa phương, đơn vị và cơ sở cần học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh bằng những việc làm cụ thể, thiết thực.

HỒNG MINH

Nguồn: <http://baobacninh.com.vn>

BÁC HỒ VÀ NHỮNG NGƯ DÂN BIỂN SẦM SƠN

Nhà nhiếp ảnh lão thành Kim Côn là một trong những nhà nhiếp ảnh vinh dự được nhiều lần tháp tùng Bác Hồ trong những chuyến công tác. Những bức ảnh của ông về Bác Hồ không chỉ là những tư liệu quý về hoạt động của Bác, mà còn nói lên rất nhiều điều về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Ông đã kể cho chúng tôi nghe về một kỷ niệm trong rất nhiều lần được tháp tùng Bác.

Năm 1960, trước khi diễn ra Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Bác Hồ có đi công tác tại Thanh Hóa. Đoàn công tác của Bác nghỉ tại một ngôi đền trên lưng chừng núi ven biển Sầm Sơn.

Sáng hôm sau cái trang như một lão ngư: quần cộc, áo nâu cộc, đội mũ không có chóp và quần chiếc khăn bông quanh cổ để che bớt chòm râu, Bác cùng đoàn công tác vào thăm một xóm chài. Thấy nhà nào cũng đóng cửa, Bác đi một đoạn rồi rẽ vào một gia đình có một cụ già đang ngồi bên một be rượu. Mấy đứa cháu nhỏ nằm chõng kề bên. Bác lên tiếng:

- Xin chào cụ!

- Vâng, chào cụ và các ông vào chơi. Mời cụ nhấp với tôi chén rượu cho vui buổi sớm. Có câu “khi rượu sớm, lúc trà trưa” mà. Tuổi già chỉ có vậy thôi cụ ạ.

- Đa tạ cụ, chúng tôi đã ăn sáng rồi, xin mời cụ cứ tự nhiên!

Thấy cụ chủ nhà có vẻ hiền lành, cởi mở, Bác Hồ hỏi cụ:

- Thưa cụ, đời sống dân xóm chài của ta dạo này ra sao ạ?

Không ngần ngại, ông cụ trả lời vanh vách:

- Nhờ ơn Đảng và Chính phủ, dân chài chúng tôi no ấm và hạnh phúc lắm ạ!...

Bác dẫn đoàn tùy tùng xuống tận bãi cá, nơi ngư dân đang cật lực lao động kéo lưới, thu hoạch cá.

Thấy mấy lão ngư đang choãi chân thang kéo lưới, Bác liền xắn tay kéo lưới cùng mấy cụ. Bác làm rất thành thực, say sưa không khác gì một lão ngư thực thụ. Mải làm, mình dầm mồ hôi, Bác cởi áo, rồi bỏ cả khăn mặt quấn cổ, vui chuyện với các lão ngư. Nhìn Bác lao động, không ai phân biệt được trong số các lão ngư kéo lưới đó, ai là lãnh tụ, ai là lão ngư của bãi biển Sầm Sơn.

Kéo lưới xong, Bác lại đến với bà con xã viên đang chia cá. Nhìn những vun cá tươi rói, Bác cũng vui chung niềm

vui với ngư dân. Ngồi bên vòng người chia cá, Bác cũng nhặt từng con cá vui vẻ trò chuyện với họ...

Nhìn thấy những cảnh ấy, tôi đã không khỏi xúc động và đó cũng là những cảm xúc để tôi ghi lại những bức ảnh quý giá còn lại đến hôm nay.

Nguồn: *“Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta”*,
Nxb. Thanh Niên, 2011.

“KHÔNG CỨ PHẢI LÀ ĐẢNG VIÊN”

Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong thành phần Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ làm Chủ tịch có nhiều trí thức trẻ được mời tham gia. Ông Nguyễn Văn Huyền – Tiến sĩ Văn khoa, cử nhân Luật học được giao giữ chức Tổng giám đốc Đại học vụ (và sau là Bộ trưởng Giáo dục) khi ấy mới 37 tuổi.

Ngay thời gian đầu tiên được Chính phủ giao trọng trách công tác văn hóa giáo dục “diệt giặc đói” (là một trong ba thứ giặc lúc bấy giờ), ông Huyền không khỏi lo ngại, bởi vì dân ta 90% số người không biết chữ, và lại điều kiện trường lớp, thầy, cô thiếu thốn vô cùng. Nhưng vốn là người xốc vác, hơn nữa ông lại còn trẻ, hăng hái, cho nên mọi khó khăn đều được giải quyết ổn thỏa. Phong trào “bình dân học vụ” mà ông phụ trách, đã đạt được những kết quả mà cho đến nay mỗi khi nhắc đến ai cũng phải thán phục. Cụ Hồ rất hài lòng về vị Bộ trưởng bởi vì ngoài những thành tích, ông Huyền còn là người do cụ Hồ giới thiệu vào trong thành phần Chính phủ.

Thế mà có một lần, ông Huyền xin từ chức Bộ trưởng

với lý do: ông không phải là đảng viên (đúng hơn là ông không tham gia đảng phái nào). Cụ Hồ không bằng lòng khi nghe tin ấy. Cụ đã gặp và động viên ông Huyền. Cụ nói: “không cốt là đảng viên cộng sản hay không đảng, mà cốt là làm việc có tốt hay kém, có hiệu quả hay không hiệu quả, điều đó mới quan trọng”. Nghe lời Cụ, ông Huyền lại tiếp tục làm việc, chúc Bộ trưởng Giáo dục ông giữ mãi cho đến những năm cuối đời.

Năm 1960, Chi bộ Văn phòng Bộ Giáo dục nhất trí đề nghị kết nạp ông Nguyễn Văn Huyền vào đảng. Đề nghị được Đảng ủy cơ quan Bộ Giáo dục và Đảng ủy dân chính Văn phòng Trung ương đồng ý. Nhưng khi thông qua Ban Bí thư thì Cụ Hồ góp ý kiến rằng: “Để chú Huyền ở ngoài Đảng có lợi hơn là ở trong Đảng”. Biết vậy, ông Huyền rất xúc động, bởi vì ông nghĩ, Cụ Hồ rất hiểu ông và những người trí thức như ông, dù không đứng trong hàng ngũ của Đảng nhưng các ông đã suốt đời vì lợi dân ích nước.

TRẦN MINH TRƯỜNG

(Theo lời kể của Nữ Hạnh, con gái của Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền).

Trong tập Điều mà Bác Hồ yêu nhất và ghét nhất

Nhà xuất bản Công an nhân dân (trang 116)

XE CỦA BÁC HỒ

Năm 1962, Đoàn Văn công Quân khu Tây Bắc được Bác Hồ gọi về Hà Nội biểu diễn cho Bác tiếp khách. Đoàn chúng tôi ở trong khu Văn công Quân đội Mai Dịch. Địa điểm biểu diễn ngay trong sân Phủ Chủ tịch.

Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng, 19 giờ 30 sẽ biểu diễn. Nhưng còn kém ít phút đã thấy Bác xuất hiện. Bác đi thẳng vào hậu trường. Các diễn viên quây quanh Bác. Bác hỏi đồng chí đoàn trưởng:

- Cả đoàn có mặt đông đủ cả chứ?

- Dạ thưa Bác, còn một đồng chí phải ở nhà nấu bồi dưỡng cho đoàn ạ - Đồng chí đoàn trưởng kính cẩn trả lời.

Bác hơi nhăn mặt:

- Đã biểu diễn cho Bác thì phải có bồi dưỡng chứ.

Rồi Bác quay lại bảo thư ký của Bác:

- Chú Kỳ! Nhà bếp nấu cháo gà rồi chứ? Chú cho xe đi đón nốt một cháu nữa đến đây. Sắp đến giờ rồi, lấy xe của Bác đi cho nhanh!

Ôi! Bác Hồ! Vị Cha già của dân tộc!

Công việc to tát ảnh hưởng đến vận mệnh của cả dân tộc Bác đã lo rất chu đáo đến từng chi tiết.

Người vinh dự được Bác cho xe đi đón, được ngồi lên xe của Bác chính là Nguyễn Thị Phương – được phân công ở nhà nấu bồi dưỡng cho đoàn – người sau này trở thành vợ tôi. Vì vậy, tuy bây giờ chúng tôi đã nghỉ hưu, tuy đoàn Văn công Quân khu Tây Bắc đã sáp nhập vào đoàn Nghệ thuật Quân khu I và Quân khu II. Nhưng hàng năm, Hội Cựu chiến binh chúng tôi (những nghệ sĩ của đoàn Văn công Quân khu Tây Bắc cũ) vẫn họp mặt để ôn lại những kỷ niệm không bao giờ quên đó.

Theo lời kể của Nhạc sĩ ĐÀO NGỌC DUNG
Nguồn: “*Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta*”,
Nxb. Thanh Niên, 2011.

MUỐN THÀNH CÁN BỘ TỐT PHẢI CÓ TINH THẦN TỰ CHỈ TRÍCH

Là người học trò, người cộng sự gần gũi và tin cậy, nhiều năm được sống và làm việc bên Bác Hồ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết:

“Xem một đôi bức ảnh Hồ Chủ tịch, có người nói mắt Người có hai con ngươi và tin rằng vì chỗ đó Người là một ông thánh. Làm gì có chuyện hoang đường như thế! Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy những điều người khác không nhìn thấy: hiện tại, tương lai...”.

Là người sáng lập và xây dựng Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy trước những điều mà một đảng cầm quyền nếu không quyết tâm rèn luyện, giáo dục, nếu không thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình thì rất dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân, làm hại cho sự nghiệp cách mạng.

Không biết bao nhiêu lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, đã viết, đã căn dặn chúng ta về phê bình và tự phê bình. Bác nói: “Trước ta nói phê bình và tự phê bình, bây giờ ta

phải nói tự phê bình và phê bình. Nói như thế nghĩa là phải chú trọng phê bình mình trước, phê bình người sau, phê bình mình là chính”.

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” tháng 10-1947, Bác Hồ đã viết:

“... Ngay từ bây giờ, các cơ quan, các cán bộ, các đảng viên, mỗi người, mỗi ngày phải *thiết thực tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình*. Hễ thấy khuyết điểm phải *kiên quyết tự sửa chữa và giúp đồng chí mình sửa chữa*. Phải như thế, Đảng mới chóng phát triển, công việc mới chóng thành công.

Nếu không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của ta, thì cũng như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mệnh”.

Và Bác nhấn mạnh:

“Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy ta phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó”.

Nói về tư cách của một đảng chân chính cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra 12 điều. Trong đó, điều thứ 8 là: “Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ và để dạy bảo cán bộ và đảng

viên”. Điều thứ 10 là: “Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài”.

Cũng trong tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc”, Bác Hồ viết:

“Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ ngày càng ít, mà những tính tốt như sau ngày càng thêm”.

Và những tính tốt ấy theo Bác Hồ gồm có 5 điều: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm.

1. Nhân là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí, và đồng bào. Vì thế mà cương quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân... Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải, họ đều làm được.

2. Nghĩa là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng(...). Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

3. Trí vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho

nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc, vì vậy biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, để phòng người gian.

4. Dũng là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm, thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ, khó khăn có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng. Nếu cần thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

5. Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá.

Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ (Trích Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, NXBCTQG 2011, tr. 271-292).

Học tập và nghiên cứu các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Bác luôn luôn coi trọng phẩm chất con người. Đồng thời chúng ta cũng thấy Người luôn luôn có thái độ dứt khoát, kiên quyết, thể hiện một quyết tâm chính trị lớn trước những tệ nạn quan liêu, tham ô, lãng phí và những biểu hiện của những suy thoái đạo đức khác. Không bao giờ thấy Bác nói “Đẩy lùi tham nhũng” mà chỉ thấy Bác nói: Phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cá

nhân là kẻ thù hung ác của chủ nghĩa xã hội. Tham ô, lãng phí là một tội ác, là kẻ thù của nhân dân, người cách mạng phải tiêu diệt nó.

Song Bác Hồ cũng nói:

“Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là ‘giày xéo lên lợi ích cá nhân’.(...) Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu (...). Lợi ích của cá nhân luôn gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích của tập thể thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể”. (Trích Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, NXBCTQG 2011, tr. 610).

*

* *

Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI của Đảng đề ra là hợp với lòng dân. Nhân dân ta đang hy vọng và chờ đợi. Tất nhiên đây là một công việc khó khăn, song dù khó khăn cũng phải phấn đấu làm cho thành công, vì xây dựng Đảng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta và chế độ ta.

Một Đảng cách mạng, một người cách mạng phải luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng!

Mác đã từng nói: “Hạnh phúc chân chính của con người là phải hòa nhịp với hạnh phúc của hàng triệu người khác”.

Còn Lênin trong những ngày khó khăn của Cách mạng Tháng Mười, Hội đồng Dân ủy được phân phối mỗi người một phút khoai tây. Khi đọc bảng phân phối thấy ghi: “Lênin 2 phút, Crupxcaia 1 phút” Crupxcaia là vợ Lênin. Lênin đã lấy bút chữa lại: “Lê-nin 1 phút, Crupxcaia 0” và ông ghi Crupxcaia không ở Hội đồng Dân ủy.

Những người cách mạng chân chính bao giờ cũng biết quên mình vì hạnh phúc của nhân dân. Và để trở thành những người cán bộ tốt, đảng viên tốt, chúng ta hãy nhớ lời Bác căn dặn: “Muốn thành cán bộ tốt phải có tinh thần tự chỉ trích”.

Một nhà thơ đã viết:

*“Ta hãy tự trả lời ta - Bạn ơi
 Khi ta vui và cả lúc ta buồn
 Tâm hồn ta có trong sáng đẹp hơn
 Trước phút đi xa, Bác Hồ căn dặn
 Không đáng sợ kẻ thù trước mặt
 Sợ nhất kẻ thù ẩn náu trong ta!”.*

BÙI CÔNG BÌNH

(Nguồn baonamdinh.com.vn)

TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC CỦA BÁC HỒ: LỜI NÓI ĐI ĐÔI VỚI VIỆC LÀM

Lời nói đi đôi với việc làm, đây là một trong những đạo lý làm người, mà Bác Hồ là một tấm gương sáng cho mọi thế hệ người học tập và làm theo.

Bác Hồ nhắc nhở: “Nói cái gì phải cho tin - nói và làm cho nhất trí - làm thế nào cho dân tin”...⁽¹⁾. Trong suốt cuộc đời mình, Người đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Ở Bác Hồ, lời nói đi đôi với hành động, lý luận đi đôi với thực tiễn, nói là để mà làm, làm phải đúng như điều đã nghĩ, đã nói. Hơn nữa, Người nói ít, nhưng làm nhiều, có những vấn đề đạo đức Người không nói mà chỉ làm. Phải đi sâu vào hành vi đạo đức của Người, chúng ta mới khám phá ra được những tầng bản chất sâu xa, cao đẹp của việc thống nhất giữa lời nói và việc làm là nguyên tắc đạo đức của Bác Hồ, bởi đó là sự thể hiện ở tấm gương đạo đức của bản thân Người và những lời Người răn về đạo đức.

(1). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.CTQG, H, 2011, t.5, tr.261.

Sức thuyết phục mạnh mẽ trong tấm gương đạo đức của Bác Hồ là ở chỗ, dù việc lớn hay nhỏ, đối với Người bao giờ cũng là lời nói đi đôi với việc làm. Bác nêu cho cán bộ đảng viên một luận điểm quan trọng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ cộng sản mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”(…). “Tự mình phải *chính* trước, mới giúp người khác *chính*. Mình không *chính* mà muốn người khác *chính* là vô lý”⁽²⁾. “Nếu chính mình tham ô bảo người ta liêm khiết có được không? Không được. Mình trước hết phải siêng năng trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được”... Vậy là, Bác Hồ đã dạy chúng ta rằng nói và làm là tự bản thân mỗi người, bản thân người được nói để người khác nghe theo thì phải là con người lòng dạ trong sáng, phải chính tâm, phải thật sự là tấm gương.

Người đề xuất toàn dân tiết kiệm gạo để giúp đồng bào bị đói, thì Người thực hiện: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: *Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”⁽³⁾. Những năm Bác sống và làm việc tại Phủ Chủ tịch, khi kinh

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.CTQG, H, 2011, t.6, tr.16; tr.130

(3), Sđd, t. 4, tr.31, tr.33.

tế khó khăn, đời sống của nhân dân còn nghèo khó, mọi người ăn cơm độn ngô, khoai, sắn, Bác bảo cán bộ, nhân dân ăn độn bao nhiêu phần trăm, độn cho Bác từng ấy giống như cán bộ, nhân dân. Khi về thăm các địa phương, Bác mang theo cơm nắm để tiết kiệm gạo, tiền của nhân dân, Bác nói: “Người ta dọn ra một bữa cơm sang, có khi Bác chẳng ăn đâu, nhưng rồi để lại cái tiếng đấy: Bác Hồ đến thăm cũng làm một bữa cơm sang, cũng điều người này, người khác từ giao tế sang, chuẩn bị cả buổi. Thế là tự Bác bao che cho cái chuyện xôi thịt. Như thế nắm cơm theo ăn cho tiện, ăn no rồi đến làm việc”. Khi ăn cơm không bao giờ Bác để rơi một hạt cơm, Bác bảo một hạt cơm là một giọt mồ hôi của người nông dân. Đúng như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói: ăn cơm với Cọp hàng trăm lần, lần nào cũng thấy Cọp tép vén không để rơi một hạt cơm. Bởi vì Cọp quý và tiết kiệm công sức của người làm ra lúa gạo. Chuyện nhỏ đức lớn hài hòa ở một con người.

Người khuyên cán bộ phải cần, kiệm, liêm, chính, phải thật sự là người đầy tớ của nhân dân, và chính Bác làm gương trước, sống giản dị, thanh bạch, khiêm tốn để làm đúng điều Người dạy: “Cán bộ Đảng, chính quyền ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính”. Bởi thế, việc Người làm là khuốc từ ở ngôi nhà sang trọng thuộc thời Toàn quyền Đông Dương, mà chỉ ở ngôi nhà của người công nhân phục vụ Toàn quyền Pháp thời đó; đi dép lố, mặc áo vá vai, dùng loại ô tô xoàng nhất, cũ nhất, chính

là “cái phúc của dân, đừng bỏ cái phúc đó đi”. Mùa hè nóng bức, Bác dùng chiếc quạt lá cọ, Bác bảo: Bác làm như thế để dành điện phục vụ cho sản xuất, dành điện phục vụ sinh hoạt cho nhân dân...

Bác Hồ làm những việc như thế, để thực hiện điều Người nói: “Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà ra. Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân. Muốn làm được như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hiện, cần, kiệm, liêm, chính” và “Ai chẳng muốn no cơm, ấm áo, nhưng cuộc sống vật chất hết đời người là hết. Còn tiếng tăm tốt xấu truyền đến ngàn đời sau”⁽⁴⁾. Cán bộ, đảng viên nếu làm theo được những việc như trên sẽ thật sự quan liêm - mà quan liêm thì dân hạnh phúc và sẽ đẩy thuyền đi; và sẽ chẳng có những loại quan tham - mà quan tham nhiều thì dân khổ, nước nguy.

Người dạy mọi người chống chủ nghĩa cá nhân, thì Người đã nêu gương chống sùng bái cá nhân. Trong suốt thời kỳ đi tìm đường cứu nguy cho dân tộc, đến cả thời kỳ đứng đầu Nhà nước, và cho đến lúc ra đi “gặp Cụ Các Mác, Cụ Lênin”, cũng như những con người thật sự vĩ đại khác, Bác Hồ không bao giờ nghĩ mình là bậc vĩ nhân, không bao giờ đặt cái tôi cao hơn dân tộc và sự nghiệp của dân tộc, cho dù Bác là con người tiêu biểu nhất của dân tộc. Người chỉ ôm ấp một ước nguyện “làm sao cho nước ta đã

(4) Báo Nhân dân ngày 18-5-1998.

hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Và cả cuộc đời Người đã phấn đấu cho ước nguyện đó, cho mục tiêu cao cả đó.

Bác Hồ dạy chúng ta: “Đem lòng chí công mà đối với người, với việc”, “Làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước”, “Không ham người tặng bốc mình”, thì Người nêu tấm gương sáng sống chân thành khiêm tốn, sống cho dân, vì dân, sống cho đời chứ không sống cho mình. Vào dịp kỷ niệm ngày sinh của mình, Người thường tìm cách vắng nhà để tránh việc mọi người đến chúc thọ, tặng quà. Bác làm việc này để thực hiện điều Người dặn các cơ quan, các địa phương là đến ngày sinh của Người không tổ chức kỷ niệm chúc thọ Người để tránh lãng phí thời giờ, tiền bạc. Khi đi vào cõi trường sinh, Người dặn không tổ chức diếu phúng linh đình để tiết kiệm tiền bạc của nhân dân...

Bác khuyên mọi người sống trong sạch, không tham lam, không tham tiền tài danh vọng, không cậy quyền thế mà ăn của đút, đục khoét, thì Bác đã làm những việc quang minh chính đại, để cán bộ, đảng viên nhất là những người có chức, có quyền bây giờ phải làm theo gương Bác, mà xem mình để khỏi phạm vào vòng tội lỗi. Đồng bào Thái Bình gửi biểu Bác hai chai nước mắm, Bác san sẻ quà đó với người khác để cùng hưởng: “Hôm chủ nhật đồng bào Thái Bình có cho tôi hai chai nước mắm làm bằng tôm. “Vật khinh tình trọng”, từ chối không được, tôi phải nhận lấy cho bằng lòng anh em. Nay tôi xin gửi biểu Cụ một chai, và xin chúc

Cụ mạnh khỏe”⁽⁵⁾; Lần Bác tới thăm xí nghiệp May X (nay là Công ty May X), xí nghiệp có gửi biểu Bác bộ quần áo ka ki, Bác nhận và sau đó Bác gửi thư và quà cảm ơn: “Bác cảm ơn các cô, các chú biểu Bác bộ quần áo, Bác đã nhận rồi, nay Bác xin gửi lại để làm phần thưởng thi đua”⁽⁶⁾; Trong dịp Bác sang thăm Liên Xô, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô gửi cho Bác 4.000 rúp, đồng chí thư ký của Bác 1.000 rúp. Trước khi rời Mạc Tư Khoa, Bác đã gửi lại Ủy ban Trung ương Đảng Liên Xô 5.000 rúp đó...

Nói đi đôi với làm mà Bác Hồ dạy chúng ta, và những việc Bác làm để làm “mực thước” cho mỗi chúng ta, đó chính là lẽ sống “Thật” và “Thật sự”. Vì “Thật” đối lập với giả, với dối. “Thật sự” đối lập với qua loa, nửa vời. Đó là thứ thuốc: “Thuốc hay đắng miệng chữa được bệnh; lời thẳng trái tai lợi cho việc làm” (Khổng Tử) - làm thứ vũ khí hữu hiệu để chống lại những kẻ gian xảo, xảo quyết nói không đúng với làm, nói một đằng làm một nẻo, dùng lời nói để giấu giếm tội lỗi làm trắng đen lẫn lộn, chính tà bất nhất. Như Bác đã chỉ cho chúng ta rõ: “Có những kẻ miệng thì nói phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, nhưng bị vật chất dỗ dành mà phạm vào tham ô, lãng phí, hại đến Tổ quốc, nhân dân”.

Sự xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức từ nhiều năm

(5) Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

(6) Sđd, t.9, tr. 342.

nay ở một bộ phận người có chức có quyền đã biến chất nhưng vẫn giữ vai trò lãnh đạo, quản lý, đang làm băng hoại nền tảng đạo đức xã hội, băng hoại truyền thống nhân văn của dân tộc, đang là thách thức lớn nhất của công cuộc đổi mới đất nước, là nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ ta, đang làm mất thanh danh uy tín của Đảng, Nhà nước, làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ. Đồng chí Tổng Bí thư của Đảng Nguyễn Phú Trọng đã nói tại Hội nghị Trung ương lần thứ tư khoá XI: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tệ tham nhũng, lãng phí hư hỏng trong một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, kể cả cấp cao chưa được đẩy lùi mà thậm chí ngày càng có chiều hướng nghiêm trọng hơn, làm xói mòn lòng tin đối với Đảng”. Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa XI đã ra Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đáp ứng đúng ý Đảng, lòng dân và thực chất đây đúng là phong trào của đạo lý làm người, thành người, trong đó có nguyên tắc “Nói đi đôi với làm” - một nguyên tắc mà Bác Hồ đặc biệt chú ý nêu gương để cán bộ, đảng viên noi theo, tu dưỡng. Bác đã nói: “Nói miệng, ai cũng nói được. Ta cần phải thực hành. Kháng chiến, kiến quốc, ta phải cần kiệm. Nhưng tự mình phải cần và kiệm trước đã. Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa. Không có gì là khó. Khó như cách mạng mà ta đã làm được và đã thành công. Muốn làm được, ta phải: Quyết tâm, tin tâm

và đồng tâm. Ta nhớ ba chữ ấy, thực hành làm gương nêu ba chữ ấy lên, tất là các đồng chí phải thành công”⁽⁷⁾.

Theo lời Bác dạy và việc Bác đã làm, lúc này cần lắm ở mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt những người lãnh đạo nhất là những lãnh đạo cấp cao hãy làm những việc gương mẫu dù là nhỏ còn gấp ngàn lần những lời nói suông.

Ts. TRẦN VIẾT HOÀN

Nguồn tuyengiao.vn

(7), Sđd, t. 4, tr.171.

VỀ ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân trong Đảng. Người coi đó là cuộc đấu tranh trực tiếp liên quan tới vận mệnh của Đảng và quyết định đến thành công của sự nghiệp cách mạng. Tinh thần đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân trong Đảng, nâng cao uy tín, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng được Hồ Chí Minh thể hiện rõ trong gần 200 bài nói, viết về công tác xây dựng đảng, về rèn luyện, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, góp phần hình thành tư tưởng lý luận, thực tiễn về công tác xây dựng đảng và có ý nghĩa đối với xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay.

VỀ CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, “*chủ nghĩa cá nhân* là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể”. Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy”. Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí,

tham ô, v.v... Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội”¹. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của cách mạng, nó là nguồn gốc của những “căn bệnh” làm hư hỏng đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm tha hóa Đảng, chừng nào còn chủ nghĩa cá nhân thì cách mạng còn gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, chống chủ nghĩa cá nhân là việc làm cần thiết, thường xuyên của những người cộng sản chân chính. Người cho rằng, mỗi cán bộ, đảng viên “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến”², mà phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng, chống sa vào chủ nghĩa cá nhân, góp phần làm cho Đảng ta thật sự “là đạo đức, là văn minh”.

Theo Người, chừng nào còn chủ nghĩa cá nhân nó sẽ “ngăn trở” người cán bộ, đảng viên phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của dân tộc, làm mất lòng tin cậy của dân với Đảng. Và: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”³. Nguyên nhân sâu xa, xét đến cùng dẫn tới sự suy thoái biến chất, làm giảm sức chiến đấu trong Đảng đó chính là chủ nghĩa cá nhân: “Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.90.

2. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 6, tr.16.

3. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 15, tr.672.

hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ”. “Cũng do *cá nhân chủ nghĩa* mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân”⁴.

Người đưa ra kết luận: “chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân”⁵.

GIẢI PHÁP ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng nhận định: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp”⁶ và “Trong nội bộ, những biểu hiện xa

4. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập15, tr.547.

5. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 11, tr.611.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tr.173.

rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có những diễn biến phức tạp”⁷.

Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI của Đảng thể hiện một quyết tâm chính trị lớn của Đảng: “Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng”⁸.

Để đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, theo chúng tôi cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

Một là, các cấp ủy đảng tăng cường công tác giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ, đảng viên về mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Mỗi cán bộ, đảng viên có kế hoạch học tập, không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tư cách đảng viên; khắc phục mọi biểu hiện cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, mơ hồ mất cảnh giác, giảm sút ý chí chiến đấu và những biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Mỗi

7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.185.

8. ĐCSVN, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, Nxb CTQG, Hà Nội, 2012, tr.26.

cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực sự là tấm gương về phẩm chất đạo đức, lối sống.

Hai là, giữ vững các nguyên tắc tổ chức xây dựng đảng, phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình. Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI yêu cầu các tổ chức đảng khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nhất là những mặt còn yếu kém, không nể nang, né tránh; đề ra các biện pháp khắc phục, sửa chữa thiết thực, khả thi; kết hợp “chống và xây”, “xây và chống”, nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất hiện nay. Quá trình tiến hành kiểm điểm phải bảo đảm thật sự dân chủ, nghiêm túc, thẳng thắn với tinh thần xây dựng, đúng yêu cầu, nội dung, cách làm, thời gian mà Trung ương, Bộ Chính trị đã đề ra. Cấp trên phải làm gương tự phê bình trước, cấp dưới làm sau; tập thể làm trước, cá nhân làm sau; các đồng chí trong thường vụ, cấp ủy viên cấp trên gương mẫu, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, làm gương cho cấp dưới.

Ba là, không ngừng giáo dục nhân dân, nâng cao dân trí, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, của mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát cán bộ, công chức, có cơ chế để nhân dân tham gia vào công tác xây dựng Đảng, kịp thời khen thưởng những cá nhân, cơ quan báo chí đã tích cực đấu tranh, phê phán những hành động sai trái, góp phần

phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Bốn là, xây dựng quy chế làm việc, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng và tổ chức”⁹. “Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lôi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”¹⁰. Vì vậy, các cấp ủy đảng cần có nghị quyết lãnh đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, góp phần quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên ở nơi công tác, nơi cư trú và khi công tác xa đơn vị.

Năm là, xử lý kịp thời, nghiêm minh, công khai những cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào vi phạm tư cách, thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, những phần tử cơ hội, bất mãn, gây mất đoàn kết nội bộ trong Đảng, vi phạm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng.

ThS. NGUYỄN TÙNG LÂM

Đại học Chính trị, Bộ Quốc phòng

9. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 14, tr.362.

10. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 5, tr.327.

HỌC TƯ TƯỢNG HỒ CHÍ MINH NGHĨA LÀ PHẢI SỐNG VÀ LÀM VIỆC TỐT HƠN

Nhân cách Hồ Chí Minh là nhân cách của một vĩ nhân không chỉ ở tầm dân tộc, mà ở tầm thời đại, tầm nhân loại.

Những năm 20 của thế kỷ XX (1925-1927) khi mở lớp tập huấn cho cán bộ đầu tiên - những hạt giống cách mạng - Nguyễn Ái Quốc đã mở đầu bằng bài nói về Tư cách một người cách mệnh. Và cả sau này, khi Đảng trở thành đảng cầm quyền, thì với Người, chủ đề nổi bật trong giáo dục, rèn luyện cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, quân đội vẫn là vấn đề đạo đức cách mạng. Từ “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” (tháng 10-1945), “Sửa đổi lối làm việc” (tháng 10-1947) đến “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” (3-2-1969) cho đến Di chúc, Người đã ân cần, nghiêm khắc nhắc nhở: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng

đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽¹⁾.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất sớm nguy cơ tha hóa của người cán bộ, đảng viên khi ở vào vị trí quyền lực. Người thường xuyên nhấn mạnh: Cái tạo nên sức mạnh của Đảng là ở nơi mỗi cán bộ đảng viên biết thực hiện lời nói đi đôi với việc làm, tự mình nêu gương trước từ việc lớn đến việc nhỏ, lúc gian khổ khó khăn cũng như khi thành đạt. Trong lần nói chuyện tại buổi lễ tốt nghiệp khóa 5 Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam, Người nói:

“... mình phải làm gương cho đồng bào, phải siêng năng, hăng hái.

Tôi lấy thí dụ như trong việc cứu nạn đói, mình bảo người ta 10 ngày nhịn ăn một bữa mà chính đến ngày nhịn, mình lại cứ chén tí tí thì nghe sao được. Đáng lý dân nhịn một bữa mình nhịn hai bữa mới phải. Về việc khuyến nông cũng vậy, bảo người ta đào đất trồng ngô, trồng khoai mà lúc người ta làm mình lại ngủ thì sao được?”⁽²⁾.

Những ai đang dẫm mình trong đam mê quyền lực, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, bỏ rơi lý tưởng cách mạng hoặc lý tưởng chỉ còn trên đầu lưỡi, che đậy cho tham vọng thấp hèn, tội lỗi, hãy nhớ lại cuộc sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lời dạy của Người về tư cách đạo đức của người cách

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 15, NXBCTQG, H.2011, tr.622.

2. Sđd, tập 4, tr. 117.

mạng để suy ngẫm, soi xét mình, tăng thêm nghị lực cho cái thiện, chiến thắng cái ác trong mỗi con người.

Tham ô, buôn lậu đã trở thành một “quốc nạn” không chỉ gây nên thiệt hại vô cùng to lớn về kinh tế, mà còn làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào chế độ, vào Đảng, Nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tham ô là trộm cướp... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám... Chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như đánh giặc trên mặt trận...”

Tham ô, lãng phí, quan liêu là một “thứ giặc ở trong lòng”. Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống ngoại xâm mà quên chống giặc nội xâm, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình...”⁽³⁾.

Năm 1962, trong bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh lại nói:

“... Tham ô là *lấy trộm* của công, chiếm của công làm của tư...”

Nếu nhà ai bị mất cắp, mất trộm, thì hô hoán lên và cả xóm, cả làng đuổi bắt kẻ trộm. Khi của công bị mất cắp, mất trộm thì mọi người đều có trách nhiệm vạch mặt kẻ gian và đưa nó ra trước pháp luật vì mọi người đều có nghĩa vụ giữ gìn của công... tham ô của công tức là xâm phạm đến lợi ích chung của nhân dân, tức là *kẻ địch của nhân dân*...”⁽⁴⁾.

3. Sđd, tập 6, tr 489-495.

4. Sđd, tập 11, tr.416.

Đọc lại những lời trên đây ta hiểu vì sao trước đây Hồ Chí Minh đã y án tử hình một cán bộ cao cấp đã phạm tội tham ô. Hiện nay khi tham ô đã trở thành “quốc nạn” thì nhiều khi cách xử lý của chúng ta lại có phần gượng nhẹ với đủ mọi lý do “cần cân nhắc thận trọng”. Do đó, không ít bọn trộm, cướp ngày vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật.

Hồ Chí Minh khẳng định: “Công khai và mạnh dạn gạt bỏ cho thật sạch những ung nhọt ấy (tức là tham ô, lãng phí, quan liêu - PNC) thì thân thể càng mạnh khỏe thêm. Cho nên, vạch những tệ hại nói trên để sửa chữa, chúng ta không sợ kẻ địch lợi dụng để phản tuyên truyền”⁽⁵⁾.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Kẻ địch gồm có ba loại: Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm.

Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to (...) Loại địch thứ ba là chủ nghĩa cá nhân”⁽⁶⁾.

“Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”⁽⁷⁾.

Hồ Chí Minh cho rằng chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”, nhưng trong chủ nghĩa xã hội thì “mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội.

5. Sđd, tập 11, tr.416.

6. Sđd, tập 11, tr.605-606..

7. Sđd, tập 11, tr.609.

Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể...”⁽⁸⁾.

Chúng ta đang nghiên cứu để hiểu sâu hơn di sản tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh nhằm kế thừa, vận dụng và phát triển vào hoàn cảnh hiện nay, khi chúng ta đang thực hiện đổi mới và mở cửa... Có thể nói, nhiều người trong chúng ta, kể cả một số cán bộ, đảng viên và người có chức, có quyền, đã thực hiện không tốt, thậm chí lãng quên nhiều bài học vỡ lòng cơ bản mà Hồ Chí Minh nêu lên ngay từ những ngày đầu sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công và không ngừng nhắc lại cho đến khi Người sắp qua đời. Học lại và nhất là thực hiện cho tốt những bài học ấy là trách nhiệm chính trị, trách nhiệm đạo đức của tất cả chúng ta từ các đồng chí Trung ương đến mọi người dân bình thường, để khẩu hiệu “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại” không phải là một câu sáo rỗng.

GS. PHẠM NHƯ CƯỜNG

Nguồn: <http://www.hatinh.gov.vn>

8. Sđd, tập 11, tr.610.

Phần II

**NHÖNG CHIEN SÓ CACH MẠNG
TRUNG KIEN**

ĐỒNG CHÍ HỒ TÙNG MẬU NGƯỜI CÁCH MẠNG MẪU MỰC

Hồ Tùng Mậu có tên khai sinh là Hồ Bá Cự sinh ngày 15-6-1896 tại làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An trong một gia đình có truyền thống yêu nước, thương dân. Ông nội là Hồ Bá Ôn, Án sát tỉnh Nam Định, đã quyết tử bảo vệ thành Nam Định trong cuộc tấn công của thực dân Pháp ngày 27-3-1883; thân phụ là Hồ Bá Kiện, tham gia phong trào Đông Du, bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà tù Lao Bảo và hy sinh trong lúc vận động tù nhân phá ngục ngày 2-9-1945... Hồ Tùng Mậu sinh ra cũng là lúc phong trào Cần Vương do các sĩ phu phong kiến yêu nước lãnh đạo bị chìm trong máu lửa. Chính từ hoàn cảnh ấy, Hồ Tùng Mậu đã sớm tiếp thu truyền thống quật cường chống giặc, giữ nước của gia đình và quê hương.

Thời còn nhỏ, Hồ Tùng Mậu được học chữ Hán, rồi học chữ quốc ngữ. Những điều học tập ở trường đã gieo vào tâm hồn Hồ Tùng Mậu nhiều trăn trở về nỗi nhục mất nước, về những việc làm của cha, ông mình. Năm 19 tuổi, Hồ Tùng Mậu đỗ thi hương, nhưng vì nhà nghèo không có điều kiện theo học, Hồ Tùng Mậu phải xa gia đình, tìm đến

làng Yên Lạc, huyện Thanh Chương dạy học. Tại đây, Hồ Tùng Mậu được ông Ngô Quảng giác ngộ về chí hướng cứu nước. Anh quyết định bỏ nghề dạy học để có điều kiện đi lại gặp gỡ các bạn thanh niên trao đổi công việc chống giặc, cứu nước.

Lúc này, từ Xiêm, ông Đặng Thúc Hứa cử người về quê vận động thanh niên xuất dương. Được bà Trâm¹ giới thiệu, tháng 4-1920, Hồ Tùng Mậu cùng một số thanh niên Nghệ An (trong đó có Lê Văn Phơn - Lê Hồng Sơn, Ngô Đức Chính...) bí mật sang Xiêm.

Đến Xiêm, Hồ Tùng Mậu được gặp các ông Đặng Tử Kính, Đặng Thúc Hứa, Hồ Vĩnh Long là người cùng quê đang lập Trại Cày tại Phì Chịt, trường kỳ tập hợp lực lượng, chờ thời cơ giành lại độc lập cho đất nước. Ở Phì Chịt được gần ba tháng Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn được đưa đến Bằng Cốc để xuống tàu sang Hải Nam với mục đích xin vào học Trường Võ bị của Chính phủ Trung Hoa dân quốc, nhưng không may đến nơi trường đã đóng cửa. Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn phải đến Hàng Châu tìm người chú là Hồ Học Lãm. Tại đây Hồ Tùng Mậu được Hồ Học Lãm dạy tiếng Trung Quốc, rồi cho tiền học tiếng Anh. Sau một thời gian, được sự giới thiệu của Hồ Học Lãm, Hồ Tùng Mậu trở lại Quảng Châu hoạt động.

Cuộc sống của những người cách mạng Việt Nam ở đây cũng đang gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Để trang

1 Vợ ông Hồ Bá Trị - ông chú của Hồ Tùng Mậu.

trải cuộc sống và có điều kiện hoạt động, Hồ Tùng Mậu xin gia nhập quân đội của Chính phủ Tôn Trung Sơn, sau đó làm phu kéo xe ở Áo Môn, rồi xin vào trường Quân sự Quảng Đông nhưng chưa được bao lâu thì trường giải tán. Hồ Tùng Mậu trở lại Hàng Châu nhờ chú Hồ Học Lãm xin vào học Trường Trung học An Sinh.

Đầu năm 1923, theo lời khuyên của Phan Bội Châu và giới thiệu của Hồ Học Lãm, Hồ Tùng Mậu đến Quảng Châu xin vào học Trường Điện tín của Công ty xe lửa Hán - Việt. Đầu năm 1924, theo yêu cầu của Phan Bội Châu, Lê Hồng Sơn đến gặp Hồ Tùng Mậu và giao cho anh thư từ, tài liệu mang về nước. Rồi Quảng Châu, trở lại Xiêm, qua Lào rồi về Nghệ An, Được lý trưởng làng Hữu Biệt (Nam Đàn), một người có cảm tình với cách mạng cấp cho một thẻ thuế thân mang tên Phan Tái, Hồ Tùng Mậu có điều kiện đi lại dễ dàng, chuyển giao thư từ, tài liệu của cụ Phan cho các bậc sĩ phu và anh em học sinh.

Sau sự kiện Phạm Hồng Thái ném tạc đạn mưu giết Toàn quyền Méclanh (Merlin) ở Sa Diện - Quảng Châu (19-6-1924) không thành và anh dũng hy sinh, Hồ Tùng Mậu đã gấp rút trở lại Quảng Châu. Tại đây, Hồ Tùng Mậu đã may mắn được gặp Nguyễn Ái Quốc (11- 1924) và gặp các nhân vật chủ yếu trong Tâm Tâm xã. Tháng 6- 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng với Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn tập hợp những thành viên tích cực nhất trong Tân Việt Thanh niên Đoàn (tiền thân là Tâm Tâm xã) để bàn việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Từ đó, Hồ Tùng

Mậu trở thành người học trò và là người bạn chiến đấu thân cận của Người. Đồng chí là một trong bảy thành viên của Cộng sản Đoàn – nòng cốt của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển khá nhanh. Để việc đưa thanh niên có chí khí trong nước sang Quảng Châu huấn luyện, rồi trở về nước làm nòng cốt, tổ chức quần chúng, gây thành phong trào rộng lớn, Hồ Tùng Mậu được cử về nước thực hiện chủ trương này. Đồng chí đã tới Hải Phòng, tổ chức hiệu sáng Huệ quần thư điểm làm nơi liên lạc giữa trong và ngoài nước. Sau đó, Hồ Tùng Mậu trở lại Quảng Châu, gặp đồng chí Nguyễn Lương Bằng để tổ chức đường dây này.

Năm 1926, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức các lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu, đồng chí Hồ Tùng Mậu được cử làm trợ giảng, hướng dẫn học viên thảo luận, quản lý lớp học cũng như chăm lo việc ăn, ở, sinh hoạt của học viên. Để thuận lợi cho việc hoạt động cách mạng ở Nam Trung Quốc, Hồ Tùng Mậu gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 3-1926, làm việc tại Chiêu đãi sở, cơ quan của Tỉnh ủy Quảng Đông, Đảng Cộng sản Trung Quốc, để giao tiếp với những người cộng sản các nước đang hoạt động tại đây. Tháng 6-1926, Đảng Cộng sản Trung Quốc cử một phái đoàn sang công tác ở Xiêm, Hồ Tùng Mậu được bố trí đi cùng với tư cách là một thành viên. Những ngày ở Xiêm,

đồng chí Hồ Tùng Mậu đã gặp Đặng Thúc Hứa bàn việc xây dựng cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Hội Thân ái trong Việt kiều tại đây, cũng như việc đưa người sang Quảng Châu.

Tháng 4-1927, Tưởng Giới Thạch phản bội, làm cuộc chính biến phản ách mạng, công khai đàn áp những người cộng sản Trung Quốc, Hồ Tùng Mậu cùng một số cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng bị bắt. Tuy nhiên, trước áp lực đấu tranh của nhân dân Trung Quốc và những người Việt Nam yêu nước tại Trung Quốc, chính quyền Tưởng Giới Thạch buộc phải thả những người Việt Nam yêu nước bị bắt, trong đó có Hồ Tùng Mậu. Giữa năm 1927, Hồ Tùng Mậu đến Long Châu, nhưng bị chính quyền địa phương trục xuất nên phải sang Nam Kinh. Vì không có hộ chiếu, đồng chí lại bị chính quyền địa phương giam giữ và buộc phải rời khỏi Nam Kinh. Trở về Quảng Châu chưa được bao lâu, thì ngày 12-12-1927 cuộc khởi nghĩa Quảng Châu bùng nổ, Hồ Tùng Mậu và mấy chục người Việt Nam khác tham gia cuộc khởi nghĩa, bị chính quyền Quảng Châu bắt giam cho đến mùa thu năm 1929.

Tháng 5-1929, Đại hội đại biểu lần thứ I Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã họp tại Hương Cảng. Hồ Tùng Mậu tuy vắng mặt vì đang bị giam giữ, nhưng vẫn được Đại hội bầu làm Ủy viên chấp hành Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên². Trong Đại hội này, một số đại biểu

2. Hoàng Thanh Đạm - Phan Hữu Thịnh: *Đời nổi đời vì nước*, NXB. Nghệ An, 1996, tr.127.

của Bắc kỳ do nóng vội muốn thành lập ngay Đảng Cộng sản nhưng không đạt được sự nhất trí nên đã bỏ về nước và tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.

Ra khỏi nhà tù, Hồ Tùng Mậu đã gặp các đồng chí Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điểm bàn cách khắc phục tình trạng phân liệt. Các đồng chí chủ trương một mặt, tập hợp các phần tử cộng sản trong Tổng bộ và một số mới ở tù về, thành lập chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở Trung Quốc; mặt khác, viết thư liên hệ với Đông Dương Cộng sản Đảng ở Bắc kỳ để thống nhất hành động. Hồ Tùng Mậu đã phân tích một cách thấu đáo, cặn kẽ về cái được, cái mất khi có tình trạng phân liệt chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản và sự cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng. Thái độ chân thành và vô tư của Hồ Tùng Mậu đã góp phần làm cho những người cộng sản chân chính hiểu nhau hơn. Đến khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản đến Hương Cảng tổ chức Hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Tùng Mậu là một trong những người tham gia tích cực vào việc tổ chức Hội nghị lịch sử này. Sau Hội nghị hợp nhất, Hồ Tùng Mậu còn tham dự Hội nghị trù bị Đại hội quốc tế Công hội Đỏ và tiếp tục hoạt động tại Trung Quốc.

Tháng 6-1931, Nguyễn Ái Quốc bị thực dân Anh bắt tại Hương Cảng, vận động luật sư Lôdôbi (Loseby) can thiệp và bào chữa cho Nguyễn Ái Quốc trước tòa án và tìm mọi cách giải thoát cho Nguyễn Ái Quốc khỏi nanh vuốt của

thực dân Pháp hòng đón bắt Nguyễn Ái Quốc sau khi tòa án Anh trả lại tự do. Những hoạt động của Hồ Tùng Mậu liên hệ với cơ quan Quốc tế Cứu tế Đỏ đã bị mật thám Anh theo dõi, Vì vậy, sau khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt một thời gian thì Hồ Tùng Mậu cũng bị mật thám Anh bắt, giao cho nhà cầm quyền Pháp đưa về nước và bị giam tại các nhà tù: Hỏa Lò, Vinh, Lao Bảo, Kon Tum, Buôn Ma Thuột,... Qua các nhà tù, chịu bao đọa đầy cực khổ, Hồ Tùng Mậu luôn giữ vững khí tiết, tinh thần lạc quan cách mạng và lòng thương yêu đồng chí.

Năm 1941, sau khi mãn hạn tù, Hồ Tùng Mậu được giải về Vinh để trả tự do. Trước khi trả tự do cho đồng chí, Chánh Thanh tra mật thám ở Vinh là Amber cho dẫn vợ con Hồ Tùng Mậu vào nhà lao và dụ dỗ đồng chí hợp tác với chúng, thôi làm cách mạng. Hồ Tùng Mậu cương quyết cự tuyệt. Vì sự cự tuyệt đó, chính quyền thực dân đưa Hồ Tùng Mậu vào “căng an trí” Trà Khê thuộc tỉnh Phú Yên để cách ly với môi trường chính trị.

Sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), bọn cai ngục người Pháp ở Trà Khê đều bị Nhật bắn giết hoặc giam giữ, Hồ Tùng Mậu cùng các bạn tù chính trị kịp thời nắm thời cơ mới, tuyên truyền cho lính gác bỏ vũ khí rồi phá nhà lao Trà Khê, tìm đường trở về quê nhà ở làng Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Ở nhà được ít lâu, Hồ Tùng Mậu được Tri huyện Chủ Ngọc Liễn mời lên, trao bức thư của bác sĩ Trần Đình Nam, Bộ trưởng Nội các Trần Trọng Kim, mời ông vào Huế, với lời lẽ rất trân trọng: “Nội các Trần

Trọng Kim muốn mời nhà cách lão thành Hồ Tùng Mậu làm cố vấn cho Chính phủ”. Nhưng Hồ Tùng Mậu đã từ chối, vì đồng chí biết rõ đây là chính quyền bù nhìn của phát xít Nhật.

Khoảng tháng 7-1945, Xứ ủy Trung kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương điều động thoát ly khỏi Quỳnh Đôi để góp phần chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa sắp tới. Sau này một số đồng chí kể lại rằng hồi ấy Hồ Tùng Mậu đi một số nơi nắm địa thế lập chiến khu cho Nghệ Tĩnh để chuẩn bị khởi nghĩa³.

Cách mạng Tháng Tám thành công, ra Hà Nội. Hồ Tùng Mậu được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ đi tổ chức hệ thống liên lạc giữa chính quyền cách mạng các địa phương từ Bắc vào Nam. Khi thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại giao nhiệm vụ cho Hồ Tùng Mậu tổ chức Trường Quân chính ở Nhượng Bạ, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, nhằm đào tạo cán bộ quân sự cho Trung Kỳ. Hồ Tùng Mậu đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiêm Chính ủy của Trường. Từ cuối năm 1945 đến trước ngày toàn quốc kháng chiến, Trường Quân chính Nhượng Bạ đã cung cấp cho các đoàn “Nam tiến” hàng trăm cán bộ chỉ huy và chính trị viên đại đội, tiểu đoàn Vệ Quốc quân.

Toàn quốc kháng chiến bùng nổ (19-12-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy nhiệm đồng chí Hồ Tùng Mậu làm

3. Xem Hoàng Thanh Đạm - Phan Hữu Thịnh: *Đời nổi đời vì nước*, Sđd, tr.136.

Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Liên khu Bốn (sau gọi là Ủy ban Kháng chiến hành chính Liên khu Bốn). Đại hội Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Liên khu Bốn bầu đồng chí làm Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy. Suốt những năm công tác tại Liên khu Bốn, đồng chí Hồ Tùng Mậu làm việc quên mình, có uy tín lớn trong toàn thể cán bộ và nhân dân, được mọi người gọi một cách kính cẩn và yêu mến là “Cụ Mậu”.

Giữa lúc phong trào kháng chiến ở Liên khu Bốn đang phát triển sôi nổi thì một tin đau xé ruột đến với đồng chí Hồ Tùng Mậu, đó là người con trai duy nhất, anh Hồ Mỹ Xuyên đã hy sinh khi đi công tác trong đoàn của Đặc ủy đoàn Chính phủ ở Liên khu Mười, vùng Tây Bắc của Tổ quốc. Đồng chí Hồ Tùng Mậu đã tiếp nhận tin buồn này với thái độ của một nhà cách mạng lão thành. Tuy rất đau lòng, nhưng không để ảnh hưởng đến công việc chung của cách mạng, sau mấy ngày trầm lặng, về quê an ủi mẹ già, vợ và con dâu, đồng chí Hồ Tùng Mậu lại lên đường đi các địa phương, lấy công việc cách mạng làm nguồn khuây khỏa.

Năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh điều động đồng chí Hồ Tùng Mậu ra Việt Bắc đảm nhiệm chức vụ mới - Tổng Thanh tra Chính phủ. Trên cương vị của mình, với những kinh nghiệm tích lũy được trong nhiều năm hoạt động cách mạng, với tinh thần hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đồng chí Hồ Tùng Mậu không quản tuổi cao, không ngại gian khổ, đã đi nhiều nơi, kiểm tra công tác chính quyền ở các địa phương khắp vùng Việt Bắc. Phát huy tinh thần dân chủ, khi làm việc với các địa phương, đồng

chí Hồ Tùng Mậu luôn lắng nghe ý kiến cơ sở, những tâm tư nguyện vọng của cán bộ, bộ đội và nhân dân, coi trọng nêu gương người tốt, việc tốt; chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

Đầu năm 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ chủ trương thành lập Hội Việt - Hoa hữu nghị, đồng chí Hồ Tùng Mậu được cử làm Hội trưởng đầu tiên. Bằng thực tiễn cuộc đời hoạt động cách mạng, trong có 11 năm hoạt động ở Trung Quốc, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã góp phần xây đắp tình hữu nghị giữa Đảng và nhân dân hai nước Việt - Trung.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng (2-1951), đồng chí Hồ Tùng Mậu đã vinh dự được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Đây là một sự khẳng định quan trọng về vai trò và cống hiến của đồng chí Hồ Tùng Mậu đối với Đảng và cách mạng Việt Nam. Về mặt chính quyền, đồng chí vẫn được tin nhiệm giao phó phụ trách công tác Tổng Thanh tra Chính phủ và Hội trưởng Hội Việt - Hoa hữu nghị.

Trong lúc cuộc kháng chiến của dân tộc đang tiến sang giai đoạn mới và giành được những thắng lợi quan trọng, thì trong một lần dẫn đầu Đoàn Thanh tra Chính phủ đi công tác Liên khu Bốn, vừa qua địa phận thị trấn Còng (Thanh Hóa), đoàn bị máy bay địch phát hiện và oanh tạc, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã anh dũng hy sinh. Đó là một sự mất mát to lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta, đúng như trong *Bài điệu đồng chí Hồ Tùng Mậu* của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Mất chú, đồng bào mất một người lãnh đạo tận tụy, Chính phủ mất một người cán bộ lão luyện, Đoàn thể mất một người đồng chí trung thành...”⁴. Đồng chí Hồ Tùng Mậu mất đi, nhưng đồng chí đã để lại tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, về “tận trung với nước, tận hiếu với dân”.

Ths. ĐINH NGỌC QUỲ

*– Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh
Nguồn Hồ Tùng Mậu – Người Cộng sản kiên trung, mẫu
mực,*

NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2011, tr. 245.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.272.

PHAN ĐĂNG LƯU NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN TRUNG, NHÀ BÁO CÁCH MẠNG ƯU TÚ

C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh và nhiều nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng của báo chí với tư cách là vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng một xã hội tự do, ấm no, hạnh phúc. Ở họ, người cộng sản và nhà báo cách mạng luôn kết hợp bền chặt, hài hoà. Viết báo để “tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể, tổ chức tập thể” (Lênin); “tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” (Hồ Chí Minh). Phan Đăng Lưu - nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta thời kỳ trước năm 1940 là một trong những tấm gương như vậy.

Phan Đăng Lưu sinh ngày 5 tháng 5 năm 1902 ở thôn Đông, xã Tràng Thành (nay là xã Hoa Thành), huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Họ Phan của ông chính là họ Mạc - một dòng họ danh tiếng của đất nước. Ngay từ nhỏ, Phan Đăng Lưu nổi tiếng về sự hiếu học, thông minh, mẫn tiệp hơn người. Tư chất đó giúp cậu học trò họ Phan sớm đến với tư tưởng yêu nước, tiến bộ. Từ học chữ nho ở trường

làng, học trường Pháp - Việt ở Vinh, học lên bậc trung học ở Huế, học trường Canh nông Tuyên Quang, về Vinh tham gia Hội Phục Việt, Phan Đăng Lưu luôn nhận rõ bản chất xấu xa của chế độ thực dân phong kiến, nỗi thống khổ của tầng lớp công nhân, nông dân; ngưỡng mộ những nhà yêu nước và cách mạng đáng kính như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc.

Quá trình gặp gỡ, kết thành đồng chí với Trần Phú, Trần Đình Thanh, Trần Văn Tăng, Hà Huy Tập,... càng định rõ con đường dẫn thân cho sự nghiệp cách mạng của ông.

Sự nghiệp cách mạng và báo chí của Phan Đăng Lưu thực sự sôi nổi, phong phú khi ông tham gia Đảng Tân Việt - một trong những tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này. Khoảng cuối năm 1927, đầu 1928, để tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng dân chủ mới, Đào Duy Anh và lãnh đạo Đảng Tân Việt ở Huế thành lập Nhà sách Quan Hải Tùng Thư. Trên cương vị là Thường vụ Tổng bộ phụ trách tuyên truyền, Phan Đăng Lưu - với kiến thức Hán học và vốn tiếng Pháp tinh tế đã dịch và biên soạn nhiều tư liệu quý như “A.B.C Chủ nghĩa Mác”, “Dân chủ mới”; dịch các cuốn “Xã hội luận”, “Lược sử các học thuyết kinh tế”... Các cuốn sách, bài báo của Phan Đăng Lưu, Đào Duy Anh và các tác gia ở Quan Hải Tùng Thư góp phần thức tỉnh nhiều thanh niên, học sinh yêu nước. Từ họ, tư tưởng tiến bộ, cách mạng lan tỏa, thấm dần vào các tầng lớp nhân dân. Trong chuyến đi Trung Quốc sau đó, được đến Bắc Kinh, Thượng Hải, Nam Ninh... Phan Đăng Lưu mang về

nước nhiều tài liệu, sách báo về chủ nghĩa Mác rất quý giá. Một số tài liệu do ông dịch (khi tá túc trong căn nhà của ông Đảng Trọng Ninh ở phố hàng Vôi, Hà Nội), hiện vẫn được Bảo tàng Cách mạng Việt Nam lưu giữ.

Tháng 9 năm 1929, trong chuyến sang Trung Quốc lần thứ hai để tìm gặp và liên kết Đảng Tân Việt với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Phan Đăng Lưu bị bắt ở Hải Phòng, bị đưa về nhà lao Vinh và bị kết án 5 năm tù khổ sai, lưu đầy Buôn Mê Thuật. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Phan Đăng Lưu được kết nạp Đảng ở trong tù và tham gia ban lãnh đạo những người cộng sản ở trong tù.

Theo hồi ký của Tôn Quang Phiệt (Nghiên cứu Lịch sử số 147, 148), Buôn Ma Thuật hồi đó là một khu tự trị với chính sách hết sức hà khắc của bè lũ thực dân và tay sai. Nhà tù ở đây tuyển lính gác ngục là người Ê Đê vừa không biết tiếng Kinh, vừa bị kích động hằn thù dân tộc giữa Kinh và Thượng. Nhận rõ tình hình, nhiệm vụ lúc đó, Phan Đăng Lưu lao vào học tiếng Ê Đê và vận động các bạn tù cùng học. Chỉ vài tháng sau, ông đã sử dụng khá thành thạo thứ tiếng này. Để tuyên truyền, giác ngộ lính canh tù, ông lập ra tờ Doãn Đê tù báo (trong tiếng Ê Đê, Doãn là từ chỉ người Kinh, người miền xuôi). Tờ báo bí mật ra hàng tuần, vừa là công cụ giác ngộ binh lính người Ê Đê, vừa là tài liệu tuyên truyền nội bộ. Các bài viết ngắn gọn, đơn giản, trong đó nói về nỗi nhục mất nước; về quan hệ gắn bó giữa người Ê Đê và người Kinh cùng chung một nước; tấm gương tiết liệt, yêu

nước của tù nhân cách mạng; về cách nhìn cảm thông của tù nhân cách mạng với những người Ê Đê bị ép buộc làm những điều mà họ không muốn. Tác dụng của tờ báo lúc đó rất lớn, rất hiệu quả. Mối quan hệ giữa người tù, lính canh được cải thiện rõ rệt. Một số lính canh còn giúp tù nhân nhiều việc có ích. Riêng Phan Đăng Lưu, dù bị bọn cai ngục “chăm sóc” rất kỹ, bị đánh đập dã man, bị giam cầm, nhưng ông vẫn viết báo đều, viết khỏe và sắc sảo. Theo Tôn Quang Phiệt và những người bị giam ở Buôn Ma Thuột lúc đó như: Trịnh Xuân Quang, Hà Thế Hạnh, Bùi San..., để nắm được tình hình bên ngoài, Phan Đăng Lưu qua những người gác tù đã được giác ngộ, nhờ những người không bị quản chế chặt, bí mật nhặt nhạnh tất cả các mảnh báo, giấy tờ bị loại ra, kể cả chỗ “đi xia” mang về cho ông. Đó là tài liệu, là chút giấy ít ỏi để ông viết báo bằng ánh sáng lờ mờ từ lỗ thông hơi.

Vào quãng giữa năm 1932, sau cuộc phá ngục của tù nhân ở nhà tù Kon Tum, thực dân Pháp siết chặt chế độ lao tù đến mức hà khắc. Lãnh đạo nhà tù Buôn Ma Thuột, trong đó có cả Phan Đăng Lưu, chủ trương viết báo bằng cả tiếng Việt, tiếng Pháp, để khi có người được ra tù hoặc qua đường dây bí mật gửi đăng ở các báo, tố cáo chế độ nhà tù, kêu gọi dư luận bên ngoài hỗ trợ cuộc đấu tranh của tù nhân. Một số ít bài báo như vậy đã may mắn lọt ra ngoài. Bọn cai ngục ở nhà tù Buôn Ma Thuột tức lồng lộn, xoi mói, lùng sục các buồng giam kỹ hơn.

Một lần, người đồng chí của Phan Đăng Lưu là Đậu

Hàm, quê Hà Tĩnh mãn hạn ra tù. Phan Đăng Lưu viết một bài báo bằng tiếng Pháp. Đêm đó, ông tách đế dép cao su của bạn, nhét tờ báo vào bên trong. Khoảng 3 giờ sáng, vì có nội gián, cai ngục và lính gác ập vào. Sự việc bị bại lộ, Phan Đăng Lưu bị tra tấn tàn khốc và bị tăng thêm án tù.

Vào giữa thập niên ba mươi, phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo đã bước qua thời kỳ thoái trào. Tuy nhiên, bối cảnh thế giới có những diễn biến phức tạp, chủ nghĩa phát xít xuất hiện, nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới đang đến gần. Trước đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp tại Mátxcova (1-1935) nêu chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân rộng rãi trên thế giới chống chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, dân chủ, hòa bình. Ở Pháp, đầu năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp và Chính phủ Pháp ra sắc lệnh ân xá chính trị phạm ở Đông Dương và ban hành một số chính sách tiến bộ khác. Phan Đăng Lưu được ra khỏi nhà tù Buôn Ma Thuột tháng 2 năm 1936 nhưng buộc phải “an trí” ở Huế.

Tại Huế, ông cùng các đồng chí của mình liên lạc với Đảng, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới bằng những bài viết trên các báo. Tháng 3 năm 1937, tại Đông Pháp Lữ quán, số 7 đường Đông Ba, Đại hội Báo chí Trung kỳ khai mạc với sự tham gia của hơn 70 nhà báo. Phan Đăng Lưu và các nhà báo cách mạng đã có công hướng Đại hội vào những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa lúc bấy giờ.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7-1936) xác định: Kẻ thù chủ yếu, trước mắt là bọn phản động thuộc

địa, phải tập trung cho nhiệm vụ chống phát xít, chống chiến tranh, đòi dân chủ, hòa bình. Hội nghị chủ trương lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (Mặt trận Dân chủ Đông Dương).

Ở Huế, Phan Đăng Lưu cùng Nguyễn Chí Diểu, Hải Triều, Lâm Mộng Quang, Trịnh Xuân An, Hải Thanh... được Đảng giao hoạt động công khai và bán công khai. Và đương nhiên, báo chí là diễn đàn, là vũ khí đấu tranh phù hợp và sắc bén. Nguyễn Chí Diểu chỉ đạo nội dung Báo Nhân Lúa (do Nguyễn Xuân Lữ làm Chủ nhiệm), Phan Đăng Lưu và các đồng chí khác mua lại tờ Sông Hương của Phan Khôi, đổi tên thành Sông Hương tục bản, mời Nguyễn Cửu Thanh làm Chủ nhiệm, Phan Đăng Lưu chỉ đạo nội dung và trực tiếp viết các bài xã luận, bình luận, tiểu phẩm. Báo được in tại nhà in Vương Đình Châu ở Vinh. Trên tờ báo mới này, Phan Đăng Lưu và các đồng chí của ông trình bày quan điểm của Đảng; phát động quần chúng đấu tranh đòi dân chủ, tự do; tuyên truyền cho cuộc vận động Đông Dương Đại hội Trung Kỳ; giải thích cho nhân dân biết về quyền bầu cử, ứng cử. Báo thể hiện tính giai cấp, tính chiến đấu rất sâu sắc. Mục “Chiếu điện” của tác giả Nghị Toét - bút danh của Phan Đăng Lưu, vạch mặt, chỉ tên bọn tay sai bán dân hại nước, dùng các âm mưu, thủ đoạn để lừa gạt cử tri (đó là Bùi Huy Trứ, Nguyễn Quang Triệt, Cao Văn Chiếu...). Còn 18 ứng cử viên là người của Đảng và có tư tưởng tiến bộ do Sông Hương tục bản giới thiệu, cổ vũ đã đắc cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ, trong đó có đồng chí Đặng Thai Mai.

Sông Hương tục bản trên thực tế đã trở thành cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung Kỳ, ra được 14 số (từ 15 tháng 6 đến 14 tháng 10 năm 1937), sau đó bị chính quyền thực dân thu hồi giấy phép.

Ngày 24 tháng 12 năm 1937, một số đại biểu vừa trúng cử Viện Dân biểu Trung Kỳ qua sự gợi ý, đề xuất của Phan Đăng Lưu đã làm đơn xin xuất bản tờ báo lấy tên là “Dân”. Hai người quản lý báo Dân là Nguyễn Đan Quế và Nguyễn Xuân Cát. Tuy nhiên, về thực chất, đây là tờ báo của Xứ ủy Trung Kỳ do Phan Đăng Lưu trực tiếp chỉ đạo. Ban Biên tập có Hải Triều, Bùi Công Trừng, Nguyễn Cửu Thanh, Lâm Mộng Quang, Lê Bồi, Hà Thế Hanh... Báo Dân kết hợp chặt chẽ với các đại biểu tiến bộ trong Viện Dân biểu và phong trào cách mạng của quần chúng, tạo nên sức mạnh to lớn chống sưu cao, thuế nặng, chống áp bức, bất công, đòi tự do ngôn luận, đặc biệt là đánh bại dự án Thuế thân và dự án Thuế điền thổ do khâm sứ Trung Kỳ đưa ra, làm rung chuyển bộ máy cai trị ở chính nơi đầu não của chúng. Trong thành công lớn lao ấy, Phan Đăng Lưu có những cống hiến hết sức quan trọng. Cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình, sắc sảo, các bài viết của ông thực sự là những tác phẩm báo chí giàu tính chiến đấu, tính giai cấp, tính văn hóa, tính nhân dân.

Báo Dân không tồn tại được bao lâu do kẻ địch biết đó chỉ là sự thay đổi tên gọi của Sông Hương tục bản và đứng đằng sau tờ báo là Phan Đăng Lưu, cao hơn, là Xứ ủy Trung Kỳ (báo ra được 17 số, từ tháng 7 đến tháng 10 năm 1938). Cơ quan Xứ ủy và Phan Đăng Lưu tiếp tục cho ra tờ Dân

Tiến. Theo tuyên ngôn của báo: “Dân là dân, tiến là tiến tới. Dân tiến là dân tiến tới, dân cứ đi mãi. Dân có bị giết chết, bị tù, bị phạt, bị đói... dân vẫn cứ sống, vẫn cứ tới” (Dân Tiến, số 3, ngày 17/11/1938).

Để tránh sự kiểm duyệt gắt gao của Khâm sứ Trung Kỳ, báo Dân Tiến được biên tập ở Huế, sau đó đưa vào Sài Gòn in ấn, phát hành ở Nam Kỳ vì ở đó, báo chí dễ “thở” hơn. Báo Dân Tiến vẫn do Phan Đăng Lưu trực tiếp chỉ đạo, Huỳnh Văn Thanh làm Quản lý, Lưu Quý Kỳ làm Thư ký Tòa soạn. Dân Tiến lại bị nhà cầm quyền đóng cửa. Không chịu khuất phục, Phan Đăng Lưu cho ra tiếp tờ báo mang tên Dân Muốn, vẫn biên tập ở Huế, in và phát hành ở Sài Gòn.

Trong các năm từ 1937 đến 1939, cùng với hoạt động báo chí sôi nổi, bản lĩnh, sáng tạo, Phan Đăng Lưu còn cho ra mắt bạn đọc các tác phẩm mang tính nghiên cứu, lý luận như “Xã hội Tư bản”, “Thế giới cũ và Thế giới mới”, “Thơ văn các nhà chí sĩ Việt Nam”. Là người rất gần gũi với Phan Bội Châu, được coi là Thư ký của cụ Phan, Phan Đăng Lưu còn động viên, giúp việc để cụ Phan hoàn thành cuốn sách “Phan Bội Châu niên biểu”. Phan Đăng Lưu cũng là người có ảnh hưởng sâu sắc đến những người hoạt động cách mạng ở Nghệ Tĩnh và Huế lúc đó như: Trịnh Xuân An, Tôn Quang Phiệt, Trịnh Quang Xuân, Hà Thế Hanh hay lớp thanh niên yêu nước như: Tố Hữu, Trần Tổng, Trần Quỳnh, Nguyễn Chí Thanh.

Tháng 9 năm 1939, Phan Đăng Lưu được Trung ương chỉ đạo rút vào Nam Kỳ hoạt động bí mật. Tháng 11 năm

1939, ông ra Việt Bắc dự Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (tháng 11 năm 1939), được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng và trở thành một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng ta lúc đó. Tại Hội nghị này, ông báo cáo, phân tích tình hình ở Nam Kỳ, cho rằng tình thế cách mạng chưa chín muồi, xin Trung ương cho hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Đề nghị của ông được chấp thuận. Ông vội vã trở lại vùng đất đang sục sôi khí thế cách mạng, nhưng không kịp. Cuộc khởi nghĩa đã nổ. Phan Đăng Lưu bị địch bắt ngay khi vừa đặt chân xuống Sài Gòn. Giữa năm 1941, Phan Đăng Lưu cùng các chiến sĩ cộng sản ưu tú Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập và nhiều đồng chí khác hy sinh oanh liệt trước mũi súng quân thù trong niềm tin tất thắng của cách mạng.

Đã 71 năm đã đi qua từ ngày Phan Đăng Lưu ngã xuống, con thuyền cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta đã cập bến độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Trong trang sử vàng của cách mạng Việt Nam, của báo chí cách mạng Việt Nam, Phan Đăng Lưu có một vị trí xứng đáng, trân trọng. Ông là một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta, nhân dân ta, một nhà báo cách mạng ưu tú, hết sức tiêu biểu thập niên ba mươi của thế kỷ hai mươi.

Nguồn: *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*

LUẬT SƯ NGUYỄN HỮU THỌ MỘT TRÍ THỨC SUỐT ĐỜI PHỤNG SỰ TỔ QUỐC

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, một trí thức tài năng và giàu tâm huyết, một nhà yêu nước nhiệt thành, một ngọn cờ của khối đại đoàn kết dân tộc, một chiến sĩ cách mạng kiên định, trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn thử thách nào vẫn một lòng một dạ tận trung với nước, tận hiếu với dân.

Từ bỏ mọi danh vọng, quyền lợi của chế độ thực dân, đế quốc, chấp nhận gian nguy, bất chấp bị giam cầm, lưu đày trong các nhà tù của địch với bản lĩnh của một con người không chịu cúi đầu phục tùng trước bất cứ một thế lực nào, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ lựa chọn và dấn thân vào con đường cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn dắt. Cuộc đời ông là tấm gương sáng ngời về một nhân cách trong sáng, cao đẹp, đã đấu tranh không mệt mỏi và cống hiến trọn đời mình cho lý tưởng độc lập dân tộc, hòa bình và chủ nghĩa xã hội. Tuy chưa một lần được gặp Bác Hồ nhưng ông vẫn xứng đáng là học trò xuất sắc của Người. Ông đã từng

nói: “Với tôi, điều may mắn và cũng là niềm hạnh phúc lớn nhất là được đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Người dẫn dắt từ khi lớp thanh niên trí thức chúng tôi còn bàng hoàng trước ngã ba đường trong đêm dài nô lệ”.

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH VÀ NHỮNG NĂM THÁNG TUỔI TRẺ

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ sinh ngày 10 tháng 7 năm 1910, tại làng Long Phú, tổng Long Hưng Hạ, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Đây là một vùng đất có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị và quân sự vì ở địa bàn kết nối giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, đồng thời là cửa ngõ của thành phố Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Cũng như các tỉnh Nam Bộ, từ lâu người dân Long An đã xây dựng nên truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất, sẵn sàng vùng lên chống phong kiến áp bức và ngoại xâm. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta, nhân dân Long An tích cực tham gia các phong trào kháng chiến chống quân xâm lược do các cụ Nguyễn Trung Trực, Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương lãnh đạo. Nhiều người con ưu tú đã ngã xuống trên mảnh đất quê hương Long An và trở thành những tấm gương bất tử như cử nhân Phan Văn Đạt, lãnh binh Nguyễn Văn Tiến, v.v..

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ sinh ra trong một gia đình công chức trung lưu. Ba người anh em của ông sớm qua đời vì bệnh khi còn nhỏ. Do đó, mọi tình thương yêu của gia đình đều tập trung cho cậu con trai duy nhất. Những

năm tháng tuổi thơ của ông được nuôi dưỡng bằng tình thương yêu của cha mẹ cùng với những câu chuyện về bao con người của quê hương ông mộc mạc, giản dị nhưng hào hiệp và hiên ngang. Với hy vọng con trai sẽ đỗ đạt thành tài để không bị người Tây khinh rẻ, gia đình đã cố gắng dành dụm tiền bạc và gửi ông sang Pháp ăn học.

Mùa hè năm 1921, mới 11 tuổi, Nguyễn Hữu Thọ một mình xuống tàu thủy, rời cảng Sài Gòn sang Pháp du học. Người thiếu niên ấy rời đất nước đang đắm chìm trong “đêm dài nô lệ” mang theo những ký ức bi tráng về quê hương, gia đình. Nhiều năm sau, hình ảnh dòng sông, bến nước, hình ảnh lam lũ, nhọc nhằn, đói rét của đồng bào nơi quê nhà vẫn luôn hiện lên trong tâm trí ông, thôi thúc ông “cần phải làm một điều gì đó có ích cho nước, có lợi cho dân”.

Sau bảy năm học tại Trường trung học Mignet, năm 1928, Nguyễn Hữu Thọ được nhận vào học tại Khoa Luật Trường đại học Luật khoa và Văn khoa Aix en Provence (miền Nam nước Pháp). Năm năm sau, ngày 5-9-1932, ông hoàn thành khóa học với tấm bằng Cử nhân Luật loại xuất sắc. Đây là thời điểm đánh dấu bước trưởng thành của người trí thức yêu nước, về sau trở thành người cộng sản tiêu biểu, nhà cách mạng nổi tiếng của Đảng và dân tộc ta - Luật sư Nguyễn Hữu Thọ.

MỘT TRÍ THỨC SUỐT ĐỜI PHỤNG SỰ TỔ QUỐC

Tháng 5-1933, Nguyễn Hữu Thọ rời nước Pháp trở về quê hương. Ông xin làm luật sư tập sự tại văn phòng của

một luật sư người Pháp có tư tưởng dân chủ tiến bộ ở Nam Kỳ.

Sau năm năm tập sự, năm 1939 Nguyễn Hữu Thọ vượt qua kỳ sát hạch của Luật sư đoàn và trở thành một luật sư thực thụ. Ông đứng ra lập văn phòng luật sư riêng ở Mỹ Tho - nơi gia đình đang sinh sống. Ít năm sau, ông lập thêm nhiều văn phòng luật sư khác ở Vĩnh Long, Cần Thơ. Với đức tính trung thực, luôn đứng về phía quần chúng, bênh vực lẽ phải, ông được nhân dân tín nhiệm và đồng sự mến phục. Mới 30 tuổi, nhưng Nguyễn Hữu Thọ đã trở thành vị luật sư danh tiếng. Thường xuyên phải chứng kiến cảnh bọn thực dân đàn áp dã man những người yêu nước, những người dân vô tội, trong ông dấy lên tình cảm xót thương đồng bào, căm ghét Tây. Ông miệt mài đem kiến thức luật học của mình ra bảo vệ công lý, bênh vực cho đồng bào mình trước những thủ đoạn áp bức bóc lột tàn bạo của chính quyền thực dân.

Biến động lịch sử dồn dập trong những năm 1940-1945 lôi cuốn ông tham gia phong trào thanh niên sinh viên và giới trí thức đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, ông trở thành một trí thức yêu nước ủng hộ chính quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẵn sàng góp sức lực, trí tuệ cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam. Sau này ông nhớ lại: “Sự kiện lịch sử trọng đại đó đã làm thay đổi cả nếp sống, nếp nghĩ của tôi. Nói một cách khác, cách mạng đã đổi đời cho tôi”.

Sau khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, chính quyền thực dân bổ nhiệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chánh án Tòa án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông vẫn giữ mối liên lạc và bí mật tham gia các hoạt động yêu nước của giới trí thức Nam Bộ. Nhận lời mời của Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ, ông ra thăm chiến khu Đồng Tháp Mười. Chuyển đi đã làm thay đổi căn bản nhận thức và hành động của ông về kháng chiến và cách mạng. Từ đấy, ông dứt khoát từ bỏ “duyên nghiệp” mà bấy lâu nay ông những tưởng có thể giúp đỡ người nghèo để dẫn thân vào con đường mới - con đường cách mạng phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước.

Đầu năm 1947, ông từ chức Chánh án Tòa án dân sự tỉnh Vĩnh Long, lên Sài Gòn mở Văn phòng luật sư riêng tại số nhà 152 đường Charles de Gaulle (nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Theo sự phân công của tổ chức, ông hoạt động trong Ban Trí vận Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Văn phòng luật sư của ông trở thành nơi tập hợp giới trí thức tiến bộ ở Sài Gòn và miền Nam.

Hoạt động công khai trong lòng địch, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ không chỉ dùng tri thức nghề nghiệp để đấu tranh với kẻ thù, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu nước không may rơi vào tay của chúng mà còn tích cực tuyên truyền vận động giới trí thức, học sinh, sinh viên đấu tranh đòi hòa bình, chống chiến tranh xâm lược. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, ngày 16-10-1949, ông đã vinh dự được tổ chức kết nạp vào hàng ngũ của Đảng. Sự kiện đó là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng

của ông. Từ chủ nghĩa yêu nước, ông đến với chủ nghĩa cộng sản và trở thành ngọn cờ đoàn kết, quy tụ quần chúng, học sinh sinh viên và trí thức tham gia vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Bằng uy tín cá nhân, tài năng tổ chức, ông đã đưa cuộc đấu tranh vào ngay tận sào huyệt của địch và liên tiếp giành được thắng lợi. Các cuộc đấu tranh biểu dương lực lượng Ngày học sinh sinh viên toàn quốc (9-1-1950); Ngày toàn quốc chống Mỹ (19-3-1950), tổ chức Phong trào bảo vệ hòa bình và phát hành tờ báo Hòa Bình (từ 1-8-1954) là những dẫn chứng sinh động về hoạt động và đấu tranh của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Do những hoạt động yêu nước, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã nhiều lần bị địch bắt. Hơn chín năm bị chính quyền thân Pháp rồi chính quyền thân Mỹ quản thúc lưu đầy, từ ngã ba biên giới Mường Tè, Lai Châu ở Tây Bắc, tới vùng cao nguyên huyện Củng Sơn, Phú Yên; vượt qua biết bao nhiêu thủ đoạn dọa nạt, mua chuộc, khủng bố và lừa bịp của kẻ thù, lòng trung thành với Đảng, với nước, với dân của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ không hề lay chuyển. Ngày 30-10-1961, ông được cách mạng giải thoát khỏi sự quản thúc của kẻ thù. Tại Đại hội lần thứ nhất của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, ông được tin nhiệm cử giữ trọng trách Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Từ đây, tên tuổi và sự nghiệp của ông gắn liền với lịch sử phát triển của Mặt trận, với cuộc chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ của đồng bào và chiến sĩ miền Nam.

Tháng 6-1969, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập, ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng cố vấn. Trên cương vị ấy, ông luôn gương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, góp phần to lớn cùng toàn Đảng, toàn dân đưa sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

Sau thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, non sông liền một dải, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ được Đảng, Nhà nước và nhân dân cử giữ nhiều trọng trách: Phó Chủ tịch nước (4-1976), Quyền Chủ tịch nước (4-1980), Chủ tịch Quốc hội (7-1981), Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1988). Ông đã tiếp tục hiến dâng cuộc đời mình cho Đảng, cho dân tới những năm tháng cuối cùng của cuộc đời và có nhiều cống hiến quan trọng góp phần vào thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Năm mươi năm hoạt động yêu nước và cách mạng, 45 tuổi Đảng, từ một trí thức Tây học, Nguyễn Hữu Thọ đã trở thành vị Luật sư cách mạng, trở thành vị Chủ tịch Mặt trận kính yêu, với tên gọi thân thương: Anh Ba Thọ, Anh Ba Nghĩa. Ông xứng đáng với sự tôn vinh của Đảng và Nhà nước ta, một nhà trí thức yêu nước, cách mạng, một đồng chí lãnh đạo chủ chốt, một người bạn chí tình, một người cộng sản thủy chung, được đồng bào cả nước yêu mến, tin cậy, được các chính khách quốc tế và các nguyên thủ quốc gia kính trọng.

MỘT NHÂN CÁCH KHẢ KÍNH

Cuộc đời, sự nghiệp của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ là một quá trình vận động từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa cộng sản. Quá trình đó đã bồi đắp nên một nhân cách cao đẹp - kết quả của quá trình đấu tranh liên tục “sự kết hợp tuyệt vời giữa phẩm chất hiên ngang, hào hiệp và giản dị của người con vùng đất Nam Bộ, với đức tính cẩn trọng, khiêm nhường của một nhà trí thức chân chính”. Ông đã sẵn sàng từ bỏ con đường quan tước, bổng lộc, lựa chọn con đường vì dân vì nước, sẵn sàng chấp nhận thử thách, tuyệt đối trung thành với lý tưởng, phấn đấu và cống hiến đến hơi thở cuối cùng cho sự nghiệp của Đảng, vì độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Nguyễn Hữu Thọ là con người ân tình, chung thủy, nhân ái, bao dung. Sự ân tình, chung thủy ở ông trước hết biểu hiện ở tình cảm với Đảng và Bác Hồ kính yêu. Ông luôn khẳng định rằng điều may mắn và hạnh phúc nhất trong đời là ông được đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tài năng, đức độ và sự hy sinh cống hiến vì sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là ánh sáng thu hút người thanh niên trí thức Nguyễn Hữu Thọ, giúp ông vượt qua bao trở lực để đến với cách mạng. Tình cảm sâu nặng với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc cũng chính là nguồn động lực thúc thúc ông, dẫn dắt ông trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, nhất là những ngày ông cùng các đồng chí trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam

Việt Nam lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.

Sự ân tình thủy chung của Nguyễn Hữu Thọ còn biểu hiện ở tình cảm của ông với đồng bào, đồng chí, với bạn bè và những người đã từng gặp gỡ, cộng tác với ông. Sau khi đất nước thống nhất, mặc dù tuổi cao, ông vẫn dành thời gian trở lại thăm bà con miền núi Củng Sơn, thị xã Phú Yên nơi ông bị giam cầm, quản thúc từ 1955 đến 1961 với tình cảm “như người con trở về với gia đình, quê hương”. Tháng 6-1993, trong chuyến thăm bà con bản Giảng, Mường Tè, Lai Châu ở tuổi 84, ông vô cùng xúc động và nói lên lòng biết ơn sâu sắc của mình: “Dân bản bảo vệ cuộc sống của tôi lúc gặp khó khăn nhất, đã tiếp sức mạnh cho tôi để làm cách mạng, tôi không bao giờ phụ lòng bà con. Nếu không gặp được bà con dân bản để cảm ơn, tạ ơn thì tôi sẽ ân hận suốt đời”.

Nguyễn Hữu Thọ là con người tiêu biểu của tình đoàn kết dân tộc. Suốt cả cuộc đời ông gắn liền với sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc và có những cống hiến rất to lớn trong sự nghiệp cao cả này. Bắt đầu hoạt động yêu nước và cách mạng, hình ảnh Luật sư Nguyễn Hữu Thọ gắn liền với phong trào yêu nước của trí thức Sài Gòn – Chợ Lớn những năm 1947-1949, với Phái đoàn đại biểu các giới và Phong trào hòa bình đầu những năm 1950, với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các trí thức, tín đồ các tôn giáo, Việt kiều sinh sống ở nước ngoài, toàn thể đồng bào trong nước luôn nhìn thấy ở ông

“Một con người được nhân dân yêu mến, được thế giới biết đến và nể trọng còn kẻ thù thì lo sợ nhưng khâm phục... Con người rất bình dị, dễ gần gũi, vui vẻ, lạc quan... Rất hiền hòa nhưng can đảm”. Những phẩm chất đó của ông đã tạo ra sức hút mạnh mẽ quần chúng nhân dân tham gia vào Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng ta lãnh đạo.

Nguyễn Hữu Thọ là một chính khách giản dị, tận tâm, khiêm tốn. Ông được bạn bè quốc tế kính trọng, quý mến và tin tưởng. Hình ảnh Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tại vùng giải phóng Lào và tại Hội nghị cấp cao Đông Dương là hình ảnh đoàn kết của nhân dân chống xâm lược. Hình ảnh Luật sư tại các diễn đàn Hội nghị cấp cao các nước không liên kết là hình ảnh đoàn kết của nhân dân miền Nam Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc và thế giới thứ ba. Sau ngày đất nước thống nhất, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã nhiều lần làm Trưởng đoàn cấp cao Nhà nước, Quốc hội Việt Nam thăm chính thức các nước anh em, bè bạn; tham dự nhiều Hội nghị quốc tế quan trọng. Sự hoạt động không mệt mỏi của Luật sư đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa nước ta với các nước anh em bè bạn, tăng cường vị thế và uy tín của nước Việt Nam trên trường quốc tế.

Nguyễn Hữu Thọ không chỉ là một trí thức lớn, một cán bộ cách mạng trung kiên, một nhà lãnh đạo tài năng mà còn là một mẫu mực đạo đức. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Hữu Thọ là một tấm gương vượt qua chính mình để vươn tới ngưỡng của sự hoàn thiện phẩm cách. Với ý

chí cách mạng kiên cường, tri thức uyên bác, sự tận tụy với Đảng, với dân, với nước, cùng với đức tính khiêm tốn, giản dị, thanh cao và đời tư trong sáng, bình dị đã tạo nên ở ông một nhân cách cao quý.

THANH TOÀN *tổng hợp*

Nguồn: Theo sách *Luật sư Nguyễn Hữu Thọ*

- NXB Thông Tấn, Hà Nội, năm 2009.

NHỮNG ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG CỦA CHỦ TỊCH VÕ CHÍ CÔNG

“Chủ tịch Võ Chí Công là một trong những người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt đời trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, một lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân...” – trích Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công.

Chủ tịch Võ Chí Công tên khai sinh là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, trong một gia đình nhà nho yêu nước tại thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành), tỉnh Quảng Nam; mất ngày 8-9-2011.

Hơn 80 năm hoạt động cách mạng, Chủ tịch Võ Chí Công đã được Đảng và Nhà nước tin tưởng trao nhiều trọng trách. Ông nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nguyên Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII. Dù ở bất kỳ cương vị nào, ông cũng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,

đóng góp nhiều công sức vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất và xây dựng đất nước.

NHỮNG ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Sớm giác ngộ cách mạng, Chủ tịch Võ Chí Công đã tham gia hoạt động phong trào thanh niên ở cơ sở từ những năm 1930 - 1931. Tháng 5 năm 1935, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Tháng 3-1945, từ nhà tù Buôn Ma Thuột trở về, Chủ tịch Võ Chí Công tham gia ngay vào Ban lãnh đạo khởi nghĩa tỉnh Quảng Nam, làm Trưởng Ban khởi nghĩa. Chủ tịch Võ Chí Công đã cùng Ban lãnh đạo khởi nghĩa giành được thắng lợi trong tỉnh một cách nhanh chóng. Quảng Nam trở thành một trong 4 tỉnh giành chính quyền về tay nhân dân sớm nhất trong cả nước.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Võ Chí Công đã cùng Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời trực tiếp chỉ đạo xây dựng chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ông là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Liên khu V, lãnh đạo nhân dân Liên khu Năm kiên cường chiến đấu, tăng gia sản xuất, chia lửa với chiến trường chính Điện Biên Phủ, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước, buộc Pháp phải ký Hiệp định Genève, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Campuchia, trên cương vị Bí thư Ban cán sự Đông Bắc Miên, ông đã cùng các đồng chí của mình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trên cương vị là Bí thư khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu Năm, ông đã vượt mọi gian khổ, hy sinh, kiên trì bám đất, bám dân, luôn đi sát cơ sở, sát phong trào, tổ chức chỉ đạo quân và dân Liên khu Năm chiến đấu không lùi bước, giành được nhiều thắng lợi to lớn.

Trải nghiệm, tôi luyện trong thử thách, trong thực tế lãnh đạo, điều hành các cấp, với tác phong sâu sát quần chúng, với bản lĩnh cách mạng và tài trí kiên cường, ông đã đề xuất với Trung ương nhiều vấn đề có tính chiến lược về con đường của cách mạng miền Nam, đóng góp vào việc xây dựng dự thảo Nghị quyết Trung ương 15 lịch sử, mở ra bước ngoặt lớn cho cách mạng miền Nam.

Sau phong trào Đồng khởi thắng lợi, trên cương vị là Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, ông đã xuống nhiều địa phương của Nam Bộ nghiên cứu, khảo sát, đúc kết kinh nghiệm để phổ biến cho toàn miền Nam chống bình định, phá ấp chiến lược, chống chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận của địch trong Chiến tranh Đặc biệt.

Ông được Bộ Chính trị điều động về Khu Năm - một chiến trường cực kỳ gian khổ ác liệt, nơi Mỹ đổ bộ những đơn vị quân viễn chinh đầu tiên để triển khai Chiến tranh

Cục bộ, trong đó thành phố Đà Nẵng cùng với Chu Lai trở thành một trong những căn cứ liên hiệp quân sự lớn nhất ở miền Nam.

Khu ủy khu Năm dưới sự lãnh đạo của ông, đã quyết định đánh trận phủ đầu quân viễn chinh Mỹ ở cứ điểm Núi Thành, tiêu diệt gọn một đại đội địch, mở ra khả năng quân và dân ta có thể đánh và thắng Mỹ trong chiến tranh. Với chiến thắng Núi Thành, quân và dân Quảng Nam được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu “Quảng Nam trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ”.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của chủ tịch Võ Chí Công và Khu ủy khu Năm, quân ta đã tiến công vào các thành phố, thị xã đạt được mục tiêu rồi nhanh chóng rút về căn cứ, nên đã bảo toàn được lực lượng, ít bị thiệt hại với những nơi khác.

Hiệp định Paris được ký kết năm 1973, Mỹ rút quân khỏi Việt Nam. Là người trực tiếp lãnh đạo trên chiến trường, từ sự chỉ đạo chiến lược của Trung ương, từ kinh nghiệm thực tiễn, ông và lãnh đạo Khu ủy khu Năm xác định sẽ không có hòa bình ngay, kẻ địch còn tiếp tục đánh phá, phá hoại Hiệp định.

Ông coi trọng lãnh đạo công tác tư tưởng, xốc lại đội ngũ, kiên quyết tiến công địch, giành đất, giành dân, xây dựng thực lực về mọi mặt, góp phần đẩy nhanh sự suy yếu của ngụy quân, ngụy quyền.

Tháng 3-1975, Bộ Chính trị chủ trương tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, quyết tâm giải phóng miền Nam. Chủ tịch Võ Chí Công đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt cho chiến dịch, tham gia chỉ đạo đánh mở màn vào Buôn Ma Thuột, giải phóng toàn bộ vùng đất chiến lược Tây Nguyên, làm cho quân địch choáng váng, tháo chạy về Đà Nẵng sớm hơn kế hoạch đã định. Thắng lợi ở Tây Nguyên và Đà Nẵng góp phần tạo thế và lực to lớn cho toàn quân, toàn dân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG, CÓ NHIỀU ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG VÀO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, Chủ tịch Võ Chí Công được điều ra Trung ương công tác; được Đảng tín nhiệm cử giữ nhiều trọng trách: Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Ở bất cứ cương vị công tác nào, ông đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đóng góp quan trọng, xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

Ông giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản trong tình hình kinh tế bao cấp, Nhà nước không đủ xăng dầu, phương tiện sản xuất cho ngành hải sản hoạt động. Nhận rõ được ưu thế đất nước có bờ biển dài, nhiều tiềm năng phát triển kinh tế thủy sản, ông đã xuống các cơ sở quốc doanh, các hợp tác xã nghề cá lâu năm để nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân của sự trì trệ, thua lỗ.

Ông đề xuất với Chính phủ những giải pháp thiết thực, giải quyết khó khăn cho ngành hải sản, thực hiện cơ chế tự quản để phát triển sản xuất, Nhà nước xóa bỏ bao cấp. Do có sự đổi mới về quản lý và cách tổ chức, ngành hải sản đã từng bước vươn lên trở thành một ngành quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

Khi phụ trách ngành nông nghiệp, với tác phong sâu sát cơ sở, ông đã đi xuống nhiều hợp tác xã nắm tình hình, ra tận đồng ruộng gặp bà con xã viên thăm hỏi công việc sản xuất. Ông đã thấy nhiều hợp tác xã thực hiện khoán đến nhóm và người lao động, đem lại hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho xã viên, như Thổ Tang (Vĩnh Phúc), Đồ Sơn (Hải Phòng), Hà Nam...

Từ thực tế đó, ông đã đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhận trách nhiệm chỉ đạo dự thảo Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp đến nhóm và người lao động. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư ra đời là bước đột phá quan trọng trong nông nghiệp; phù hợp với lòng dân và được nhân dân phấn khởi đón nhận. Trên cơ sở tổng kết Chỉ thị 100, Trung ương đã ra Nghị quyết 10 (năm 1988) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, tạo động lực mới trong sản xuất, làm tăng năng suất và sản phẩm lao động, đưa nước ta từ chỗ thiếu lương thực đến đủ ăn và từng bước có dư để xuất khẩu.

Không dừng lại ở sự đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, Chủ tịch Võ Chí Công đã phát triển tư duy của mình

để đóng góp cho Đảng, Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chung của đất nước.

Là Trưởng Ban nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, ông đã tích cực xuống các cơ sở kinh tế, mở nhiều cuộc hội thảo, tập hợp ý kiến của các chuyên gia kinh tế, các viện nghiên cứu. Sau đó, hoàn thiện trình Bộ Chính trị ra Nghị quyết 306 về phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế (bao gồm cả nông nghiệp, công nghiệp và phân phối lưu thông).

Sự thành công của cơ chế khoán trong nông nghiệp và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, có sự đóng góp to lớn của chủ tịch Võ Chí Công, góp phần quan trọng để Đảng ta đề ra đường lối đổi mới đất nước một cách đúng đắn, vững chắc.

Trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, ông đã có những đóng góp quan trọng vào đổi mới hoạt động của Quốc hội, đặc biệt là công tác lập hiến và lập pháp. Với chức trách là Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp năm 1980, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, sự góp ý của Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Võ Chí Công đã cùng Ủy ban tập hợp ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân; tập trung được nhiều chuyên gia; nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Hiến pháp của một số nước, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam; kiên trì đấu tranh với những quan điểm sai trái trong việc sửa đổi Hiến pháp, giữ vững những điều cơ bản về dân chủ, về pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp sửa đổi năm 1992 - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, được Trung ương Đảng, Quốc hội thông qua, đánh

dấu mốc lịch sử về công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, làm cơ sở vững chắc cho việc xây dựng hệ thống pháp luật, quản lý mọi mặt hoạt động của đất nước. Trong thành công chung đó có sự đóng góp rất quan trọng của Chủ tịch Võ Chí Công.

Là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Võ Chí Công đã tích cực góp ý kiến với Đảng và Ban Chấp hành Trung ương trong những vấn đề lớn, quan trọng về tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Là người chiến sĩ cách mạng trung kiên, nhà lãnh đạo xuất chúng, Chủ tịch Võ Chí Công luôn tâm niệm: “... Người chiến sĩ cộng sản phải luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phải có tinh thần cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải luôn luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên hết, trước hết như Bác Hồ đã dạy. Có như vậy mới được nhân dân tin yêu, kính trọng. Trong giai đoạn cách mạng mới, tuy còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng vững bước trên con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy truyền thống tốt đẹp được hình thành trong lịch sử lâu dài của dân tộc, nhân dân ta nhất định sẽ đi tới ấm no, hạnh phúc”¹

Theo TTXVN

1. Võ Chí Công “Trên những chặng đường cách mạng” (Hồi ký), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

“CẶP BÀI TRÙNG” LÊ ĐỨC THỌ - XUÂN THỦY

NHÀ NGOẠI GIAO NHÂN DÂN

Bộ trưởng Ngoại giao Xuân Thủy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn làm Trưởng đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị làm Cố vấn đặc biệt. Hai ông được coi là “cặp bài trùng” bổ sung và hỗ trợ nhau rất tài tình trong suốt gần 5 năm đàm phán ở Paris. Cả hai đều được coi như là những “bậc thầy” về đàm phán. Hợp công khai thì Trưởng đoàn Xuân Thủy là chính, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ ít xuất hiện mà thường chỉ đóng vai trò trong các cuộc họp bí mật.

Trưởng đoàn Xuân Thủy nổi tiếng là mềm mỏng, khéo léo nhưng cũng rất thẳng thừng và quyết liệt khi cần trong đàm phán. Như ở những phiên họp công khai đầu tiên, đồng chí Xuân Thủy đã chỉ thẳng mặt Trưởng đoàn Mỹ Hariman mà mắng là quân xâm lược. Trong phiên họp ngày 20-9-1968, bàn về việc để chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán, Trưởng đoàn Mỹ Hariman nói, đây là điều kiện để Mỹ quyết định chấm dứt ném bom miền Bắc và bắt đầu nói chuyện nghiêm chỉnh. Đồng chí Xuân Thủy đã chất vấn lại rằng,

đây có phải là điều kiện mới và duy nhất không. Hariman đã không giữ được bình tĩnh nói: “Chúng tôi muốn nói chuyện nghiêm chỉnh thì phải có đại diện của Việt Nam Cộng hòa. Nhưng các ông bác đi như vậy thì chiến tranh lại tiếp tục, bom lại rơi trên đầu các ông”. Phiên họp này có cả đồng chí Lê Đức Thọ tham gia. Cả Trưởng đoàn Xuân Thủy và đồng chí Lê Đức Thọ đã bình tĩnh nhưng nghiêm khắc phê phán thái độ hiếu chiến của Hariman. Cuối cùng, Hariman đã phải xin rút lại câu “bom lại rơi trên đầu các ông”.

Đối đáp của đồng chí Xuân Thủy với đối phương có lúc nhẹ nhàng mà sâu sắc. Trong các cuộc họp, thường các trưởng đoàn đứng lên đi ra trước sau khi họp xong. Nhưng có lần Trưởng đoàn Mỹ Hariman không ra trước mà đứng lại chờ để đồng chí Xuân Thủy ra trước. Sau đó, Hariman nói, hôm qua tôi ra trước rồi thì hôm nay có đi có lại nên hôm nay ông đi ra trước. Trưởng đoàn Xuân Thủy “đổ” lại ngay, cái “đi” không quan trọng mà vấn đề trong đàm phán về rút quân có đi có lại là không được. Đồng chí Xuân Thủy thường lèo vào cái yêu sách rút quân của Mỹ đối với rút quân ra miền Bắc là “không có đi có lại” rất giỏi. Vì khi đó, Trưởng đoàn Hariman thường hay nhắc câu “có đi có lại” trong vấn đề rút quân, thậm chí có những lần nói luôn bằng tiếng Việt.

Anh em ngoại giao vẫn đánh giá Trưởng đoàn Xuân Thủy là Nhà ngoại giao nhân dân vì đồng chí rất giỏi về hoạt động hữu nghị và tranh thủ dư luận. Đồng chí đã khéo léo tranh thủ được hai nước anh em là Liên Xô và Trung Quốc.

Trước và sau những diễn biến quan trọng của cuộc đàm phán, ông thông báo tình hình cho cả hai nước, nghe ý kiến của họ nhưng vẫn giữ vững tính độc lập, tự chủ của mình.

Trưởng đoàn Xuân Thủy rất “khỏe” tiếp xúc, gặp gỡ ngoại giao. Ông lại là nhà thơ nên ăn nói rất khéo. Ở Paris, gần như không có tối nào ông rảnh rỗi. Tối này thì tiếp đại sứ Liên Xô, tối kia ông lại mời cơm đại sứ Hungary, rồi đến gặp gỡ các nhà ngoại giao của các nước xã hội chủ nghĩa, hay đi thăm nhà Việt kiều... Suốt gần 5 năm đàm phán ở Paris, trong khi Mỹ 4 lần thay đổi trưởng đoàn thì đồng chí Xuân Thủy vẫn được giao trọng trách trưởng đoàn từ đầu đến cuối.

TAY NGHỀ “NHÀ PHẪU THUẬT”

Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ là người nổi tiếng “cương, nhu” rõ ràng. Tới mức Kissinger có lần phải kêu ca rằng, mình bị Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ coi như học trò khi nói chuyện vì thái độ cứng rắn, dạy bảo. Có lúc Kissinger ca cẩm bảo, ông nói những điều này nhiều rồi, tôi nghe nhiều lần lắm rồi. Vậy là đồng chí Lê Đức Thọ đáp lại ngay, tôi nói nhiều lần nhưng ông chưa thuộc nên phải nhắc lại. Lần khác, Kissinger lại nói: “Ông nói chuyện với tôi mà cứ mắng tôi, thế ông nói chuyện với các đồng nghiệp của ông thì ông có mắng như thế không, họp trung ương, thì ông có mắng như thế không?”. Đồng chí Lê Đức Thọ trả lời: “Xin ngài chớ quá nặng lời. Lúc trình bày với ngài, tôi chỉ nói lên tiếng nói của nhân dân tôi thôi. Làm sao tôi phải mắng đồng nghiệp của tôi, họ có lật lọng như ông đâu”.

Tại một cuộc hội thảo vào năm 2010 của Bộ Ngoại giao Mỹ, Kissinger thừa nhận đã bị đồng chí Lê Đức Thọ mổ xẻ bằng một con dao phẫu thuật rất sắc, với một tay nghề của nhà phẫu thuật. Kissinger phải thốt lên rằng: “Trời đã sinh ra Kissinger sao còn sinh ra Lê Đức Thọ?”. Có lần Kissinger biện bạch là đang nói theo Lênin, “một bước tiến hai bước lùi”. Nhưng đồng chí Lê Đức Thọ bác lại ngay: “Lênin nói khác, còn ông hiểu khác. Lenin nói thật, còn ông không phải”.

Kissinger rất lăm muer mero nhưng chưa lần nào “qua mặt” được Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ. Biết ông hay bị mất ngủ, sức khỏe hạn chế trong các cuộc thương lượng kéo dài thâu đêm, nên Kissinger lợi dụng hay “cò cửa” thảo luận những vấn đề không phải mấu chốt. Cố vấn Mỹ lọc lõi này thường rình tới lúc cuối giờ mệt mỏi mới đưa vấn đề chính ra để bàn vì nghĩ lúc đó ông dễ “ừ”, dễ “gật”. Nhưng chẳng lần nào chúng đạt được ý đồ vì Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ luôn giữ tỉnh táo tới phút cuối cùng và vào những lúc đặc biệt. Để xoa dịu nội bộ và dư luận, trong một phiên đàm phán, Kissinger đề nghị hai bên ký tắt vào những điều đã thỏa thuận để chứng tỏ đàm phán có kết quả như Kissinger đã tuyên bố với báo chí “hòa bình đã ở trong tầm tay”. Nhưng bất ngờ cho Kissinger, ông Lê Đức Thọ kiên quyết bác bỏ việc ký tắt như vậy. Cuối cùng, Kissinger phải nói: “Ông quả là một đối thủ xứng tầm”; “Đàm phán với ông Lê Đức Thọ quả là chơi trò cân não”.

Đồng chí Lê Đức Thọ được chọn sang Paris một phần

vì là người dày dặn kinh nghiệm chiến trường, phù hợp để thực hiện chiến lược “đánh - đàm” mà Đảng ta đã lựa chọn. Bác Hồ từng dặn đàm phán phải thận trọng, kiên trì, vững vàng nhưng phải khôn khéo, phải bám sát tình hình chiến sự, phải có chuyên gia quân sự tham gia. Dù bản thân đã là một người rất am hiểu chiến trường, nhưng khi sang Paris, đồng chí vẫn mang theo các chuyên gia quân sự là những tướng lĩnh quân sự của Việt Nam như Hồ Quang Hóa, Nguyễn Đôn Tự. Sau này có thêm đồng chí Đoàn Chương.

Ở Paris, mỗi lần thấy anh em trong đoàn đàm phán nôn nóng vì đàm phán giậm chân tại chỗ, đồng chí Lê Đức Thọ thường nhắc nhở: “Các cậu phải nhớ lời Bác Hồ dặn: “Phải đúng thời cơ như kỹ thuật nấu cơm. Sớm quá thì cơm sống, muộn quá thì cơm cháy”. Các cậu vẽ ra bao nhiêu phương án cũng được, càng nhiều càng tốt, nhưng phải nhớ lời Bác: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Cái bất biến là Mỹ phải rút quân, còn quân miền Bắc thì tiếp tục ở lại Nam Việt Nam”.

Nguồn: Trích trong loạt bài *Những cuộc đấu trí ở Paris – theo lời kể của ông Lưu Văn Lợi, nguyên Thư ký của Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ tại Hội nghị Paris.*
Báo Quân đội nhân dân

CỐ GIÁO SƯ, VIỆN SĨ, THIẾU TƯỚNG, ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA NHÀ KHOA HỌC CHÂN CHÍNH

Trên báo Nhân dân số 61 ra ngày 12 tháng 6 năm 1952, dưới bút danh là C.B, Bác Hồ đã viết về anh hùng, giáo sư Trần Đại Nghĩa: “Là một đại trí thức, đi học ở châu Âu đã nhiều năm, mang một lòng nhiệt thành về phụng sự Tổ quốc, phục vụ kháng chiến, đó là Anh hùng lao động trí óc Trần Đại Nghĩa”

Đến trước 7 giờ sáng ngày 5 tháng 12 năm 1946, ngày mà ông được Bác Hồ đặt tên Trần Đại Nghĩa, cái tên Phạm Quang Lễ được cha mẹ đặt cho từ lúc ra đời vào ngày 13 tháng 9 năm 1913 đã gắn liền với việc định hướng cuộc đời ông. Tuổi thơ của Lễ chất chứa đầy mâu thuẫn, vừa nghịch ngợm, lại vừa trầm ngâm, thích những phút ngồi suy tư một mình. Cha của Lễ, ông giáo Mùi luôn dõi theo con trai mình từng bước. Bất cứ Lễ có một dấu hiệu gì tiến bộ thì dù nhỏ, ông cũng khuyến khích ngay. Bản thân Lễ cũng sớm bộc lộ những tư chất về các hiện tượng thiên nhiên, vật lý và giải toán nhanh. Còn người mẹ, là một tín đồ sùng đạo Phật, đã

dạy Lễ theo lòng từ bi của Đức Phật, bà dạy Lễ tính công bằng, lòng bác ái, đức hy sinh cho người, lòng tin ở bản chất tốt đẹp của con người, lòng tự trọng, khinh ghét kẻ cường quyền...

Lúc 12 tuổi, đi học qua cầu Thiêng Đức, Lễ hai lần chứng kiến cảnh người nhảy xuống sông tự tử vì cuộc sống quá cơ cực. Chế độ thuộc địa hà khắc của thực dân Pháp, lại thêm cường hào địa phương áp bức bóc lột khiến họ không chịu đựng nổi. Hình ảnh hai cái chết thương tâm đã nuôi trong lòng Lễ ý tưởng đánh đuổi người Pháp để cho dân mình bớt khổ.

TRỞ THÀNH NHÀ KHOA HỌC TỪ NIỀM TIN CÁCH MẠNG

Vào những tháng cuối của niên khóa 1932 – 1933, trong khi chuẩn bị cho kỳ thi lấy bằng tú tài bản xứ, Phạm Quang Lễ quyết định ghi danh thi lấy bằng tú tài Tây và đỗ đầu cả tú tài bản xứ lẫn tú tài Tây. Những năm đó, nhiều vấn đề chính trị có tiếng vang lớn như hoạt động cách mạng của cụ Phan Bội Châu, phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, những cuộc bãi công, bãi thị do Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức, cuộc khởi nghĩa Yên Bái... Các sự kiện đó đã khơi sâu lòng yêu nước trong giới học sinh. Phạm Quang Lễ nghĩ rằng muốn thắng kẻ thù thì bên cạnh những người lo toan về chính trị, phải có những người lo về quân sự, về khoa học, vũ khí. Để học cách chế tạo vũ khí hiện đại phải du học, tốt nhất là đến tận những thủ đô châu Âu như Pháp, Đức... Trong lúc chờ thời cơ đi học nước ngoài, Lễ đã nộp đơn xin đi làm. Hai

năm đi làm là quãng thời gian chuẩn bị được nhiều nhất cho việc tìm đến với khoa học của Phạm Quang Lễ mà Lễ ví nó như là thời gian đi thực tế của một sinh viên.

Với sự giúp đỡ của Hội Ái hữu trường Chasseloup Laubat, ngày 5 tháng 9 năm 1935, Phạm Quang Lễ xuống tàu sang Pháp, bắt đầu con đường du học. Paris hoa lệ có biết bao điều hấp dẫn đối với thanh niên, song tất cả tâm trí của Phạm Quang Lễ đều dành cho việc học tập. Lễ thường xuyên làm việc đến 16 giờ một ngày. Trong trí Lễ thường hiện lên cảnh sống cơ cực của dân mình, hình ảnh thân thương của bà con, làng xóm và đặc biệt là hình ảnh người mẹ, người chị mà Lễ vô cùng yêu quý. Lễ ao ước sớm có ngày trở về Tổ quốc với những kiến thức đầy ắp và khả năng chế tạo những vũ khí đủ sức chống chọi với kẻ thù.

Lễ thi đỗ vào trường Cầu đường Paris với mong muốn là ngoài việc học về kỹ thuật dân dụng còn tìm cách học cho kỳ được kỹ thuật chế tạo vũ khí để giúp nước đánh đuổi giặc Pháp với tâm nguyện rằng đó là nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc. Trong hàng nghìn người Việt Nam sang Pháp du học, có lẽ chỉ duy nhất Lễ có quyết tâm nghiên cứu về vũ khí. Song đây là lĩnh vực bí mật và tuyệt đối cấm đối với người dân thuộc địa, chỉ cần để lộ ra ý định này, Lễ sẽ bị trục xuất ngay khỏi nước Pháp. Vì vậy, trong 11 năm học ở Pháp, Lễ chỉ có thể tự mò mẫm và bí mật học hỏi, sưu tầm tài liệu về các loại vũ khí. Muốn đi vào lĩnh vực nói trên cần phải giỏi về khoa học cơ bản, toán học, cơ học, hóa học và kỹ thuật. Vì vậy, Lễ đã thi lấy bằng cử nhân khoa học ở trường

Đại học Sorbonne, bằng kỹ sư cầu đường ở trường Cầu cống Quốc gia, bằng kỹ sư điện tại trường Đại học Điện và bằng kỹ sư hàng không tại Học viện Kỹ thuật Hàng không, đồng thời thi lấy chứng chỉ ở trường Bách khoa, trường Mỏ, tự học tiếng Đức để đọc các tài liệu nguyên bản tiếng Đức.

KHÔNG THỂ THÀNH CÔNG NẾU KHÔNG CÓ Ý CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP

Lễ phải tiến hành một cách kiên trì, kín đáo và khôn khéo việc nghiên cứu, sưu tầm tài liệu về vũ khí. Ở Pháp, ngoài các thư viện công cộng dùng cho mọi người, còn có những tủ sách dành riêng cho các giáo sư, trong đó có nhiều tài liệu quý, hiếm, bí mật. Lễ tìm mọi cách để khai thác chúng. Do có cảm tình đặc biệt với chàng sinh viên Việt Nam chăm chỉ, cần mẫn, khiêm tốn, lễ độ, người thủ thư đã cho Lễ mượn đem về nhà cả những cuốn sách “không được phép mang ra khỏi thư viện” để đọc trong ngày chủ nhật và trả lại vào sáng sớm thứ hai, trước giờ thư viện mở cửa. Dần dà, Lễ đã thu thập được hơn ba chục ngàn trang tài liệu về vũ khí và thuốc nổ, phần lớn là tài liệu mật; đồng thời ra công nghiên cứu nắm số tài liệu đó đưa vào bộ nhớ của mình, để phòng nếu thất lạc tài liệu vẫn xoay sở được.

Kinh nghiệm cuộc đời và những bài học của những người đi trước chỉ cho Lễ thấy rằng nếu giỏi về mặt lý thuyết chưa đủ, cần phải có thực tế. Thực tế lúc này của Lễ là đến với các xí nghiệp, nhà máy, có mặt trong các giờ thực nghiệm của các trường, các viện. Trong những ngày này, Lễ hay tới Viện bảo tàng vũ khí. Ở đây trưng bày tất cả những loại vũ

khí từ thô sơ đến hiện đại. Khi đã âm thầm học, “lén” nghiên cứu những tài liệu liên quan đến vũ khí, người thanh niên Phạm Quang Lễ đã nhận ra điều cốt lõi rằng: Đây là một ngành tổng hợp, có quan hệ đan chéo trong một hệ thống chặt chẽ của một nền công nghiệp quốc phòng hoàn chỉnh. Muốn phát triển, mà trước hết là xây dựng, không thể không am tường khoa học tổ chức, khoa học quản lý. Do đó, Lễ đã dành thời gian để nghiên cứu sâu các vấn đề này.

Và những nỗ lực đã được đền bù một cách xứng đáng. Phạm Quang Lễ nhận được cùng lúc ba bằng: Kỹ sư Cầu đường, kỹ sư Điện, cử nhân Toán. Sau đó lại thi và lấy tiếp bằng kỹ sư Hàng không, trường Mỏ, trường Bách khoa. Tiếp theo là quá trình làm việc để tích lũy kinh nghiệm thực tế tại Công ty điện Thomson (chuyên sản xuất các loại biến thế điện), Công ty chế tạo máy bay dân dụng (tất nhiên là người ta có làm cả máy bay quân sự), Nhà máy Halle thuộc hãng Messerschmidt (Đức) chuyên chế tạo máy bay; ngoài ra Lễ còn làm việc tại Viện nghiên cứu vũ khí, kỹ thuật hàng không của Đức. Tất cả những điều đó đã tạo nền tảng vững chắc cho những cống hiến xuất sắc của Trần Đại Nghĩa sau này.

TÀI NĂNG ĐƯỢC CHẤP CẢNH

Ngày 31 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Chính phủ ta đi thăm chính thức nước Pháp. Sau khi thăm một số nơi trên đất Pháp, 16 giờ 45 phút ngày 22 tháng 6 năm 1946, Đoàn đến Paris. Phạm Quang Lễ cũng

có mặt trong đoàn đại biểu Việt kiều ra đón Bác tại sân bay. Thông qua Chủ tịch Hội Việt kiều tại Pháp, chỉ 3 ngày sau khi Bác Hồ đến Paris, kỹ sư Phạm Quang Lễ được tiếp kiến Người. Những ngày Bác ở trên đất Pháp và trên đường về nước, Lễ thường xuyên được đi theo Bác, được học ở Bác rất nhiều điều, và Bác đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời cách mạng sau này của Lễ. Trong điều kiện được gần Bác tại Pháp như vậy, khi được Bác hỏi: “Nguyện vọng của chú lúc này là gì?”, Lễ trả lời rất nhanh điều mình đã ôm ấp từ buổi đầu xuất ngoại: “Dạ thưa, nguyện vọng cao nhất là được trở về Tổ quốc cống hiến hết năng lực và tinh thần”.

Ngày 08 tháng 9 năm 1946, Bác cho Lễ biết là Hội nghị Fontainebleau không thành công, nước Pháp không chịu thừa nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Bác nói: “Bác về nước, chú chuẩn bị về cùng Bác, hai ngày nữa ta lên đường”. Một trăm lẻ hai ngày được ở kề cận bên Bác, trong đó có sáu mươi hai ngày ở Paris và bốn mươi ngày lênh đênh trên mặt biển, đã giúp Phạm Quang Lễ hiểu biết nhiều điều về chính trị. Ngày 20 tháng 10 năm 1946, tàu cập bến cảng Hải Phòng. Lòng kỹ sư Phạm Quang Lễ rạo rực niềm tin và tự nhủ phải làm sao cho xứng đáng với lòng tin cậy của Bác Hồ, phải góp phần xứng đáng vào cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Xa Tổ quốc 11 năm, về đến Hà Nội chỉ được nghỉ có 7 ngày, kỹ sư Phạm Quang Lễ lên ngay xưởng quân giới Giang Tiên ở Thái Nguyên nghiên cứu chế tạo súng chống xe tăng. Ngày 05 tháng 12 năm 1946, công việc mới được ít

ngày thì được lệnh Bác Hồ gọi về Hà Nội, trao cho nhiệm vụ Cục trưởng Cục Quân giới, lo vũ khí cho bộ đội diệt giặc. Tại cuộc gặp này, Bác Hồ còn nói: “Việc của chú là việc đại nghĩa, vì thế kể từ nay, Bác đặt tên cho chú là Trần Đại Nghĩa. Dùng bí danh này để giữ bí mật cho chú và để bảo vệ cho gia đình, bà con chú còn ở trong Nam”¹. Kỹ sư Phạm Quang Lễ, giờ đây là Trần Đại Nghĩa đã tận lực đem chất xám của mình đóng góp thật hiệu quả trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm. Bác giao cho Nghĩa được toàn quyền hành động trong việc chế tạo vũ khí, không phải thông qua bất kỳ cấp lãnh đạo nào khác; chỉ thị bảo vệ Nghĩa một cách nghiêm mật tránh mọi âm mưu ám sát của thực dân Pháp.

Trần Đại Nghĩa đã bắt tay ngay vào cuộc. Ông thấy bom ba càng dùng không an toàn cho chiến sĩ nên ông nghiên cứu ngay Bazooka. Tháng 01 năm 1947, Bazooka Việt Nam ra đời, lập được nhiều chiến công. Từ đó, Bazooka được gởi đi khắp các chiến trường Bắc, Trung, Nam Bộ. Nó có thể diệt tàu thủy, phá lô cốt, diệt súng máy, bắn xe cơ giới... Tiếp đó, ông thiết kế chế tạo súng máy, sản xuất đạn súng từ vỏ đạn cũ; sản xuất thủy lôi; sản xuất súng cối 120 ly; chế tạo mìn lõm 5kg; chế tạo, sản xuất súng không giật 60 ly DKZ, súng cối 205 ly; cải tiến các súng bộ binh: AT, cối 50, 60, 82, 120 ly. Ông còn nghiên cứu, sản xuất bom bay cỡ nhỏ (hỏa tiễn)... Trong điều kiện thiếu thốn thuốc nổ,

1. Giáo sư Trần Đại Nghĩa sinh trưởng tại xã Chánh Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

nguyên liệu đồng, thép, gang... ông đã cùng đồng đội tìm cách, để ra các sáng kiến rất hay như huy động nhân dân lấy phân dơi làm thuốc nổ; quyên góp các loại đồ gia dụng bằng đồng để làm đạn... Ông còn đào tạo ra nhiều lớp cán bộ kỹ thuật cho ngành Quân giới. Đầu năm 1948, ông là một trong chín Thiếu tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được Bác phong tặng quân hàm (cùng lúc với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Trung tướng Nguyễn Bình). Năm 1952, ông là một trong bảy Anh hùng Lao động trong Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất tại Việt Bắc.

Trong chiến tranh chống Mỹ, ông đã hiến kế sơ tán triệt để nhằm ít thiệt hại về kinh tế, quân sự. Dùng kinh nghiệm trong Chiến tranh thế giới lần thứ II về kết hợp máy bay, đại bác, phòng không, tên lửa để chống không quân Mỹ đánh ra Miền Bắc. Ông đã đặc biệt chú ý tới B52 của Mỹ vì nó bay cao hơn tầm tên lửa phòng không của ta. Ông đã nghiên cứu, hướng dẫn cho không quân cải tiến và đạt kết quả là hạ 45 chiếc B52 vào cuối năm 1972. Ngoài ra, ông còn nghiên cứu chống bom từ trường làm cho nó nổ ở xa; chống bom điều khiển bằng laser, chống máy bay của Mỹ bay thấp để tránh radar Việt Nam; chống các máy bay ở xa và gây nhiễu radar; chống các phương tiện của Mỹ phát hiện mục tiêu trên các trục thẳng có trang bị đặc biệt; chống mìn lá, cây nhiệt đới được địch rải trên tuyến đường mòn Hồ Chí Minh...

NHÀ KHOA HỌC CHÂN CHÍNH

Ngoài nhiệm vụ Cục trưởng Cục Quân giới, năm 1949 Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa còn kiêm chức Cục trưởng Cục Pháp binh, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam. Đến năm 1950, nhận thêm chức vụ Thứ trưởng Bộ Công thương, rồi Thứ trưởng Bộ Công nghiệp và tiếp tục nghiên cứu khoa học. Tháng 9 năm 1965, ông là Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Việt Nam và đến năm 1967 là Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam. Ngày 08 tháng 02 năm 1966, ông được tặng danh hiệu Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô. Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, giải thưởng Lê Quý Đôn và nhiều phần thưởng cao quý khác. Khi đến tuổi 80, ông nhắc lại điều Bác Hồ nói với ông khi còn ở Pháp: “Chú về, chú sẽ làm được việc nhưng chú sẽ không sung sướng đâu”. Nhưng ông rất đổi tự hào: “Đúng như vậy. Các bạn tôi còn ở lại Pháp, cho đến giờ, họ sướng hơn tôi nhiều về vật chất và không phải lo nghĩ gì cả. Nhưng rõ ràng về mặt phụng sự cho Tổ quốc thì họ chẳng có gì”.

Là một nhà khoa học yêu nước, hết lòng phụng sự Tổ quốc, mong muốn của ông gửi đến thế hệ trẻ ngày nay là: “Muốn làm gì cũng được nhưng trước hết là hãy yêu nước”.

Thật ý nghĩa vô cùng khi soi rọi lại mong ước cũng là lời nhắn nhủ trên của ông, đặc biệt là đối với trí thức ngày nay.

Trong giai đoạn nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì khoa học mang ý nghĩa quyết định. Kinh nghiệm của thế giới cho thấy, hàm lượng khoa học đóng góp vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng nhiều thì càng rút ngắn thời gian yếu kém, nhanh chóng đưa đất nước phát triển. Người trí thức, nhà khoa học, phải là những người biết đem vốn kiến thức, sự hiểu biết của mình để phụng sự cho Tổ quốc. Hãy là một nhà khoa học chân chính như tấm gương người đi trước.

THANH KIỀU

Ban Tuyên giáo Thành ủy

CHU HUY MÂN - VỊ ĐẠI TƯỚNG “HAI MẠNH”

Sau đại thắng lịch sử mùa xuân năm 1975, rất nhiều sĩ quan, binh lính Mỹ đã trở lại chiến trường Việt Nam với mong muốn được nhìn lại, suy ngẫm sâu sắc hơn về cuộc chiến tranh. Trung tướng Ha-rơ-mo, nguyên trung tá tiểu đoàn trưởng, sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên đã gặp Đại tướng Chu Huy Mân, người từng là nỗi khiếp đảm đối với lính Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Bản thân Ha-rơ-mo vẫn chưa thể hiểu được vì sao Quân Giải phóng Việt Nam lại có thể chiến đấu và chiến thắng quân đội Mỹ, một quốc gia hùng mạnh nhất thế giới về quân sự.

“Vừa sản xuất, vừa làm kinh tế vừa đánh” - Câu trả lời của Đại tướng Chu Huy Mân thật ngắn gọn, nhưng đó là lời đúc kết về nghệ thuật quân sự của quân đội ta ở thời điểm cách đây hơn nửa thế kỷ. Những người nông dân áo vải đi làm cách mạng của chúng ta là những người như thế. Quân đội Nhân dân Việt Nam cũng đã có những vị chỉ huy như thế.

Sinh ra trong thời điểm đất nước lâm than, Chu Văn Điều sớm nhận ra rằng: Chỉ con đường đấu tranh, chống lại thực dân phong kiến thì mới có thể giải phóng được cho mình, cho bà con nông dân quê mình. Bởi thế, chỉ mới 17 tuổi, nhưng khi phong trào cách mạng vừa mới được nhen nhóm, chàng trai trẻ Chu Văn Điều đã nhanh chóng đứng vào hàng ngũ những người yêu nước, để tham gia xây dựng phong trào Xô Viết cùng nhân dân Nghệ Tĩnh.

Lo sợ trước sức lan tỏa của phong trào Xô Viết, thực dân phong kiến đã bắt giam và tra tấn dã man các chí sĩ yêu nước. Đòn roi của chế độ không làm nhụt nhuệ khí của chàng trai trẻ họ Chu. Ngược lại, nó càng nhen nhóm thêm ngọn lửa yêu nước trong anh. Bà con chòm xóm bí mật gửi gạo, thức ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng, và dành cho anh sự yêu mến, quý trọng về ý chí kiên trung của người đảng viên trẻ. Chu Văn Điều đã rút ra bài học về tình dân tộc, nghĩa đồng bào, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân, một nhân tố quan trọng hun đúc thêm nhân sinh quan cách mạng cho anh trên chặng đường đầy gian lao, thử thách phía trước. “Thằng Tây nó đánh đập dân mình dã man quá, có chết cũng phải chống lại nó” - chân lý đơn giản này cũng là lời phát biểu của tướng Chu Huy Mân sau này, khi ông có dịp gặp Bác Hồ tại chiến khu Việt Bắc.

Từ một đội phó Đội tự vệ đỏ của xã, một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chu Văn Điều được bầu làm Bí thư Huyện ủy Hưng Nguyên lúc chỉ mới 23 tuổi. Ông tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống

chế độ phong kiến thực dân tại quê nhà. Cùng thời gian này, ông đã đổi tên thành Chu Huy Mân. Từ trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, Chu Huy Mân đã được thử thách, rèn luyện và trưởng thành. Ông sớm bộc lộ những tố chất và bản lĩnh của người lãnh đạo, người tổ chức vận động quần chúng của Đảng cũng như tài năng quân sự của mình.

Trước những đóng góp của người chiến sĩ yêu nước trẻ, từ năm 1937 đến năm 1940, thực dân Pháp đã nhiều lần bắt giam Chu Huy Mân ở nhà lao Vinh, đến năm 1940, chúng đưa đi giam ở Đắc Lay rồi Đắc Tô, Kon Tum. Trong nhà giam, địch dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, tra tấn, cực hình nhưng không làm nản lòng người cộng sản. Nuôi chí hướng về đấu tranh giải phóng dân tộc, tháng 3 năm 1943, Chu Huy Mân cùng Nguyễn Duy Trinh, Huỳnh Ngọc Huệ và Hà Thế Hạnh tổ chức vượt ngục thành công. Từ đây, ông bắt liên lạc được với Ban Việt Minh tỉnh Quảng Nam, cùng tham gia tổ chức khởi nghĩa giành chính quyền trong cao trào cách mạng Tháng Tám. Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Chu Huy Mân được bầu làm phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Chi đội Giải phóng quân tỉnh Quảng Nam. Sau đó, ông được Xứ ủy Trung kỳ giao nhiệm vụ làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu C, Chính trị viên đường 9 - Nam Lào.

15 năm hoạt động trong thời kỳ cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước, Chu Huy Mân luôn chứng tỏ bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cách

mạng. Thời kỳ chống Pháp, bàn chân ông đã in dấu trên nhiều chiến trường từ Nam chí Bắc, giữ nhiều chức trách quan trọng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, ở cương vị Chính ủy sư đoàn 316, ông đã tham gia chỉ huy các trận đánh đồi A1, C1, C2, cùng với anh em chứng kiến giờ phút lịch sử toàn thắng của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Có mặt tại chiến trường Lào từ sau Chiến dịch Điện Biên Phủ, với tư cách là cố vấn, chuyên gia giúp nước bạn, Chu Huy Mân đã cùng quân tình nguyện Việt Nam góp phần xây dựng lực lượng vũ trang Lào lớn mạnh, mở rộng vùng căn cứ, tổ chức nhiều chiến dịch lớn, giải phóng cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng và nhiều vùng đất quan trọng khác. Những cống hiến của chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam đã được Đảng, chính phủ và nhân dân các bộ tộc Lào ghi nhận. Nhiều cán bộ Việt Nam, trong đó có Đại tướng Chu Huy Mân vinh dự được trao Huân chương Ít-xa-la và nhiều huân chương cao quý khác. Hình ảnh một vị tướng lĩnh quân đội có tài thao lược về quân sự, vững vàng về chính trị đã sống mãi trong lòng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân hai nước Việt Lào.

Với những đóng góp, với tài thao lược về quân sự, năm 1964, tướng Chu Huy Mân được Trung ương cử vào chiến trường Khu 5, vùng đất ác liệt, gian khổ, nơi mà chính quyền Mỹ nguy đang áp dụng loại hình “chiến tranh đặc biệt” tại Việt Nam.

Muốn đánh và thắng địch những trận lớn, phải có lực lượng mạnh. Tướng Chu Huy Mân và Đảng ủy Quân khu

quyết định đưa những cán bộ ưu tú của quân khu xuống đơn vị, xây dựng những trung đoàn chủ lực với ý định sử dụng những đại đội của ta tiêu diệt những đại đội của địch. Để chuẩn bị cho chiến dịch Khu 5, tướng Chu Huy Mân đã cùng Đảng ủy Quân khu mở hội nghị du kích chiến tranh. Mỹ đổ quân tới đâu, vành đai diệt Mỹ mở rộng tới đó. Những tay súng du kích của chúng ta luôn là nỗi ám ảnh hãi hùng của quân xâm lược. Trận đầu ở Kỳ Sanh, rồi đến Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Trà Khúc, Vạn Tường, Núi Thành, Ba Gia - nơi được xem là cuộc đọ sức giữa bộ đội giải phóng và quân chủ lực của địch, ta đã giành chiến thắng vang dội, làm rung chuyển tuyến phòng ngự của chúng. Liên tiếp những chiến thắng của ta đã làm nức lòng quân và dân Khu 5, đánh dấu sự phá sản của loại hình “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Càng thua đau, Mỹ càng cay cú tìm cách trả đũa, đối phó, chúng đổ sư đoàn kỵ binh số 1 xuống An Khê, dồn dân, lập ấp chiến lược nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực Tây Nguyên. Tháng 7 năm 1965, tướng Chu Huy Mân được cử lên Tây Nguyên làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Mặt trận. Gặp gỡ cán bộ chiến sĩ tham gia chiến dịch Plâyme, ông nói: Bộ Tư lệnh Mặt trận sẽ điều quân Mỹ tới đây cho các đồng chí đánh. Câu nói ấy tưởng như lời động viên, khích lệ bộ đội ta giữa chiến trường ác liệt, nhưng đó chính là kế sách mà sau này tướng Chu Huy Mân đã sử dụng trong các chiến dịch Plâyme, chiến dịch Sa Thầy với chủ trương dùng nghi binh, “lừa địch, dụ địch mà đánh”.

Suối Yamơ, thung lũng Yađrăng, làng Plâyme, sông

Pôcô của huyện Chưprông tỉnh Gia Lai - những tên đất, tên làng, tên núi, tên sông đã ngân lên với nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới như một bản anh hùng ca. Bằng sự mưu trí, tinh thông trong nghệ thuật quân sự, với khẩu hiệu “bám thắt lưng địch mà đánh”, tướng Chu Huy Mân đã chỉ huy quân giải phóng Việt Nam giáng những đòn chí mạng vào chính quyền Mỹ ngụy.

Như một con ác thú giẫy chết, vào cuối những năm 60, chính quyền Mỹ ngụy đã dồn hết lực lượng, phương tiện chiến tranh ném bom hủy diệt miền Nam, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường Khu 5. Trong tình thế ấy, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 5 Chu Huy Mân đã chủ trương đổi khẩu hiệu “chiến đấu và sản xuất” thành “sản xuất và chiến đấu”, ông đã bàn bạc với Đảng ủy và đưa ra chủ trương: mỗi cán bộ, chiến sĩ phải trồng một gốc sắn làm lương thực đánh Mỹ. Hơn 30 triệu gốc sắn đã trồng góp phần giữ vững cả một mặt trận. Không hoang mang, nao núng trước mọi tình thế, thận trọng, quyết đoán chính xác trong từng vấn đề, đó chính là tài thao lược của tướng Chu Huy Mân. Là Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 5, ông đặt ra yêu cầu: mỗi cán bộ chiến sĩ phải mạnh về quân sự, vững vàng về chính trị. Từ phong trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt” nhiều tập thể và cá nhân đã trở thành những tấm gương điển hình, được nhân rộng ra cả Khu 5 và chiến trường miền Nam. Năm 1967, trong một lần ra thủ đô báo cáo tình hình chiến trường Khu 5 với Bác Hồ, tướng Chu Huy Mân đã được Bác tiếp chuyện thân mật, biết ông là Tư

lệnh kiêm Chính ủy, Bác cười vui nói: “Chú gánh cả hai vai cho khỏe”. Từ đó, đồng đội của Chu Huy Mân đã gọi ông với cái tên thân thương: Anh Hai Mạnh.

Tướng Hai Mạnh trở thành nỗi khiếp đảm của Mỹ ngay trên chiến trường Khu 5, mặt trận Tây Nguyên. Ông cầm quân đến đâu, kẻ thù thua chạy ở đấy, càng đánh càng lớn mạnh, lớp lớp thanh niên các dân tộc có mặt trong các sư đoàn chủ lực của Khu 5 lập nên nhiều chiến công lớn, tạo thế và lực mới cho toàn chiến trường. Mùa xuân năm 1975, ở Tây Nguyên, với trận then chốt Buôn Ma Thuột, ta đã đẩy địch vào thế bị động chiến lược, có được những thay đổi phù hợp với tình hình. Với cương vị Tư lệnh Quân khu 5, đoán biết quân địch sẽ bỏ Tây Nguyên, tướng Mân bàn với Bộ Tư lệnh nhanh chóng tiến công vào thị xã Tam Kỳ, cắt đứt con đường thoát của chúng, tạo bàn đạp tiến công Đà Nẵng. Sau khi giải phóng Tam Kỳ, Quân khu 5 phối hợp với cánh quân khác vào giải phóng Đà Nẵng, căn cứ liên hợp lớn nhất miền Trung của địch. Chiến thắng này đã tạo thế và lực để quân đội ta mở cuộc tổng tiến công, nổi dậy mùa xuân năm 1975, giải phóng Sài Gòn, thống nhất đất nước. Đế quốc Mỹ, một đất nước hùng mạnh về quân sự vào loại nhất thế giới đã phải thua trận hoàn toàn tại Việt Nam. Họ không thể tin được rằng: Quân đội nhân dân Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của các tướng lĩnh, hầu hết đều xuất thân là nông dân áo vải như Chu Huy Mân lại có thể đối đầu và chiến thắng họ. Họ đâu biết rằng, những vị tướng - nông dân như Chu Huy Mân đã được trưởng thành chính từ trong phong trào cách

mạng, được đào tạo chính trong môi trường chiến tranh ác liệt nhất, giữa lòng nhân dân Việt Nam yêu nước đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Chiến tranh kết thúc, cả nước bước vào thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa trong hòa bình. Tướng Chu Huy Mân đã được bầu vào Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong các kỳ Đại hội IV và Đại hội V, giữ chức Chủ nhiệm Tổng Cục Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (nay là Phó Chủ tịch nước)... Mười năm giữ chức vụ Chủ nhiệm Tổng Cục Chính trị, ông tiếp tục có những cống hiến đối với Quân đội nhân dân Việt Nam với việc tham mưu cho Đảng ủy Quân sự Trung ương, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng khối quân đội vững mạnh. Lý tưởng cách mạng đã soi sáng ông trong suốt cuộc đời gần một thế kỷ sống cho đất nước, vì đất nước. Mãi về sau, khi Đảng và Nhà nước đã cho ông nghỉ hưu, ông vẫn lặng lẽ cống hiến, cống hiến cho đến hơi thở cuối cùng.

Ở một góc khác của cuộc đời, Đại tướng Chu Huy Mân là người cũng phải kinh qua nhiều sóng gió, chịu đựng những mất mát mà không phải ai cũng có thể vượt qua. Lớn lên trong một gia đình nghèo đến cơ hàn, bố mất sớm, mẹ phải bán các chị gái để kiếm tiền nộp sưu thuế cho chế độ thực dân phong kiến. Lúc trưởng thành, làm tướng lĩnh trong quân đội, chẳng mấy khi ông được về nhà, gần vợ, gần con, vì nhiệm vụ với đất nước còn đang đè nặng lên đôi vai. Và rồi người con trai của ông cũng đã hy sinh khi đang làm nhiệm vụ quốc tế tại nước bạn Lào... Thế nhưng, gạt những

đau thương, mất mát ấy vào trong, ông đã trở thành một điển hình của người chiến sĩ cách mạng Việt Nam, đã để lại trong lòng đồng bào, chiến sĩ cả nước và cháu con hình ảnh một vị tướng với tài năng, đức độ sáng ngời.

Hòa mình với quần chúng, lắng nghe tâm tư, ý kiến của mọi người, đó là nguyên tắc sống, làm việc của ông từ khi mới bước vào hoạt động cách mạng. Ngay cả khi đảm trách những vị trí quan trọng của Đảng, Nhà nước và Quân đội, ông là người luôn đem những hiểu biết và kinh nghiệm của mình, truyền thụ cho thế hệ sau. Gần một thế kỷ cống hiến cho đất nước, đôi bàn chân người lính đã đi qua nhiều nẻo đường gian nan của cách mạng. Dù miền xuôi hay miền ngược, lúc khó khăn cũng như khi thuận lợi, chưa giây phút nào trong ông phai nhạt lý tưởng cộng sản. Ông là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là tấm gương tiêu biểu của anh bộ đội Cụ Hồ.

Đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh giá: *Không những về quân sự mà cả về chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội, đồng chí Chu Huy Mân là một con người toàn diện, thực tiễn. Nói đến đồng chí Hai Mạnh hay đồng chí Chu Huy Mân là một con người rất thực tiễn. Thực tiễn của đồng chí Chu Huy Mân lại nói lên một con người rất quần chúng, phong thái rất quần chúng, gần dân, gần đồng chí, gần thực tiễn. Và rút ra được những cái quý báu từ thực tiễn đó, đề xuất vấn đề, xử lý vấn đề...*

Trọn cuộc đời cống hiến cho đất nước, cho dân tộc với 76 năm tuổi Đảng, 61 năm tuổi quân, Đại tướng Chu Huy Mân, vị Đại tướng của Quân đội nhân dân Việt Nam với cái tên Hai Mạnh - mạnh về chính trị, mạnh về quân sự sẽ sống mãi trong lòng cán bộ, đồng bào và đồng chí cả nước. Tác phong giản dị, gần gũi, đạo đức trong sáng, khiêm tốn, tinh thần dũng cảm, kiên cường của vị tướng áo vải là minh chứng cho sức mạnh Việt Nam là điển hình tiêu biểu của việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của Bác Hồ kính yêu trong công tác, chiến đấu và cuộc sống.

THANH TOÀN *tổng hợp*

Nguồn: Website Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Nghệ An.

ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH NGƯỜI CÁN BỘ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác cán bộ. Tự mình, Bác luôn đề tâm phát hiện, lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng nhiều cán bộ thành những nhà cách mạng chân chính, những nhà lãnh đạo có uy tín trong nhân dân, là cốt cán tin cậy của Đảng. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh là một trong những người như thế!

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh tên thật là Nguyễn Vịnh, sinh ngày 1-1-1914 trong một gia đình nông dân ở thôn Niêm Phò, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Năm 14 tuổi, đang học lớp Nhất bậc tiểu học, người cha không may bị bệnh qua đời, Nguyễn Vịnh bỏ lỡ việc học, đi làm thuê kiếm sống và giúp mẹ nuôi em. Là người cương trực, cần cù lao động, thích những điệu hò Huế, ngay từ rất sớm, Nguyễn Vịnh đã bộc lộ khả năng tập hợp, đoàn kết được những người lao động đấu tranh phản đối thói coi thường người nghèo và trả lương rẻ mạt của địa chủ. Ham hiểu biết, Nguyễn Vịnh thường tìm đến những gia đình có mua sách, đặt báo để mượn xem. Những tờ báo

xuất bản ở Huế lúc đó như: *Tiếng Dân, Dân...*, những cuốn sách chính trị - xã hội có bán ở hiệu sách đồng thời là địa điểm liên lạc bí mật của Xứ ủy Trung Kỳ như: *Thuận Hóa, Hương Giang...* thu hút sự chú ý của Nguyễn Vĩnh. Ở đây, Nguyễn Vĩnh được các anh: Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu, những chiến sĩ cộng sản kiên cường của Đảng trực tiếp giác ngộ, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng. Từ một người thanh niên yêu nước, ghét thói bất công, Nguyễn Vĩnh tự nguyện đứng trong hàng ngũ những người cách mạng với mong muốn mọi người dân cần lao, trong đó có người thân của mình thoát khỏi sự đói khổ, bất công. Vốn nhanh nhẹn, thông minh, Nguyễn Vĩnh hiểu và thực hiện tốt những việc đoàn thể giao. Năm 1937, Nguyễn Vĩnh được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và tham dự sinh hoạt chi bộ làng Niêm Phò. Năm 1938, Nguyễn Vĩnh là Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên lãnh đạo nhân dân địa phương đấu tranh chống việc tăng thuế của chính quyền. Năm đó, anh mới tròn 24 tuổi.

Từ tháng 7-1938 đến đầu năm 1945, lấy cơ hoạt động Cộng sản, gây phiền loạn, ba lần Nguyễn Vĩnh bị địch bắt và giam ở các nhà lao: Thừa Phủ, Lao Bảo, Ban Mê Thuột. Bị kiểm soát gắt gao nhưng đã hai lần, Nguyễn Vĩnh vượt ngục về với phong trào. Đầu năm 1945, trốn thoát khỏi nhà tù Ban Mê Thuột, Nguyễn Vĩnh bắt liên lạc với phong trào và hoạt động bí mật ở Nam Trung Bộ. Tháng 8 năm 1945, Nguyễn Vĩnh là đại biểu dự Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân ở Tân Trào. Tại đây, Nguyễn

Vĩnh đã được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trước khi nghe báo cáo công việc, Bác hỏi Nguyễn Vĩnh: “Này, Huế ta bây giờ sen có đẹp hơn, hội thả diều có vui hơn cái thời anh em mình theo cha mẹ vô sống và học trong đó không?”. Sau này, Nguyễn Vĩnh đã nhiều lần nhắc lại với người thân những giờ phút “nhớ đời” ấy.

Tại hội nghị cán bộ của Đảng, Nguyễn Vĩnh tham gia Ban Chấp hành Trung ương, được cử trực tiếp làm Bí thư Xứ ủy Trung kỳ và phụ trách công tác Lào. Để giữ bí mật, Đảng và Bác Hồ bí mật đặt tên cho ông là Nguyễn Chí Thanh¹. Khi công bố danh sách Trung ương mới, đồng chí Tổng (Phạm Văn Đồng) thông báo Nguyễn Chí Thanh là tên của Vĩnh trong Đảng. Trở về Huế trên cương vị Bí thư Xứ ủy, đại diện Việt Minh ở Trung bộ, đồng chí Nguyễn Chí Thanh trực tiếp chỉ đạo các công việc cấp bách ở Trung Kỳ. Theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông gặp gỡ trao đổi với Hoàng thân Xuphanuvông (Lào) tổ chức đưa Hoàng thân về Lào tham gia chính phủ mới được thành lập. Từ năm 1945 - 1948, là người đứng mũi chịu sào với sự can trường, quyết đoán, sáng tạo, bình tĩnh, lạc quan, niềm tin tuyệt đối vào nhân dân, tên tuổi Nguyễn Chí Thanh đã gắn với giai đoạn quyết liệt nhất của vùng đất “Bình Trị Thiên khói lửa”.

1. Trong một số tài liệu ghi là Nguyễn Chí Thành, Xứ ủy Trung Kỳ lúc đó có Nguyễn Kim Thành (Tổ Hữu) nên đổi là Nguyễn Chí Thanh

Cuối năm 1948, đồng chí Nguyễn Chí Thanh được bầu làm Bí thư Liên khu bốn. Cuối năm 1949, đồng chí được gọi ra Việt Bắc tăng cường cán bộ lãnh đạo cho các cơ quan Trung ương. Gặp người cán bộ “thật thà, gan góc, kiên quyết” của chiến trường Bình Trị Thiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gọi Nguyễn Chí Thanh là “Ông tướng du kích”². Trong một lần làm việc với các đồng chí Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Chí Thanh, Trưởng ban Huấn luyện Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc: Phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thể Đảng mới thành công. Nhớ lời Bác Hồ dặn: “Mở lớp nào cho ra lớp ấy. Lựa chọn người dạy và người học cho cẩn thận”, Nguyễn Chí Thanh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ngày 11-7-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 122/SL bổ nhiệm Nguyễn Chí Thanh là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Tháng 9-1950, Nguyễn Chí Thanh, Võ Nguyên Giáp theo Chủ tịch Hồ Chí Minh đi chỉ đạo chiến dịch Biên giới. Đây là lần đầu tiên Nguyễn Chí Thanh tham gia một chiến dịch quân sự với tư cách là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Chiến dịch Biên giới thắng lợi. Khi đó ông mới tròn 36 tuổi.

Tại Đại hội II của Đảng, Nguyễn Chí Thanh được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí đã tổ chức và chỉ đạo công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội theo hướng tăng cường vai

2. Có tài liệu ghi: Vị tướng du kích.

trò lãnh đạo tạo ra sức mạnh chiến đấu mới cho lực lượng vũ trang. Sự nhạy cảm của người có tư chất “làm tướng” đã giúp Nguyễn Chí Thanh phát hiện và đưa công tác chính trị tư tưởng trong lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng lên tầm cao mới, tạo ra một bước chuyển trong nhận thức và hoạt động chiến đấu và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu, nhân dân cả hai miền Nam Bắc bước vào thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà. Dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với những đồng chí của mình, Nguyễn Chí Thanh đã luôn bình tĩnh, tự tin, cương quyết và vận dụng đường lối của Đảng sáng tạo, hiệu quả trong thực tiễn. Sống rất tình nghĩa với đồng chí anh em nhưng Nguyễn Chí Thanh vô cùng quyết liệt khi đấu tranh với những quan điểm đi ngược lại với lợi ích của Đảng, của dân tộc.

Ngày 31-8-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 36/SL phong quân hàm cấp tướng cho 16 sĩ quan cao cấp của quân đội. Bác căn dặn: “Dù ở cương vị nào chúng ta cũng đều phải cố gắng để xứng đáng là người đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân”. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh trân trọng nguyện hứa: Ra sức học tập, nâng cao trình độ, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân tiến lên chính quy, hiện đại, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình. Luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư,

rèn luyện tác phong khiêm tốn, giản dị, đoàn kết, thắt chặt đoàn kết giữa quân đội và nhân dân làm tròn trách nhiệm của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch trao cho³.

Suốt cuộc đời của mình Nguyễn Chí Thanh luôn giữ vững nguyên tắc lời nói đi đôi với việc làm: Là Trưởng ban công tác Nông thôn Trung ương, đồng chí giành hết tâm huyết đi thực tế nắm đúng tình hình để ra và trực tiếp chỉ đạo đường lối và tổ chức sản xuất tạo sự đột phá ban đầu trong lĩnh vực nông nghiệp bằng những biện pháp cụ thể đưa lại hiệu quả cao, thực sự gây dựng được niềm tin với nông dân, được họ quý mến đặt tên “ Vị tướng của nông dân”. Theo lời Bác, đồng chí tìm đến những nhân tố điển hình để phát động nhân rộng phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực: Đại Phong trong sản xuất nông nghiệp, Ba Nhất trong quân đội, Duyên Hải trong công nghiệp, Bắc Lý trong giáo dục trên toàn miền Bắc.

Tháng 3-1964, sau Hội nghị Chính trị đặc biệt, “Hội nghị Diên Hồng” trong thời đại Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta khẳng định ý chí quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Cả nước bùng lên khí thế cách mạng mới. Trở lại với tình hình miền Nam, trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 25/9/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Toàn Đảng toàn dân tập trung mọi khả năng để giành một bước thắng lợi quyết định”⁴. Đặc biệt

3. Báo Quân đội Nhân dân ngày 1/9/1959.

4. *Lịch sử biên niên Xứ ủy và Trung ương Cục miền Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, H, 2002, tr. 453

Người lưu ý: “Thời gian qua chưa tăng cường Ủy viên Bộ Chính trị cho miền Nam, nay tình hình cấp bách không đi không được”⁽⁵⁾. Tại Hội nghị, hiểu rõ tinh thần của Bác, đồng chí Nguyễn Chí Thanh chủ động xin đi chiến trường. Được tập thể Bộ Chính trị nhất trí, Đại tướng đã cùng một số tướng lĩnh quân đội có kinh nghiệm chỉ huy chiến đấu tăng cường cho chiến trường. Đây là quyết định thể hiện quyết tâm và niềm tin của Bác Hồ, của Bộ Chính trị với vị tướng văn võ song toàn. Cử Nguyễn Chí Thanh là người mang cấp hàm cao nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam - Đại tướng vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ phần nào thể hiện bản lĩnh, ý chí và quyết tâm chiến lược thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược của toàn Đảng, toàn dân ta. Trong buổi gặp mặt chia tay với đoàn cán bộ trước lúc lên đường, Bác nhấn nhủ: “Đánh Pháp đã khó, đánh Mỹ càng khó hơn. Đảng và Chính phủ giao cho các chú vào trong đó cùng với đồng bào miền Nam đánh Mỹ cho kỳ được thắng lợi. Gặp đồng bào thì nói: Bác Hồ luôn nghĩ đến đồng bào miền Nam”.

Tháng 1-1965, Hội nghị Trung ương Cục được triệu tập dưới sự chủ trì của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đưa ra những quyết sách để thực hiện nhiệm vụ chiến lược cách mạng miền Nam trong tình hình mới. Những trận thắng liên tục và giòn giã: Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài đã làm tiền đề cho phong trào “Nắm lấy thắt lưng địch mà đánh”, “Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”. Hàng loạt bài viết của

5. *Lịch sử biên niên Xứ ủy và Trung ương Cục miền Nam*, sđd, tr. 454

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh với các bút danh: Trường Sơn, Người quan sát, S.K.Z... từ chiến trường gửi ra: *“Chuẩn bị đập tan âm mưu Mỹ”*; *“Ai thắng ai”*; *“Hoan hô chiến thắng Plâycu, Bình Giã, Phú Mỹ, Quảng Nam”*; *“Phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng quyết thắng giặc Mỹ”*; *“Đập tan âm mưu chiến lược của Giôn-xơn ở miền Nam”*... không chỉ phân tích sâu sắc cục diện chiến trường miền Nam với cách nhìn “trong cuộc” của một nhà quân sự chiến lược mà còn khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của nhân dân miền Nam đã làm nức lòng đồng bào cả nước và bè bạn quốc tế.

Trong lần ra miền Bắc cuối năm 1966, đến Tết Nguyên Đán năm 1967, như thường lệ Bác Hồ tổ chức ăn Tết trước cho cán bộ cơ quan. Khách mời gồm các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cùng dự, không ai nghĩ đây là lần cuối Đại tướng vui Tết cùng cơ quan Bác Hồ. Cuối tháng 6-1967, việc chuẩn bị đã xong. Vài giờ trước lúc lên đường trở lại chiến trường, Đại tướng bất ngờ bị tắc động mạch vành tim, đột ngột từ trần sáng ngày 6-7-1967.

Nhật ký công việc hàng ngày của Bác do văn phòng ghi tóm tắt nay còn lưu lại cho thấy những ngày cuối cùng của Bác với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh: *“Ngày 3/7/1967, buổi chiều, từ 17giờ 30 đến 19 giờ, Bác cho mời đồng chí Thanh sang ăn cơm với anh Tô”*.

“Ngày 5/7/1967, buổi tối lúc 19 giờ 30, anh Thanh sang chào Bác mai đi sớm. Lên nhà sàn. Xúc động nhiều. Nấn nã”.

“Ngày 6/7/1967, sáng sớm thứ 5, tin anh Thanh tắc động mạch vành tim, 3 giờ sáng phải mổ cấp cứu. 6 giờ 30 Bác bảo hỏi tin anh Thanh. 9 giờ anh Tô lên nhà báo anh Thanh bị cảm nặng chưa đi được. 16 giờ, anh Thọ sang báo cáo tin chính thức Anh Thanh đã mất. Lặng điếng!

20 giờ, Bác cùng anh Tô sang viếng đồng chí Thanh quàn tại Câu lạc bộ Quân nhân”.

“Ngày 8/7/1967, thứ bảy, 10 giờ sáng Bác bảo đến thăm chị Thanh và gia đình”.

“Ngày 11/7/1967, 18 giờ Bác mời gia đình anh Thanh sang cùng ăn cơm. Bà Cụ, chị Thanh và 4 cháu”.

Từ đó, hàng năm đều đặn Bác Hồ cho mời cả gia đình Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đến nhà sàn thăm hỏi. Qua cán bộ giúp việc, Bác nhắc theo dõi sự trưởng thành, tiến bộ của các con, thăm hỏi sức khỏe của “Mẹ” - Cụ bà thân sinh và chị Nguyễn Thị Cúc, vợ của Đại tướng.

Ngày 11-2-1969 (tức ngày 25 Tết âm lịch năm Kỷ Dậu), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp và mời cơm gia đình các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Đăng Ninh, Nguyễn Sơn... Có lẽ đây là lần cuối cùng Bác gặp gia đình người cán bộ yêu quý nhất của mình.

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Nhà chính trị quân sự lỗi lạc, người cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng, vị tướng tận tụy của nhân dân thật xứng đáng với danh hiệu “Anh bộ đội Cụ Hồ” và là một trong những học trò xuất sắc nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Theo Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

ĐỒNG CHÍ ĐỖ MƯỜI MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

(Bài viết của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhân sinh nhật lần thứ 95 của đồng chí Đỗ Mười)

Ngày 2-2-2012, chúng ta trân trọng chúc mừng sinh nhật lần thứ 95 của đồng chí Đỗ Mười - một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới của đất nước ta.

Bảy mươi ba tuổi Đảng, 76 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Đỗ Mười đã đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo trong Đảng và chính quyền, từ Bí thư cấp ủy tại một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính và Chính ủy Tư lệnh Liên Khu III; Bí thư Khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến và Chính ủy Tư lệnh Khu Tả Ngạn sông Hồng trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đến đứng đầu nhiều bộ, ngành, nhiều năm lãnh đạo Chính phủ và đảm nhiệm cương vị Tổng Bí thư của Đảng¹.

Trong thời chiến cũng như thời bình, đồng chí luôn là một chiến sĩ cách mạng kiên trung, một người chỉ huy mưu lược, quyết đoán, một nhà lãnh đạo tài năng, đức độ với cuộc sống giản dị, chân tình, hết lòng vì nước vì dân.

Trưởng thành từ một công nhân, với nhiệt huyết cách mạng sục sôi, lại say mê tự học, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cùng với sự mẫn cảm chính trị đã tạo cho đồng chí Đỗ Mười sự hiểu biết sâu sắc về nhiều lĩnh vực với một tư duy sắc sảo, nhạy bén và khả năng hùng biện, cuốn hút mọi người cùng hành động. Trải qua nhiều lĩnh vực công tác, đương đầu với những thăng trầm trong tiến trình phát triển của đất nước đã trui rèn đồng chí Đỗ Mười thành một nhà lãnh đạo tâm cốt của cách mạng Việt Nam, để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trên từng cương vị công tác, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Vào cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, nền kinh tế nước ta trong tình trạng khủng hoảng kéo dài, lạm phát tăng cao, sản xuất đình đốn. Việc chuyển đổi cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân là nhiệm vụ hết sức khó khăn; trong nhiều vấn đề cụ thể còn là cuộc đấu tranh về quan điểm phát triển, đòi hỏi quyết tâm chính trị rất cao. Với trách nhiệm là Phó Chủ tịch rồi Chủ

1. Đồng chí Đỗ Mười tên thật là Nguyễn Duy Cống, sinh ngày 02.02.1917, đã tham gia 7 khóa Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 8 khóa là đại biểu Quốc hội, 33 năm là thành viên Chính phủ, 5 khóa tham gia Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hơn một khóa làm Tổng Bí thư của Đảng.

tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Đỗ Mười đã cùng với nhiều đồng chí lãnh đạo và các cán bộ đi sâu đi sát cơ sở, nghiên cứu tìm tòi từ thực tiễn, đề xuất với Đảng và Chính phủ nhiều giải pháp sáng tạo trong lãnh đạo điều hành để thực hiện những bước quan trọng về phát huy dân chủ trong kinh tế, đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh, khai thác mặt tích cực của thị trường, tạo điều kiện giải phóng sức sản xuất, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại... Nhờ đó, nền kinh tế từng bước được tháo gỡ khó khăn, sản xuất và đời sống dần được cải thiện, nước ta đã kiềm chế được lạm phát phi mã từ 774% năm 1986 xuống 34,7% năm 1989, 14% năm 1992 mà không có sự trợ giúp nào từ bên ngoài.

Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới mà tiền đề quan trọng nhất là đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Thực hiện đường lối đó, nhiều chính sách mới đã được ban hành như chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh, chính sách đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản, chính sách đầu tư nước ngoài, chính sách khoán 10 trong nông nghiệp... Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành có hiệu quả của Nhà nước chỉ sau hơn bốn năm tiến hành công cuộc đổi mới, *nước ta từ chỗ thiếu ăn triền miên, phải nhập khẩu gạo, đã vươn lên đủ ăn, có dự trữ và xuất khẩu, hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi; kinh tế đối ngoại phát triển*

*nhANH... và đặc biệt là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*², tạo tiền đề quan trọng để đổi mới sâu rộng và toàn diện hơn trong giai đoạn sau này.

Quán triệt đường lối của Đại hội Đảng VI, đồng chí Đỗ Mười đã cùng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng tổng kết, đúc rút những bài học kinh nghiệm quý báu từ những ngày đầu đổi mới, đề ra và chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp mang tầm chiến lược trong phát triển đất nước. Với vai trò là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí đã cùng lãnh đạo Đảng và Nhà nước chỉ đạo việc nghiên cứu, trình Đại hội Đảng VII thông qua hai văn kiện lịch sử là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Các văn kiện này đã xác định hệ thống các quan điểm, chủ trương và giải pháp tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm 1991, đồng chí Đỗ Mười đảm nhận trọng trách Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. Đây là thời kỳ đất nước ta đứng trước những thử thách hiểm nghèo. Một mặt là do hậu quả của khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm; mặt khác, sự sụp đổ của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã tác động

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.18.

sâu sắc đến đời sống kinh tế - xã hội nước ta, lòng tin của một bộ phận nhân dân giảm sút, đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội³. Chính tại thời khắc lịch sử này, bản lĩnh của người cộng sản được tôi luyện qua nhiều thử thách trong đấu tranh cách mạng ở đồng chí Đỗ Mười đã được phát huy cao độ.

Từ sự kiện Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, với nhay bén chính trị của mình, đồng chí cùng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng chỉ đạo nghiên cứu, phân tích, làm rõ những sai lầm trong đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, đi sâu chấn chỉnh nội bộ Đảng ta, không để Đảng ta lệch lạc về quan điểm, đường lối; lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân đoàn kết, triển khai sâu rộng và hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ của VII của Đảng, tiếp tục tạo nên sức chiến đấu mới cho Đảng vượt qua những năm tháng cam go và giữ vững vai trò lãnh đạo. Phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, ngày 18-6-1992, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đưa ra một luận điểm rất quan trọng: “Tất cả phải được tiến hành một cách đồng bộ, trong đó *nhiệm vụ kinh tế là trung tâm và nhiệm vụ xây dựng Đảng giữ vai trò then chốt*”⁴. Tiếp đó, Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Đỗ Mười đứng đầu đã triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.109.

VII của Đảng. Hội nghị là sự chuẩn bị chính trị tư tưởng cho Đảng và nhân dân ta kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện phe xã hội chủ nghĩa cùng phong trào cộng sản và công nhân thế giới ở vào giai đoạn thoái trào. Chính tại hội nghị này, Đảng ta xác định bốn nguy cơ đang đặt ra đối với Đảng ta, đất nước ta, đó là: *nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; âm mưu và hành động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch*⁵. Để đối phó với những nguy cơ đó, hội nghị đã một lần nữa khẳng định *phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt*⁶. Dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đồng chí Đỗ Mười trong vai trò Tổng Bí thư, cả hệ thống chính trị đã chung sức đồng lòng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, từng bước đưa Cương lĩnh và Chiến lược vào cuộc sống, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo thế và lực mới, tiếp tục tiến lên đổi mới và hội nhập.

Đồng chí Đỗ Mười đã luôn suy nghĩ, trăn trở về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về hội nhập kinh

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.52, tr.82; t.53, tr.198.

6. Điều này được Đại hội Đảng lần thứ VII tiếp tục khẳng định thành một bài học quan trọng.

tế quốc tế và độc lập tự chủ, về tiến trình công nghiệp hóa và hướng đi lên của nông nghiệp nông thôn và nông dân nước ta. Cũng trong nhiệm kỳ Đại hội VII, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5 về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và Nghị quyết Trung ương 7 về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Đây là các nghị quyết quan trọng đặt nền móng để Trung ương các khóa sau tiếp tục hoàn thiện, nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế cơ bản nhất trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhìn lại, chúng ta càng thấy tính sáng suốt, đúng đắn trong các nghị quyết này, càng nhận thấy sự đóng góp to lớn của đồng chí Đỗ Mười với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Cùng với đổi mới kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai năng động, hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Ngay trong những ngày đầu của nhiệm kỳ Tổng Bí thư, đồng chí Đỗ Mười đã cùng lãnh đạo Đảng, Nhà nước chỉ đạo thực hiện chủ trương khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; xóa bỏ thế bị bao vây, cấm vận và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ; gia nhập ASEAN; khai thông quan hệ với các định chế tài chính quốc tế... Các thành tựu ngoại giao thời kỳ này đã mở ra chương mới cho đối ngoại Việt Nam, góp phần mở

rộng các quan hệ kinh tế và hợp tác nhiều mặt giữa nước ta với các nước, tạo tiền đề để nước ta chủ động, tích cực hội nhập khu vực và thế giới, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Dân chủ là bản chất tốt đẹp của chế độ ta, ở đồng chí Đỗ Mười dân chủ không chỉ là tác phong lãnh đạo sâu sát thực tiễn, gần gũi với nhân dân mà còn là quan điểm cốt lõi của Đảng, coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc phát triển đất nước. Đồng chí Đỗ Mười đã đề xuất với Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, góp phần tích cực xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở và trên phạm vi cả nước. Đồng chí Đỗ Mười cũng luôn quan tâm lãnh đạo việc xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước ta thực sự là của dân, do dân và vì dân. Chính trong nhiệm kỳ đồng chí Đỗ Mười làm Tổng Bí thư, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội đã sửa đổi Hiến pháp 1992 để phù hợp với tình hình mới, đề cao nguyên tắc mọi quyền lực Nhà nước đều thuộc về nhân dân và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội.

Gắn bó với nhân dân, quan tâm đến đời sống của các tầng lớp nhân dân là bản chất, là tính cách tự nhiên của đồng chí Đỗ Mười. Đồng chí luôn gần gũi và sẵn sàng đối thoại với dân, lắng nghe và thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng

của nhân dân; luôn trăn trở về các chủ trương, chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Đảm trách cương vị Tổng Bí thư của Đảng, dù bận trăm công ngàn việc, đồng chí vẫn dành thời gian đọc đơn thư của dân, chỉ đạo việc tiếp dân trở thành một nhiệm vụ thường xuyên của lãnh đạo các cấp ủy Đảng và chính quyền. Đặc biệt quan tâm đến những người có công với cách mạng, gia đình chính sách, đồng chí Đỗ Mười đã đề xuất phong tặng Danh hiệu vinh dự nhà nước *Bà mẹ Việt Nam anh hùng*, xác lập thêm một hình thức tri ân, đền ơn đáp nghĩa thiết thực, có ý nghĩa giáo dục và giá trị nhân văn sâu sắc trong xã hội ta.

Tinh thần cách mạng triệt để, phong cách làm việc cụ thể, sâu sát, nhiều khi trời chưa sáng hoặc đã đến tận khuya, đồng chí Đỗ Mười vẫn đánh thức cấp dưới dậy dần dò, nhắc nhở việc này việc khác. Đồng chí cũng hay “truy hỏi” cấp dưới, làm một số người đối thoại mất tự tin. Đây có thể là nhược điểm của đồng chí, nhưng sâu thẳm bên trong một con người luôn hành động quyết liệt là một tấm lòng nhân ái, bao dung, yêu thương cấp dưới, yêu thương đồng chí, đồng bào, chăm lo phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ cho Đảng, cho đất nước. Nhiều người từng được làm việc, tiếp xúc với đồng chí Đỗ Mười, cũng có cảm nhận giống tôi. Không ít trong số họ đã được đồng chí Đỗ Mười phát hiện, bồi dưỡng đào tạo, trở thành những cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị nước ta.

Đối với tôi, dù thời gian đi qua đã khá lâu, đến nay

tôi vẫn còn nhớ rất rõ từng cử chỉ, lời nói rất sâu sắc, thuyết phục và rất thân tình của đồng chí Đỗ Mười khi tôi phải vào bệnh viện để phẫu thuật và trước khi điều động tôi từ Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang ra nhận nhiệm vụ Thứ trưởng Bộ Công an, hay khi giới thiệu tôi tham gia Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII và khi phân công tôi làm nhiệm vụ Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, kiêm nhiệm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tôi luôn chân thành biết ơn và thật sự khâm phục về tấm gương cách mạng trong sáng, về tình thương và trách nhiệm của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười.

Vấn nguyên tính cách của người cộng sản kiên trung, một con người của hành động, luôn đau đáu nghĩ suy, lo toan những vấn đề đặt ra của đất nước, của Đảng, tuy đã nghỉ công tác nhưng đồng chí vẫn giữ giờ giấc như ngày còn đương chức, vẫn thức khuya dậy sớm, nghiên cứu tài liệu, gặp gỡ các nhà khoa học, bạn bè, đồng chí để tìm hiểu những vấn đề mới, luận bàn về công việc của đất nước, về xây dựng Đảng; tâm huyết đề xuất với Đảng và Nhà nước về nhiều công việc quan trọng, từ những tư duy chính sách mới về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại đến các biện pháp rất cụ thể để nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp cơ khí chế tạo, bảo đảm đời sống của người nghèo, phòng tránh thiên tai, bão lũ... ở đồng chí Đỗ Mười - một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn mẫu mực về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; một nhân

cách lớn, một tấm lòng nhân hậu của nhà lãnh đạo luôn hòa quyện với những suy nghĩ và mong ước đời thường của người dân.

Những ai đã từng gặp gỡ, từng chiến đấu, công tác và làm việc gần gũi với đồng chí Đỗ Mười, hẳn không thể quên những hình ảnh vô cùng thân thiết, dung dị, những kỷ niệm đẹp đẽ đầy tình đồng chí, tình người, những thái độ ân cần chỉ bảo, động viên, khuyến khích của đồng chí. Và, chắc hẳn cũng đồng cảm chia sẻ cảm xúc mộc mạc mà chân thành như nhà thơ Phạm Tiến Duật đã viết:

*“... Tôi nhìn bác, người anh, người đồng chí,
Hiền từ như đồng đất quê tôi.
Ấy trái tim không già, ấy trái tim trung thực,
Suốt một đời chỉ đập vì dân”⁷.*

Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

7. Trích bài thơ *Một trái tim không thể nào già* của nhà thơ Phạm Tiến Duật kính tặng đồng chí Đỗ Mười.

ĐỒNG CHÍ HÀ VĂN LÂU “LUÔN LUÔN NHỚ GIỮ NÂU SỐNG KHÁNG CHIẾN”

Đồng chí Hà Văn Lâu sinh năm 1918 ở làng Sinh bên bờ nam Sông Hương, huyện Phú Vang, Thừa Thiên – Huế. Tháng 10-1944 đồng chí được cách mạng giác ngộ, phân công dạy quân sự cho thanh niên, đồng chí trực tiếp tham gia khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 tại Khánh Hòa. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí đã chiến đấu ở các chiến trường Khánh Hòa, Bình Trị Thiên. Tháng 8-1954 đồng chí được phong Đại tá. Theo yêu cầu công tác, đồng chí trực tiếp được tham gia cả hai hội nghị ngoại giao lớn của đất nước là hội nghị Genève và hội nghị Paris. Từ năm 1974 đến lúc về hưu năm 1991, đồng chí làm trưởng phái đoàn Việt Nam tại Liên hiệp quốc, đại sứ ở Cuba, Mexico, Jamaica, Pháp.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, đồng chí vinh dự được nhiều lần gặp Bác Hồ và có nhiều kỷ niệm sâu sắc về Bác. Qua mỗi lần gặp Bác, đồng chí đều học được từ Bác những bài học vô cùng quý giá mà đồng chí đã mang

theo làm hành trang sống và cống hiến trong suốt cuộc đời mình...

Lần thứ nhất

Lần đầu tiên được đặt chân lên căn cứ địa cách mạng của cả nước, Sáu Lâu vô cùng xúc động và hồi hộp. Vừa về đến nhà khách của Bộ Tổng Tư lệnh, thấy anh chị em phục vụ tiếp đón chu đáo, niềm nở, anh mới hiểu được Trung ương đã thương mến và quan tâm đến các cán bộ từ mặt trận về như thế nào - mà lại là mặt trận Bình Trị Thiên, nơi vô cùng gian khổ và ác liệt.

Sau những buổi làm việc, anh Văn (đồng chí Võ Nguyên Giáp) thường nhắc Sáu Lâu: “Có nguyện vọng gì, cần gì muốn nói, muốn trao đổi, cần những trang thiết bị gì cứ đề xuất, Bộ Tổng Tư lệnh sẽ xem xét, giải quyết”. Trong những điều đề đạt, có một nguyện vọng thiết tha mà Sáu Lâu muốn nói là xin được gặp Bác Hồ. Nhưng anh lại nghĩ: “Bác bận nhiều việc”, nên anh đành im lặng, nhưng có lúc lại nghĩ: “Khó có dịp ra Việt Bắc để được gặp Bác. Lần này xong việc trở về mà không được gặp Bác Hồ thì buồn biết bao!”.

Suốt mấy ngày theo liên lạc đi về trong Bộ Tổng Tham mưu, Sáu Lâu cố nghiêng ngó không biết chỗ Bác Hồ ở có gần đây không. Anh nghe nói Bác Hồ thường chạy tập thể dục buổi sáng, thường đi cuốc đất trồng rau hoặc chơi bóng chuyền vào buổi chiều, có khi Bác ra ngồi bên bờ suối câu cá... Biết thế, những ngày ở Việt Bắc, lúc rảnh rỗi vào những buổi sáng, buổi chiều, Sáu Lâu cố đi loanh quanh may ra

được trông thấy Bác nhưng sau khi hỏi dò bộ đội bảo vệ, anh mới biết chỗ Bác ở rất xa...

Trưa ngày 19-5-1950, sau buổi làm việc với đồng chí Hoàng Văn Thái, Sáu Lâu về nghỉ mà cứ nằm mãi, không sao chợp mắt được, vì đang suy nghĩ đến tối nay, cơ quan sẽ làm lễ sinh nhật lần thứ 60 của Bác như thế nào, thì một đồng chí cán bộ Văn phòng Phủ Chủ tịch đến báo chuẩn bị chiều nay sẽ đi gặp Bác Hồ.

Niềm vui và hạnh phúc đến quá bất ngờ, Sáu Lâu vùng dậy, bàng hoàng đến mấy phút mới hỏi được lúc nào thì được gặp Bác. Đồng chí cán bộ dặn: “Anh Lâu cứ đợi đây. Sẽ có người đến dẫn đi”. Trong lúc chờ đợi người đến đón, Sáu Lâu liền tìm tới anh em tuyên huấn cạnh đó xin được một tấm hình của Bác, thủ sẵn trong người với ý định sẽ xin Bác một chữ ký đem về làm kỷ niệm.

Xế chiều, một anh bộ đội người miền núi mạnh khỏe, ngồi trên mình ngựa, lại dắt theo một con ngựa đến đón. Sáu Lâu hồi hộp lên ngựa và theo anh ta phi một nước đại, tiếp theo một nước kiệu nữa thì đến chân núi. Anh bộ đội gửi ngựa lại rồi dẫn Sáu Lâu đi bộ. Hết đường bộ thì gặp con suối. Theo suối lội ngược lên đầu nguồn. Anh nói tiếng Kinh nghe thật vui: “Đi theo cái nước. Nước trôi cái dấu chân. Thằng gián điệp không tìm thấy đường lên nhà ông Ké ở. Đường nước tốt lắm lối”.

Đến nơi Bác ở, thấy người rất đông, lúc đó Sáu Lâu mới được biết Chính phủ đang tổ chức lễ mừng thọ Bác tròn

60 tuổi. Anh xúc động đến nghẹn lời khi có người trong ban tổ chức buổi lễ đến bắt tay chào và hỏi thăm sức khỏe. Cũng nhờ người này giới thiệu những quan khách có mặt hôm nay, Sáu Lâu lần đầu tiên mới được thấy các cụ Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại và các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Phan Anh...

Bác xuất hiện thật bất ngờ, trong bộ quần áo màu chàm, trông Bác chẳng khác một người miền núi Việt Bắc. Sáu Lâu nhận ra ngay Bác giống như bức ảnh anh mang theo: vầng trán mênh mông, đôi mắt sáng ngời và bộ râu thưa, đã có sợi bạc. Giọng Bác nói vang xa và ấm áp rõ ràng, bước đi vững chắc, đến chào mọi người, nói lời cảm ơn và đến chỗ ngồi. Sáu Lâu nhìn Bác không rời.

Thoạt tiên, các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể lên chúc thọ Bác. Bác đáp lại bằng mấy câu thơ:

Sáu mươi tuổi vẫn còn xuân chán

So với ông Bành vẫn thiếu niên

Ăn khỏe, ngủ ngon làm việc khỏe

Trần mà như thế kém gì tiên.

Sau đó, ban tổ chức buổi lễ mời Bác và các vị quan khách vào dự bữa cơm thân mật. Sáu Lâu được vinh dự thay mặt lực lượng vũ trang toàn quốc chúc thọ Bác và được ngồi cạnh Bác. Chắc rằng các đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đã có thưa trước về đại biểu của Bình Trị Thiên nên Bác hỏi ngay tình hình đời sống kháng chiến của bộ đội,

đồng bào. Sáu Lâu vừa bất ngờ vừa lo lắng và lúng túng bởi không được chuẩn bị trước, cứ nhớ đầu nói đó. Sau khi báo cáo tóm tắt những điểm chính với Bác, Sáu Lâu nói thêm: “Thưa Bác ở Bình Trị Thiên, mỗi khi chiến đấu, bộ đội xung phong lên giết giặc thường hô to: Hồ Chủ tịch muôn năm”. Nói đến đó, anh nghẹn lời, ngồi im. Nghe thế Bác cũng rưng rưng nước mắt, lặng đi một hồi. Sáu Lâu nhìn sang thấy đồng chí Phạm Văn Đồng nháy mắt như động viên cú bình tĩnh mà nói. Hình như Bác đã thấy Sáu Lâu mãi lắng nghe và lo lắng trả lời những câu hỏi của Bác mà quên cả ăn. Bác liền gấp thức ăn bỏ vào chén anh và nói: “Thôi chú Lâu ăn đi. Bác không hỏi nữa”.

Cơm xong, Bác và mọi người qua bàn uống nước, Sáu Lâu vội vàng đem bức ảnh Bác ra xin Bác ký vào một chữ dưới bức ảnh để mang về làm kỷ niệm. Bác cầm bức ảnh không ký ngay mà cúi xuống nắn nót viết một dòng: “Kháng chiến nhất định thắng lợi”, rồi ký tên: “Hồ Chí Minh”. Anh trân trọng đón bức ảnh Bác trao, rồi xin chào từ biệt Bác ra về, Bác nói: “Chú về, cho Bác gửi lời hỏi thăm bà con đồng bào và chiến sĩ trong đó...”

Sáu Lâu nắm lấy bàn tay của Bác mà không muốn buông ra. Chân đã bước theo người dẫn đường mà mắt còn ngoảnh lại trông mãi theo Bác cho đến lúc khuất bóng sau rừng cây...

Lần thứ hai

Được Cục Tác chiến Bộ Tổng Tham mưu báo cáo diễn

biến về trận Thanh Lâm Bồ, Trung đoàn 101 đã đánh tan tác binh đoàn Sốcên của tướng Etăng, tiêu diệt 950 tên địch ở Phú Vang, Thừa Thiên, Bác Hồ liền gửi thư khen. Bác viết: “Một lần nữa Bác vui mừng và thân ái gửi lời khen ngợi cán bộ chiến sĩ đã thắng trận ở Phú Vang. Thắng lợi ấy chứng tỏ quân đội ta dũng cảm và tiến bộ. Thắng lợi ấy một phần là nhờ sức đoàn kết và ủng hộ của nhân dân. Vậy các chú chuyển lời Bác cảm ơn đồng bào. Bác dặn các chú phải nhớ hai điều:

1. Chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch, phải luôn luôn cẩn thận và cố gắng để tranh thủ thắng lợi to hơn nữa.
2. Phải luôn luôn nhớ: Du kích chiến tranh là chính. Vậy các chú phải giúp đỡ du kích chiến tranh phát triển và củng cố khắp mọi nơi.

Chào thân ái và quyết thắng”.

Sau đợt chỉnh huấn toàn quân hè 1952, rút kinh nghiệm các chiến dịch trước, nhất là Hòa Bình. Thấy rõ phương hướng tiến công chiến lược của ta lúc này đánh vào nơi sơ hở của địch là ở vùng rừng núi. Trung ương quyết định mở chiến dịch mới với mục tiêu là diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai, xây dựng căn cứ địa Tây Bắc. Do đó, hướng chính của chiến dịch lần này là chiến trường Tây Bắc. Mục tiêu tấn công chính là Phân khu Nghĩa Lộ. Chiến dịch này Sáu Lâu được Bộ Tổng Tư lệnh phân công ở tại bản doanh để giúp Quân ủy và Tổng tư lệnh chỉ

đạo chiến dịch. Việc đầu tiên của chiến dịch là mở hội nghị quân sự bàn về chiến dịch tại cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Cục Tác chiến có nhiệm vụ trình bày kế hoạch tác chiến. Hội nghị rất vui mừng được tin Bác Hồ hứa là sẽ đến dự. Sáng hôm đó anh em phấn khởi bước vào nhà họp. Hội nghị bắt đầu thì trời bỗng mưa to, gió lớn. Con suối trước mặt nước dâng cao chảy xiết. Mọi người đang lo, thì ngoài ngõ, anh em bảo vệ mừng rỡ reo to: “Bác đến! Bác đến!”.

Sáu Lâu nhìn ra thấy Bác đi dép cao su, nhanh nhẹn bước vào, đầu đội nón lá, bộ áo quần bà ba nâu bạc màu, khoác mảnh ni lông che mưa đều ướt sũng... Đồng chí Võ Nguyên Giáp bảo anh em ngồi xuống để nghe Bác nói chuyện. Bác nói: “Tây Bắc là chiến dịch ta đánh lớn. Có thể sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng nếu quyết tâm thì việc gì cũng làm được. Vậy các chú có làm được không?”. Cả hội trường ứa nước mắt xúc động đứng dậy đồng thanh nói: “Thưa Bác, quyết tâm làm được ạ!”.

Được gặp Bác Hồ lần này, Sáu Lâu đã ghi sâu vào lòng về bài học “quyết tâm” của Bác Hồ. Và cũng nhờ bài học quyết tâm đó, mà Thu Đông 1952, quân ta đã thắng lớn...

Lần thứ ba

Đầu tháng 8-1954, trong khi Hà Nội còn quân Pháp chiếm đóng đúng quy định 80 ngày sau khi đình chiến, thì Ủy ban Quốc tế phải có mặt để giám sát. Ngày 10-10-1954, Chính phủ ta mới về tiếp quản thủ đô, vì vậy phái đoàn liên lạc do Hà Văn Lâu dẫn đầu phải có mặt trước tại Hà Nội để làm việc với Ủy ban Quốc tế. Giữa tháng 8-1954, Hà Văn

Lâu được phong quân hàm đại tá, có nhiệm vụ dẫn đầu phái đoàn của ta về Hà Nội.

Trước khi rời Việt Bắc, Đại tá Hà Văn Lâu đến gặp trực tiếp Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp để nhận chỉ thị. Sau khi giao nhiệm vụ cụ thể phải hoạt động bên cạnh Ủy ban Quốc tế, anh Văn nói thêm: “Bác bảo giao nhiệm vụ cho anh thì tôi đã giao rồi. Bác chỉ dặn anh về làm việc ở thủ đô thì luôn luôn nhớ giữ nân sống kháng chiến”. Lời Bác dạy tuy đơn giản vậy, nhưng Sáu Lâu xem đó là lời nhắc nhở, căn dặn sâu sắc của Người với cán bộ chiến sĩ trong phái đoàn phải giữ tâm hồn trong sáng, trau dồi đạo đức cách mạng, cảnh giác không để sa ngã trong cảnh sống phồn hoa đô thị.

Thời gian này quân đội ta đang bước vào ổn định tư tưởng để từng bước xây dựng lên chính quy hiện đại, nhất là cảnh giác với vấn đề diễn biến tư tưởng trong hòa bình. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh luôn kêu gọi bộ đội hãy cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù và căn dặn toàn quân chớ nên “say sưa vì thắng lợi mà ngủ quên dưới cờ”. Hãy coi chừng “những viên đạn bọc đường của Mỹ ngụy”. Có người đã được rèn luyện thử thách trong chín năm kháng chiến, chủ quan nói: “Địch dùng đạn bọc đường thì ta mút lấy đường rồi nhả đạn ra”. Nhưng trên thực tế có anh đã mút đường và nuốt luôn cả đạn.

Những ngày đầu về Hà Nội, Sáu Lâu nơm nớp lo âu đơn vị anh phụ trách vi phạm những lời dặn dò của Bác. May sao kỷ luật vẫn giữ vững, công việc vẫn nhịp nhàng và

đạo đức vẫn trong sáng. Hơn một tháng sau, Hà Văn Lâu trở lại Việt Bắc để phản ánh tình hình công tác với Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh. Lần này, công việc ở Bộ Tổng vừa xong thì Bác cho gọi Sáu Lâu đến kể Bác nghe chuyện thủ đô và tình hình công tác với Ủy ban Quốc tế. Ngồi chăm chú lắng nghe Sáu Lâu báo cáo xong, đột nhiên Bác hỏi: “Nghe nói chú Lâu có mua một chiếc xe đẹp lắm phải không?”. Sáu Lâu sững sờ trước câu hỏi bất ngờ của Bác. Anh liền nói: “Thưa Bác khi về Hà Nội, do yêu cầu công tác cần đi lại với Ủy ban Quốc tế, cơ quan phải sắm ô tô. Anh em trong cơ quan dẫn đo, suy nghĩ, đi dò giá rồi về bàn đi bàn lại nhiều lần rằng: Nếu mua một xe cũ cũng phải mất 3.000 bạc Đồng Dương. Còn giá một chiếc xe mới tinh cùng loại thì mất 3.600 đồng. Nên chúng cháu đã đi tới quyết định nhất trí mua chiếc xe mới, vẫn trên tinh thần tiết kiệm chứ không dám xa hoa”... Bác chỉ nghe vậy rồi gật đầu, mà không nói gì thêm. Qua việc này, Sáu Lâu hiểu được sự quan tâm sâu sát của Bác đối với các đơn vị công tác xa với nhiệm vụ nặng nề, sống trong lòng địch. Nghe Phái đoàn ta mua xe mới mà sang, Bác không phê bình ngay, mà tìm hiểu cụ thể sự thật. Và khi thấy Sáu Lâu trình bày lại hợp lý thì Bác chấp nhận...

LÊ CÔNG ĐỒNG

Nguồn: Theo Hà Văn Lâu, người đi từ bến làng Sinh của nhà văn Trần Công Tấn, NXB Phụ nữ, năm 2004)

NỮ TƯỚNG NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Nữ tướng Nguyễn Thị Định sinh ngày 15-3-1920 tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà là con út trong 10 anh em trong gia đình nông dân giàu lòng yêu nước và cách mạng. Thuở nhỏ, bà phải sống trong xã hội thực dân và phong kiến, gia đình đông con nên khó có điều kiện cấp sách đến trường như bao người khác. Bốn phen là anh, hơn nữa thương em nhiều nên anh Ba (Ba Chấn) đã dạy bà học cho biết cái chữ tại nhà. Tuy không học được nhiều nhưng bà rất thông minh, nhạy cảm và hiểu biết đủ điều, thích đọc nhiều truyện, đặc biệt là truyện Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu.

Những nhân vật, những hình ảnh, những cuộc đời trong truyện gợi cho bà có một ước mơ vươn đến cuộc sống cao đẹp, gieo trong lòng bà tình thương sâu sắc đối với tầng lớp dân nghèo trong xã hội và căm ghét những cảnh bất công. Cứ mỗi ngày đem cơm, nước cho anh Ba trong tù, tận mắt chứng kiến cảnh lính Pháp tra tấn, đánh đập dã man, thân hình bầm tím, máu chảy loang trên nền xi măng thì lòng bà lại quặn đau như thắt. Lúc này bà mới hiểu các anh bị bắt, bị đánh đập là vì làm việc cứu nước, cứu dân, chống

lại Pháp, chống lại chủ đế quốc. Từ đó bà hiểu nhiều về nỗi nhục mất nước, người giàu ức hiếp người nghèo và cần phải chống lại chúng.

Năm 1936, vừa tròn 16 tuổi, bà bắt đầu tham gia cách mạng. Hai năm sau (1938) bà được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương. Cũng trong thời gian này, bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn Bích - Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Bến Tre, được không bao lâu thì chồng bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo và hy sinh tại đó. Nhận được tin chồng hy sinh, lòng căm thù của bà lại nhân lên gấp bội. Bất chấp con còn nhỏ, gởi lại mẹ chăm sóc, bà thoát ly gia đình tham gia hoạt động cách mạng tại tỉnh nhà.

Năm 1940, bà lại bị Pháp bắt và biệt giam tại nhà tù Bà Rá, tỉnh Sông Bé (nay thuộc tỉnh Bình Phước). Ba năm tù cũng là ba năm hoạt động kiên cường, bất khuất của bà trong nhà tù. Năm 1943, ra tù trở về Bến Tre, bà liên lạc với tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng của tỉnh và tham gia giành chính quyền vào tháng 8-1945. Tuy còn ít tuổi nhưng nhờ có ý chí kiên cường, lòng yêu nước mãnh liệt, lại nhiều mưu trí nên bà được Tỉnh ủy chọn làm thuyền trưởng chuyến đầu tiên vượt biển ra Bắc báo cáo với Đảng và Bác Hồ về tình hình chiến trường Nam bộ và xin vũ khí chi viện. Từ đó tên tuổi của bà đồ thăm “đường Hồ Chí Minh trên biển”.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ - Diệm ác liệt, với luật 10/59 của Ngô Đình Diệm, địch cứ truy tìm quyết liệt, chúng còn treo giải thưởng cho ai bắt được bà. Nhưng chúng đã không làm gì được bà vì bà luôn thay hình đổi

dạng, có lúc giả làm thầy tu, thương buôn, lúc làm nông dân... và luôn được sự đùm bọc của những gia đình cơ sở cách mạng, của những người mẹ, người chị để qua mắt kẻ địch. Sự thắng lợi của phong trào Đồng khởi Bến Tre (17-01-1960) đã trở thành biểu tượng kháng chiến kiên cường bất khuất, tiêu biểu cho phong trào cách mạng miền Nam, chuyển từ thế phòng ngự, bảo toàn lực lượng, sang thế tấn công, dẫn đến thắng lợi hoàn toàn. Đồng khởi Bến Tre còn thể hiện rõ phương châm đánh địch bằng ba mũi giáp công, đặc biệt là phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của đội quân tóc dài.

Thượng tướng Trần Văn Trà lúc ấy đã đánh giá vai trò của bà Nguyễn Thị Định như sau: “Chị Ba Định là người trực tiếp nhận nhiệm vụ của cấp trên, trực tiếp chỉ đạo triển khai tiến hành cuộc Đồng khởi ở Bến Tre. Khi nghiên cứu cụ thể và có hệ thống về cuộc Đồng khởi nổi tiếng này, tôi không khỏi ngạc nhiên về tài tổ chức, huy động lực lượng, về trình độ vạch kế hoạch và triển khai thực hiện, về nghệ thuật lãnh đạo và ứng phó với tình hình...”. “Rõ ràng qua phong trào này nổi bật lên tài thao lược, ý chí cao, nghệ thuật điều hành của người chỉ huy đội quân tóc dài: Vừa hình thành tổ chức, vừa tác chiến ngay tại chiến trường vô cùng phức tạp...”.

Sinh thời, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã từng nói: “Một người phụ nữ đã chỉ huy thắng lợi cuộc Đồng khởi ở Bến Tre thì người đó rất xứng đáng được làm tướng và ở trong Bộ Tư lệnh đánh Mỹ”. Thế là, giữa năm 1961, bà được

điều động về làm việc ở Bộ Tư lệnh miền Nam cho đến cuối năm 1964 với chức danh Bí thư Đảng - Đoàn, Chủ tịch Hội Phụ nữ. Năm 1965, bà được giao giữ chức Phó Tổng Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam đến năm 1975. Bà luôn là niềm tự hào to lớn của nhân dân xứ dừa Đồng khởi - Bến Tre, tấm gương sáng về lòng yêu nước, tinh thần bất khuất và đức hy sinh cao cả mãi cho thế hệ sau học tập, noi theo. Trong chiến đấu bà là vị tướng tài ba, mưu lược và đầy gan dạ, anh dũng. Trong đời sống hàng ngày, ở đơn vị bà là người chị, người mẹ ân cần, chu đáo và gần gũi chăm lo từng miếng cơm manh áo cho bộ đội. Lúc sinh thời, Bác Hồ đã từng xem bà như một vị tướng. Bác nói: “Phó Tổng Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam là cô Nguyễn Thị Định, cả thế giới chỉ nước ta có vị tướng quân gái như vậy. Thật vẻ vang cho cả miền Nam, cho cả dân tộc ta”.

Năm 1974, Bà được phong quân hàm Thiếu tướng, mặc dù là tướng, Phó Tổng Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam nhưng bà rất nhân ái, rộng lượng, bao dung, sống chan hòa với mọi người, luôn thể hiện đậm nét là một người đồng đội, người chị, người mẹ hiền, tận tụy chăm sóc từ cơm ăn, áo mặc cho các chiến sĩ nhất là nam giới; những nỗi đau, mất mát và sự hy sinh cao cả của nhân dân được bà cảm nhận và chia sẻ một cách tinh tế và kịp thời. Đó là đức tính cách mạng của nữ tướng Nguyễn Thị Định đã được soi sáng nhân cách làm người cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, thống nhất đất nước, bà Định đã giữ nhiều chức vụ trọng trách mới

cùng Đảng và Nhà nước ta lãnh đạo thành công việc thực hiện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước, là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Thương binh Xã hội. Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhất là sự nghiệp đổi mới đất nước bà quan hệ và làm việc với nhiều nước trên thế giới. Bà được Đảng, Nhà nước và các tổ chức quốc tế trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu Hồ Chí Minh, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Giải thưởng Hòa bình quốc tế Lê-nin, Huân chương Liên đoàn phụ nữ dân chủ thế giới, Huân chương của Nhà nước Lào, Huân chương Giron Far Solidaridal và Mariam Graj als của Nhà nước Cuba.

Với 72 tuổi đời, 56 năm hoạt động cách mạng trung kiên, mẫu mực, suốt đời phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng phụ nữ với đức tính khiêm tốn, vị tha, nhân hậu, giản dị, dịu hiền và luôn gần bó mật thiết với nhân dân, bà Ba Định đã là người phụ nữ tiêu biểu nhất, xứng đáng với tám chữ vàng mà Bác Hồ kính yêu đã tặng cho phụ nữ Việt Nam “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Để tri ân công lao đóng góp của nữ tướng Nguyễn Thị Định. Ngày 30-8-1995, bà được Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Giáo sư Trần Văn Giàu nói: “Những người như chị sống làm tướng, chết thành thần”. Đền thờ bà đã được xây dựng và khánh thành vào ngày 20-12-2003 để nhân dân đến viếng và thắp hương tưởng niệm.

Tiếp đến, ngày 8-4-2007, Bộ Quốc phòng đã tặng tượng đồng chân dung nữ tướng trong trang phục áo bà ba, khăn rằn quần cổ đặt tại đền thờ (tượng cao 1m75, nặng 1,025 kg, tác giả là trung tá Nguyễn Phước Tùng - Bảo tàng Lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam).

THANH TOÀN *tổng hợp*

Nguồn: - <http://www.baoninhthuan.com.vn>;

- <http://www.bentre.gov.vn>

- website Đại học An Giang